Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh Lược Giảng

(Nguyên văn: Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh Giảng Ký)

發起菩薩殊勝志樂經講記

Chủ giảng: Lão Hòa Thượng Tịnh Không

Chỉnh lý: Cư sĩ Truyền Tịnh

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Phần 2

3. Di Lặc Bồ Tát nhân đó hỏi Bồ Tát đời mạt thành tựu mấy pháp để được an ổn độ thoát.

Tiếp theo đây là đoạn thứ năm, kinh văn không dài, chỉ có một hàng rưỡi.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu kỷ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

爾時。彌勒菩薩。復白佛言。世尊。若有菩薩。於后末世五百歲中。法欲滅時。成就幾法。安隱無惱。而得解脫。

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát trong đời mạt sau, trong năm trăm năm, khi pháp sắp diệt, nên thành tựu mấy pháp để an ổn, không phiền não hòng được giải thoát).

Tôi nghĩ đây cũng là vấn đề chúng ta hết sức quan tâm. *"Ư mạt hậu thế, ngũ bách tuế trung"* là nói đến năm trăm năm đầu tiên trong thời kỳ Mạt Pháp, [năm trăm năm ấy] gọi là *"ngũ bách tuế trung".* Trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, Chánh Pháp tồn tại một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm. Năm trăm năm đầu của thời kỳ Mạt Pháp, nói chính xác là hai ngàn năm trăm năm sau khi đức Phật diệt độ. Bởi thế, câu này chính là nói đến thời đại hiện tại của chúng ta.

"Pháp dục diệt thời": Diệt ở đây không phải là thật sự diệt, mà là Phật pháp ngày càng suy thoái. Chúng ta thấy Phật pháp trong xã hội hiện đại, đúng là *"pháp sắp diệt"* như đức Phật đã nói. Đừng tưởng Phật pháp tại Đài Loan hưng thịnh phi thường, tướng hưng thịnh ấy là giả, chẳng thật đâu, chỉ có thể nói là Phật pháp tại Đài Loan náo nhiệt mà thôi! Xưa kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ (cụ chưa từng đến Đài Loan) giảng kinh thuyết pháp ở Bắc Kinh đã công khai bảo mọi người:

"Phật pháp tại Đài Loan là giả, chẳng phải thật. Phật pháp chân chánh nằm ở Hoa Lục". Tôi đến Bắc Kinh, thính chúng đem câu nói ấy hỏi tôi: *"Phật pháp tại Đài Loan có phải là giả hay không?"*

Chư vị hãy chú tâm quan sát một phen: Phật pháp ở Đài Loan rốt cuộc là thật hay chỉ là giả? Phật pháp chân chánh dạy người liễu sanh tử, thoát tam giới, còn Phật pháp giả dạy người ta tiếp tục gây tạo lục đạo luân hồi. Người Đài Loan tu phước rất nhiều, người tu đạo rất ít. Người tu phước nhiều thì sẽ đến đâu để hưởng phước ấy? Vấn đề này lớn lắm đó nghe!

Đời sau có được làm người nữa hay không là một vấn đề lớn. Đời sau nếu chẳng được làm thân người thì vẫn có phước báo. Trong đường súc sanh có rất nhiều phước báo đấy chứ! Chúng ta chẳng cần phải tự hào chính mình có phước báo rất lớn; thật ra, nghĩ lại, bọn ta phước báo kém hơn súc sanh đó nghe! Quý vị có thấy người ngoại quốc nuôi các con thú cưng chưa? Bao nhiêu kẻ phục dịch, chăm sóc chúng. Chúng ta đến những chỗ đó, có ai quan tâm đến mình hay chăng? Nghĩ ra, phước báo của mình chẳng bằng chúng nó! Quý vị thấy những con mèo nhỏ, con chó nhỏ đó được chăm sóc chu đáo thì phước báo của chúng do đâu mà có? Là do đời trước tu đấy! Quan sát nhiều sẽ hiểu rõ, quý vị phải nên thức tỉnh.

Đoạn kinh này nói trong thời đại Mạt Pháp, chúng ta cần phải thành tựu mấy pháp mới hòng đạt được *"an ổn, không phiền não, đạt được giải thoát".* Ở đây, *"giải thoát"* là siêu thoát luân hồi lục đạo. Điều thứ hai là gì? Lại còn phải tiến lên, vượt khỏi mười pháp giới thì mới là giải thoát rốt ráo. Bởi lẽ, siêu thoát lục đạo luân hồi vẫn chưa rốt ráo, nhất định phải siêu việt mười pháp giới. Pháp môn Tịnh Độ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là siêu thoát mười pháp giới, Tây Phương Tịnh Độ chẳng thuộc trong mười pháp giới.

4. Phật đáp: Dùng hai loại "bốn pháp" để được giải thoát.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

佛告彌勒菩薩言。彌勒。若有菩薩。於后末世。五百歲中。法欲滅時。當成就四法。安隱無惱。而得解脫。

(Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, hãy nên thành tựu bốn pháp thì sẽ được an ổn, không phiền não, được giải thoát).

Trong đoạn này, đức Phật dạy chúng ta bốn nguyên tắc vô cùng trọng yếu, ta cần phải tuân thủ. Chẳng cần biết là tu học pháp môn nào, nếu trái nghịch, vi phạm bốn nguyên tắc này thì quý vị sẽ chẳng thể tu học thành tựu.

Chánh kinh:
Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Ư chư chúng sanh, bất cầu kỳ quá.
何等為四。所謂於諸眾生。不求其過。
(Những gì là bốn? Chính là: Với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ).

Chẳng những chỉ đối với các vị Đại Thừa Bồ Tát, mà đối với hết thảy chúng sanh đều chẳng nên gây rắc rối cho họ, đều chẳng nên tìm lỗi lầm của họ. Câu này giống như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: *"Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá"* (Nếu là người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian). Người chân chánh tu đạo, trong mỗi một niệm chỉ quan tâm đến chánh niệm của chính mình, có thời gian đâu để thấy lỗi lầm của người khác cơ chứ! Chúng ta phải biết điều này, thấy lỗi người khác tức là mình có lỗi sờ sờ. Nếu tâm quý vị thanh tịnh, không có phiền não, làm sao quý vị thấy lỗi người khác cho được? Nếu một phen tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài mà trong tâm phiền não bèn hiện hành, thì đấy là do *"thấy lỗi của người khác"*.

Bởi thế, Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát. Bọn ta là hạng nghiệp chướng sâu nặng, thấy chư Phật, Bồ Tát nghiệp chướng cũng sâu nặng luôn! Đấy chính như đức Phật đã dạy: *"Tướng tùy tâm chuyển"*. Vì thế, quý vị thấy cảnh giới bên ngoài tướng trạng ra sao thì sẽ biết rõ tâm mình như thế nào. Quý vị thấy ai cũng có lỗi lầm nghĩa là chính mình lầm lỗi vô lượng vô biên. Khi nào thấy hết thảy chúng sanh đều chẳng có lầm lỗi thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Điều này rất khẩn yếu đấy nhé! Vì thế mới nói *"với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ"* chính là điều thứ nhất người tu hành phải tuân thủ. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:
Kiến chư Bồ Tát hữu sở vi phạm, chung bất cử lộ.
見諸菩薩。有所違犯。終不舉露。
(Thấy các Bồ Tát có vi phạm gì, trọn chẳng nêu bày)

"Bồ Tát" ở đây là người hoằng dương chánh pháp. Bất luận là tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát, cũng chẳng cần biết người ấy là Bồ Tát thật hay Bồ Tát giả,

miễn sao những điều người ấy giảng là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, dẫu cho người ấy có lầm lỗi đi nữa, cũng chẳng nghe, chẳng hỏi đến, vẫn cứ sanh tín tâm thanh tịnh, sanh tâm cung kính đối với người ấy. Điều này rất trọng yếu. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:
Ư chư thân hữu, cập thí chủ gia, bất sanh chấp trước.
於諸親友。及施主家。不生執著。
(Với các thân hữu và hàng thí chủ, chẳng sanh chấp trước).

Đối với chuyện thân hữu, thí chủ cúng dường pháp sư, nếu chẳng chấp trước thì sẽ chẳng tạo thành chướng ngại. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:
Vĩnh đoạn nhất thiết thô quánh chi ngôn.
永斷一切。粗獷之言。
(Vĩnh viễn dứt trừ hết thảy lời lẽ thô lỗ, hung tợn).

"Thô" (粗) là lời lẽ thô lỗ. *"Quánh"* (獷) là lời lẽ hung ác. Chẳng được có thái độ như thế. Đức Phật nói bốn điều ấy.

Chánh kinh:
Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.
彌勒。是為菩薩。於后末世。五百歲中。法欲滅時。成就四法。安隱無惱。而得解脫。
(Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp an ổn không phiền não mà được giải thoát).

Chỉ cần giữ đúng bốn pháp này là được, quý vị sẽ có thể thành tựu đạo nghiệp.

Chánh kinh:
Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:
爾時世尊。欲重宣此義。而說偈言。
(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng)

Thể lệ Phật dùng để thuyết kinh chẳng giống với cách mọi người chúng ta trước tác văn chương. Trong kinh Phật, có Trường Hàng (văn xuôi), có Kệ Tụng, có lúc còn có cả Chú Ngữ. Dụng ý của Ngài rất sâu. Kệ Tụng gần giống như thi ca của Trung Quốc, cũng có gieo vần, nhưng không câu nệ luật bằng trắc, mục đích là nhằm thuận tiện cho việc ghi nhớ, tụng đọc. Ấy là vì đức Phật khai thị điều gì rất trọng yếu xong, sợ bọn ta quên tuốt, kinh văn cũng có lúc chẳng nhớ kỹ hết, Ngài bèn dùng Kệ Tụng cho [thính chúng] dễ thuộc, thường nhớ mãi trong tâm, để hết thảy lúc, hết thảy nơi đều y giáo phụng hành. Vì thế, Phật bèn nói bốn câu sau đây:

Chánh kinh:

Bất cầu tha quá thất,
Diệc bất cử nhân tội,
Ly thô ngữ, xan lận,
Thị nhân đương giải thoát.

Di Lặc! Phục hữu Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

不求他過失。
亦不舉人罪。
離粗語慳吝。
是人當解脫。
彌勒。復有菩薩。於后末世。五百歲中。法欲滅時。當成就四法。安隱無惱。而得解脫。

(Chớ tìm cầu lỗi người,
Cũng đừng cử tội người,
Lìa lời thô, keo bẩn,
Người ấy sẽ giải thoát.
Này Di Lặc! Lại có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, nên thành tựu bốn pháp sẽ an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát).

Tiếp theo đây, đức Phật nói bổ sung bốn câu kinh cũng vô cùng trọng yếu. Trong phần trên, đức Phật nói bốn pháp, trong phần này lại nói bốn pháp nữa, tổng cộng là tám pháp. Trong thời hiện tại, chúng ta phải giữ gìn được tám điều này thì học Phật mới có thể thành tựu, chẳng lui sụt.

Chánh kinh:

Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Bất ưng thân cận giải đãi chi nhân.

何等為四。所謂不應親近。懈怠之人。

(*Những gì là bốn? Chính là: Chẳng nên thân cận kẻ biếng nhác).*

Chúng ta thường thân cận hạng người ấy thì sự tu học của chúng ta sẽ bị ảnh hưởng. Chúng ta là phàm phu sơ học, chẳng có định lực, thiếu trí huệ, vì thế giao du phải chọn lựa người. Có khá nhiều bạn đồng tu chẳng hề để tâm cảnh giác điều này, bị hoàn cảnh xoay chuyển, đáng tiếc vô cùng! Đấy chính là điều ta thường gọi là *"nhân tình Phật sự"* (làm Phật sự theo cảm tình, thiếu lý trí để phán đoán), nó có ảnh hưởng rất lớn đối với hàng phàm phu sơ học. Học Phật ắt cần phải có lý tánh (tức là xử sự theo lý trí), phải buông tình cảm xuống thì mới có thể thành tựu. Pháp thứ nhất nhắm vào ý đó. Phạm vi của chữ *"giải đãi"* hết sức rộng, quý vị có nhận ra hay chưa? Giải đãi, lười biếng có phải là những người hằng ngày ngủ thật nhiều hay chăng? Đối với hạng người ấy, đương nhiên quý vị chẳng thể thân cận được! Họ còn bận ngủ, họ cũng chẳng kề cận quý vị được.

Vậy thì ai mới là kẻ giải đãi? Trước đây, Ấn Quang đại sư từng giảng là kẻ nào ưa đến đạo tràng rất siêng năng, ngày ngày la cà đạo tràng, ngày ngày tìm náo nhiệt. Vì sao họ là kẻ giải đãi? Họ giải đãi đối với việc tu đạo, biếng nhác tu định. Kẻ chẳng tu định, tu huệ, cứ ngày ngày đuổi theo náo nhiệt thì gọi là *"kẻ giải đãi"*. Bởi thế, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa đoạn kinh này. Quý vị đọc Văn Sao, xem Vĩnh Tư Lục sẽ thấy mỗi khi lão hòa thượng thấy đệ tử quy y đến thăm, Ngài liền quở mắng:

- Ngươi đến đây làm chi?

- Con đến gặp sư phụ.

- Trước kia ngươi gặp sư phụ rồi, còn đến đây làm chi nữa? (Ngài quát quay về). Đến chỗ bon chen, tâm cũng loạn động theo, bảo ngươi ở nhà thật thà niệm Phật, ngươi chẳng chịu niệm, ngươi vẫn muốn đến chùa miếu gặp sư phụ, có gì hay mà xem! Đó gọi là *"giải đãi"*.

Sở dĩ Ấn Quang đại sư nói ra điều gì, ai nấy đều rất tôn kính là vì pháp giáo hóa của Ngài chưa có ai đề xướng cả. Hiện thời, các đạo tràng mong mỏi tín đồ đông đảo, tín đồ không đến thì làm sao duy trì được đạo tràng? Bởi thế, con người hiện tại đều chuộng náo nhiệt. *"Náo nhiệt"* chính là giải đãi; biếng nhác tu định, tu huệ, tu tâm thanh tịnh. Ở đây, Phật dạy chúng ta chớ nên thân cận những kẻ như thế, đừng ngày ngày bắt chước họ khiến cho tâm bị loạn động. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Xả ly nhất thiết hội náo chi chúng.

舍離一切。憒鬧之眾。
(Rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo).

Không nên *"ưa thích náo nhiệt"* không chỉ có nghĩa là chẳng ưa thích những nơi ăn chơi vui vẻ trong thế gian mà ngay cả những chỗ hoan hỷ náo nhiệt nơi cửa Phật cũng chẳng nên ham mến. Nói chung, điều gì trái nghịch với Giới, Định, Huệ; trái nghịch với Giác, Chánh, Thanh Tịnh đều là giải đãi, ồn náo. Bởi thế, đoạn văn này dung hàm ý nghĩa rất sâu, rất rộng.

Mục đích của chúng ta là cầu giải thoát, cho nên phải hiểu rõ hai chữ *"giải thoát"* này. "Giải" (解) là cởi mở. Cởi mở cái gì? Cởi bỏ phiền não. "Thoát" (脱) là thoát ly lục đạo luân hồi. Mục đích của việc học Phật là đây. Nếu quý vị chẳng nghĩ đến giải thoát thì chẳng sao, cứ việc ngày ngày lăn vào nơi náo nhiệt. Còn ai là kẻ niệm Phật thật sự mong liễu sanh tử, thoát luân hồi, thật sự cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới thì nhất định phải tuân thủ lời dạy này.

Trước đây, trong kỳ Phật thất, Đàm Hư đại sư đã từng kể cho chúng ta nghe đôi ba câu chuyện cũ, đều là chuyện thật. Ngài kể một đồ đệ niệm Phật của lão pháp sư Đế Nhàn, xuất thân là thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm bèn đứng mà vãng sanh. Người ấy chưa từng đi học, chẳng hề biết chữ, chỉ là một người rất chân thật. Sau khi xuất gia, lão hòa thượng chỉ dạy ông ta sáu chữ "nam mô A Di Đà Phật", chứ chẳng dạy điều gì khác, chỉ dặn dò: *"Ngươi cứ niệm một câu Phật hiệu này, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong lại niệm tiếp".* Quả nhiên, người ấy ở trong một tòa miếu hư nát, không ra khỏi cửa lớn, niệm một câu Phật hiệu suốt ba năm, chẳng bệnh tật gì, biết trước lúc mất, bèn đứng vãng sanh. Vãng sanh rồi vẫn đứng suốt ba ngày để đợi lão hòa thượng Đế Nhàn thay mình lo việc hậu sự.

Ông ta dựa vào đâu để thành tựu? Chính là chẳng thân cận kẻ giải đãi, rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo; bởi thế nói giải thoát chẳng khó, nhưng sao ngày nay chúng ta học Phật khó khăn đến thế? Đó là vì chúng ta đã phạm phải lỗi lầm sau đây: hằng ngày đuổi theo náo nhiệt, coi chuyện đua chen náo nhiệt là làm Phật sự. Quý vị nói coi: Đó có phải là vớ vẩn hay chăng? Quan niệm sai lầm rồi!

Chánh kinh:
Độc xử nhàn tịnh, thường cần tinh tấn.
獨處閑靜。常勤精進。
(Ở riêng chốn thanh vắng, thường siêng tinh tấn).

Ấy là thật sự mong liễu sanh tử, xuất tam giới, thật sự mong giải quyết xong vấn đề ngay trong một đời này. Quý vị phải nhận biết niềm vui tịch tĩnh; hoàn cảnh thanh tịnh chính là sự hưởng thụ tối cao của đời người, trong ấy có niềm vui chân thật. Thế nào là tinh tấn? "Tinh" (精) là tinh thuần, chuyên nhất. "Tấn" (進) là chẳng lùi. Hiện thời, quý vị thấy người học Phật chúng ta cũng rất siêng gắng, nhưng chẳng phải là tinh tấn, mà chỉ là tạp tấn, loạn tấn, nên chẳng có thành tựu. Muốn thành tựu thì phải thâm nhập một môn. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:
Dĩ thiện phương tiện, điều phục kỳ thân.
以善方便。調伏其身。
(Dùng phương tiện khéo điều phục cái thân).

Phương tiện khéo léo điều phục cái thân, trong phần kệ tụng ở phía sau, ta sẽ thấy ý nghĩa này rõ hơn nữa. Câu kệ *"tịch tĩnh, thường tri túc"* nghĩa là điều phục cái thân, biết đủ, thường vui, cuộc sống rất dễ chịu. Có áo để mặc, có cơm ăn no ba bữa, có căn nhà nhỏ để đụt nắng che mưa, là đủ quá rồi, chẳng cần chi hơn nữa. Có cầu thêm thì chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu thấy A Di Đà Phật, ngoài ra chẳng cầu cái gì khác nữa. Tâm quý vị định rồi, quý vị sẽ thật sự hưởng thụ an lạc.

Dùng phương pháp ấy để điều phục cái thân, những chuyện người đời tranh giành đều là giả, đều chẳng mang theo được, đều tranh chẳng được, đều là ngu si tạo tác tội nghiệp. Người thật sự hiểu thấu, người giác ngộ sẽ chẳng thèm tranh nữa, đều buông xuống hết, nhất tâm hướng về đạo. Hướng về đạo là hướng về cái tâm thanh tịnh, hướng đến nguyện vọng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của chính mình.

Trên đây là đức Phật vì chúng ta lại nói thêm bốn pháp nữa.

Chánh kinh:
Di Lặc! Thị vi Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.
Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:
- Đương xả ư giải đãi,
Viễn ly chư hội náo,
Tịch tĩnh, thường tri túc.
Thị nhân đương giải thoát.

彌勒。是為菩薩。於后末世。五百歲中。法欲滅時。成就四法。安隱無惱。而得解脫。爾時世尊。欲重宣此義。而說偈言。

當舍於懈怠。

遠離諸憒鬧。

寂靜常知足。

是人當解脫。

(Này Di Lặc! Đấy là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp, an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

- Hãy bỏ rời giải đãi,

Xa lìa các ồn náo,

Tịch tĩnh, thường biết đủ,

Người ấy sẽ giải thoát)

Phật dùng kệ tụng nhắc lại lần nữa những pháp nghĩa ở trên.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Thị cố Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế thời, dục tự vô não, nhi giải thoát giả, trừ diệt nhất thiết chư nghiệp chướng giả.

爾時世尊。說此偈已。告彌勒菩薩言。彌勒。是故菩薩。於后末世。五百歲時。欲自無惱。而解脫者。除滅一切。諸業障者。

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Vì thế các Bồ Tát vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, muốn tự không phiền não, được giải thoát, trừ diệt hết thảy nghiệp chướng thì...)

Đoạn kinh văn này dùng để tổng kết các đoạn kinh văn trong phần trước. Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta thỉnh giáo đức Thế Tôn: Trong thời kỳ Mạt Pháp (tức là trong xã hội hiện đại đây), chúng ta học Phật phải nên tu bao nhiêu pháp mới hòng gìn giữ an ổn, được độ thoát? Đức Thế Tôn dạy chúng ta tu bốn pháp, nói xong, lại dạy thêm bốn pháp nữa; tổng cộng là tám pháp. Ngài nói xong lại phó chúc Di Lặc Bồ Tát, chứ thật ra là phó chúc mọi người chúng ta, Di Lặc Bồ Tát là người thay mặt cho chúng ta. Đoạn kinh này hết sức quan trọng.

Nói *"trong đời mạt sau, lúc năm trăm năm"* là nói đến xã hội hiện tại. Nếu chúng ta muốn được không phiền não, mong đạt giải thoát - hai chữ *"giải thoát"* này rất trọng yếu - chúng ta đọc [chữ Giải theo âm Quan Thoại] là xiè thì sẽ thành

động từ, còn nếu đọc là jiẻ sẽ thành danh từ; tháo gỡ, dứt bỏ phiền não nên gọi là "giải trừ". "Thoát" là liễu thoát lục đạo sanh tử luân hồi mới coi là thành tựu. Nếu chẳng đoạn phiền não, chẳng thể liễu thoát sanh tử luân hồi, chẳng được kể là thành tựu, bất luận tu pháp môn gì, tu giỏi đến đâu cũng chẳng thành tựu, quý vị vẫn phải sanh tử luân hồi y như cũ. Bởi thế, hai chữ "giải thoát" trọng yếu phi thường, có thể nói nó chính là mục tiêu tu học hiện tiền của chúng ta.

Điều thứ hai là *"trừ diệt hết thảy các nghiệp chướng".* Tôi tin là người có nguyện vọng đạt mục tiêu thứ nhất "liễu sanh tử" chẳng có mấy ai, dường như mục tiêu kế đó là "tiêu nghiệp chướng" thì mọi người đều mong. Ít người có quan niệm liễu sanh tử, nhưng mong tiêu nghiệp chướng lại rất phổ biến. Nếu như quý vị mong tiêu trừ hết thảy nghiệp chướng thì có tám pháp như vậy, đủ thấy tám pháp ấy hết sức quan trọng. Tiếp theo đây, Phật nói:

Chánh kinh:
Ưng đương xả ly hội náo chi xứ.
應當舍離。憒鬧之處。
(Phải nên lìa bỏ những nơi ồn náo).

Phải lìa bỏ những nơi ồn náo. Chúng ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân tái lai. Các vị Phật, Bồ Tát tái lai tu hành chẳng giống chúng ta, mà là: *"Trong pháp Đại Thừa, ở trong chỗ ồn náo mà lìa ồn náo"*, chẳng phải là điều người bình thường [có thể làm được]. Nếu ta học đòi các Ngài, xa lìa ồn náo trong chỗ ồn náo, ta nhất định đọa địa ngục A Tỳ; bởi thế, chắc chắn là chẳng học được.

Cuối bản kinh này có nói: Sơ nghiệp Bồ Tát chẳng giống như huệ hạnh Bồ Tát. Huệ hạnh Bồ Tát phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, họ được kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân Đại Sĩ. Hạnh của các vị ấy đích thực là *"phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn".* Chúng ta là sơ học Bồ Tát, sanh tử là sanh tử, phiền não là phiền não, tuyệt đối chẳng thể *"phiền não chính là Bồ Đề"*, chúng ta làm không được!

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ thân phận mình là như thế nào, trình độ của mình ra sao, phải nên tu học những gì; hoàn cảnh nhất định ảnh hưởng đến tâm tình của chúng ta. Bất cứ hoàn cảnh bất hảo nào cũng sẽ khiến cho thân tâm ta chẳng đạt được hoàn cảnh thanh tịnh, cho nên nhất định phải xa lìa chúng. Vì thế, đức Phật mới dạy chúng ta xa lìa những nơi náo nhiệt, xô bồ.

Chánh kinh:
Trụ A-lan-nhã, tịch tĩnh lâm trung.

住阿蘭若。寂靜林中。

(Ở A-lan-nhã, trong rừng vắng lặng)

Tuy câu này tựa hồ để nói với người xuất gia, nhưng người tại gia mà muốn thành tựu thì cũng chẳng thể tránh khỏi. Bây giờ ta phải hiểu câu kinh này như thế nào đây? Chính là dạy quý vị phải chọn lựa địa phương để cư ngụ. Chúng ta ở chỗ nào mới là tốt? Ở chỗ nào an tịnh thì mới tốt! Người Trung Quốc đặc biệt những ai sống ở Đài Loan, náo nhiệt đã biến thành thói quen, đột nhiên thanh tịnh thì tựa hồ chẳng thể chịu đựng nổi. Chúng tôi ở ngoại quốc thấy người quen sống ở Đài Loan, đến Mỹ quốc sẽ chẳng thể chịu đựng nổi.

Nước Mỹ rất thanh tịnh, hoàn cảnh cư trú rất êm đềm. Họ quy hoạch từng khu vực rất phân minh, trong khu vực buôn bán nhất định không thể ở được, trong khu vực gia cư nhất định không thể buôn bán được. Họ mong cầu hoàn cảnh yên vắng, tuy khoảng cách giữa các nhà lân cận chẳng xa, nhưng nhất định quý vị chẳng nghe thấy âm thanh nhà hàng xóm. Đấy là hoàn cảnh cư trú hiện tại của Mỹ quốc, yêu cầu của họ rất phù hợp với điều được dạy trong kinh này đây. Có những người Trung Quốc già cả, về hưu, sang Mỹ, sống trong hoàn cảnh ấy cảm thấy rất tịch mịch, rất quạnh quẽ nên chẳng sống lâu ở đấy được. Đó đều là vì đã quen ưa chỗ náo nhiệt, đột nhiên an tịnh bèn chẳng thể chịu được!

Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: người tu hành nhất định phải sống nơi thanh tịnh. *"A-lan-nhã"* (Aranya) là tiếng Phạn, có nghĩa là chỗ tịch tĩnh. Thời cổ, tiêu chuẩn an tịnh là chẳng nghe thấy tiếng trâu rống. Do người tu hành quá nửa là sống trong vùng núi hoang, trong thôn quê có nông phu nuôi gia súc. Tiếng trâu rống vang xa nhất. Chỗ nào chẳng nghe thấy tiếng trâu rống, chỗ đấy gọi là A Lan Nhã. Chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa, cảnh giới ấy. *"Tịch tĩnh lâm trung"* là chọn lựa chỗ tu học, chọn lựa chỗ cư trú. Câu thứ ba là:

Chánh kinh:

Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả, cập chư lãn nọa, giải đãi chi thuộc, giai đương viễn ly.

於不應修。而修行者。及諸懶惰。懈怠之屬。皆當遠離。

(Với những kẻ tu hành những pháp chẳng nên tu, và những hạng lười nhác, biếng trễ, đều nên xa lìa).

Câu này dạy chúng ta phải xa lìa ác tri thức. Hạng người ấy gây trở ngại cho sự tu học của chúng ta, ta cần phải xa lìa. *"Ư bất ưng tu, nhi tu hành giả"*, quý vị thử nghĩ xem, những gì là *"bất ưng tu"* (chẳng nên tu)? Bọn họ hằng ngày tu

những gì? Tu tham, sân, si đấy! Tu tham, sân, si thì quả báo là tam ác đạo. Chúng ta tu hành mong thành Phật, bọn họ tu hành mong thành ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, đấy là những điều chẳng nên tu. Nhưng người thế gian tu tam ác đạo rất nhiều, trong số đó có cả chúng ta nữa! Bởi vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh, phải tự kiểm điểm xem chính mình có tham, sân, si hay không? Tập khí tham, sân, si của chúng ta có nghiêm trọng hay không? Nếu đã có mà lại nghiêm trọng nữa thì phải dùng phương cách đối trị. Dùng phương cách nào? Đức Phật dạy chúng ta dùng Giới, Định, Huệ để phá Tham, Sân, Si *"và những hạng lười nhác, biếng trễ"*.

Đấy mới chỉ là một loại, nếu muốn kể ra thì chẳng thể kể hết được! Đó đều là những hạng trái nghịch lời Phật răn dạy, chúng ta đều phải xa lìa!

Chánh kinh:
Đản tự quán thân, bất cầu tha quá.
但自觀身。不求他過。
(Chỉ tự xét mình, chẳng cầu lỗi người).

Đây chính là điều kinh Vô Lượng Thọ dạy *"tẩy tâm dịch hạnh"* (rửa lòng, đổi hạnh). Người tu đạo chân chánh thường phải phản tỉnh, kiểm điểm lỗi lầm của chính mình, chẳng chuyên chú tìm lỗi người khác. Thấy lỗi người khác là một chướng ngại lớn nhất, quý vị tu học Phật pháp công phu chẳng đắc lực, chẳng thể thành tựu. Niệm Phật chẳng những không đạt được Sự Nhất Tâm, mà công phu thành một khối cũng chẳng đạt được, nguyên nhân là vì đâu? Hằng ngày lo ngó lỗi người khác, hằng ngày kể tội người khác, tạo nghiệp đấy nhé! Dù miệng niệm Phật, nhưng tâm hạnh đều là tạo nghiệp, làm sao quý vị thành tựu cho được! Vì thế, phải nhớ kỹ: *"Chỉ tự xét mình, đừng cầu lỗi người"*.

Chánh kinh:
Nhạo ư điềm mặc.
樂於恬默。
(Ưa thích lặng lẽ).

Câu này dạy chúng ta phải an trụ tịnh tu, phải biết thân tâm tịch tĩnh chính là chân lạc.

Chánh kinh:
Cần hành Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ưng chi hạnh.

勤行般若波羅蜜多。相應之行。

(Siêng hành hạnh tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa).

Trong sanh hoạt thường ngày, đối đãi người, xử sự, đối đãi với mọi vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi đều phải có trí huệ cao độ. Bát Nhã Ba La Mật Đa nói theo ngôn ngữ bây giờ là trí huệ cao độ. Chư Phật, Bồ Tát biểu hiện trí huệ cao độ trong từng sanh hoạt, phàm phu sanh hoạt chẳng có trí huệ, chỉ có phiền não. Ở đây, Phật dạy chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bát Nhã Ba La Mật Đa là gì? Phật nói kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, bản dịch chữ Hán kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển. Chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật, nói nghe dễ dàng sao! Nhưng không tương ứng thì không được! Nhất định phải tương ứng. Bởi vậy, chúng ta phải nắm được cương yếu, tổng cương lãnh của Bát Nhã. Điều này, cổ nhân đã làm thay cho chúng ta rồi; dựa theo kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa tiện lắm. Giản tiện, tinh yếu hơn nữa thì có lẽ mỗi vị đồng tu hằng ngày đều niệm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Chúng ta lấy đó làm tiêu chuẩn tu hành, sửa đổi cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của mình.

Về phương diện ứng dụng Bát Nhã, cổ đức bảo rằng chỉ cần quý vị nắm được hai câu cuối trong một bài kệ của kinh Kim Cang, ắt quý vị sẽ tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hai câu ấy là: *"Bất thủ ư tướng, như như bất động"*. Chúng tôi giảng sơ lược hai câu này như sau: Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động. Bất luận lúc nào, hoàn cảnh nào, đối với người với sự, đối với vật, dù là pháp thế gian hay Phật pháp đều chẳng có ngoại lệ. Đối với pháp thế gian chúng ta dùng thái độ đó, đối với Phật pháp vẫn dùng đúng thái độ đó: Chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm. Thật sự làm được *"bất thủ ư tướng, như như bất động"* thì quý vị chẳng khác gì Phật, Bồ Tát rồi!

Hai câu này chúng tôi thường diễn tả là "buông xuống" (phóng hạ), buông xuống được. Tổng cương lãnh của Giáo Hạ là Chỉ Quán. Ngài Thiên Thai giảng Ma Ha Chỉ Quán, hai câu trên đây chính là Chỉ, mà cũng là nói đến buông xuống. Bài kệ cuối cùng trong kinh Kim Cang là:

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điển.
Ưng tác như thị quán.

(Hết thảy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như ánh chớp, như giọt sương,

Nên thường quán như vậy)

Bốn câu kệ này "thấy thấu suốt" (khán phá). Dùng bốn câu kệ này để thấy thấu suốt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Hết thảy pháp là hữu vi, pháp xuất thế gian cũng vẫn là pháp hữu vi. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thậm chí hết thảy chư Phật vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, toàn bộ là pháp hữu vi!

Pháp hữu vi là mộng, huyễn, bọt nước, ảnh. Vì thế, đức Phật mới bảo *"pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp"* (pháp còn phải bỏ, huống chi là phi pháp). "Pháp" là Phật pháp. Phật pháp còn chẳng được chấp trước, vậy thì những gì chẳng phải là Phật pháp đều phải nên bỏ hết! Đấy là lời dạy quý vị phải thấy thấu suốt vậy! Hết thảy pháp là gì? Mộng, huyễn, bọt nước, ảnh chẳng phải thật, là giả đó! Điều này chúng tôi đã giảng rất tường tận, rất thấu đáo trong khi giảng kinh Kim Cang.

Câu *"như lộ, diệc như điển"* nói đến huyễn tướng, giả tướng ấy tồn tại trong thời gian rất ngắn. *"Lộ"* (露) là giọt sương đọng, tỉ dụ cái tướng tương tục của hiện tượng ấy chỉ tồn tại trong một thời gian, nhưng thời gian ấy chẳng dài lâu. *"Như điển"* (如電: Như ánh chớp) là nói sanh diệt trong sát-na, nói cách khác là về căn bản nó chẳng hề tồn tại! Trong Phật pháp có nói *"bất sanh bất diệt"*. Bất sanh bất diệt ngụ ý sanh diệt đồng thời; lúc sanh cũng chính là lúc diệt. Đó chính là chân tướng của hết thảy hiện tượng, rất khó hiểu rõ. Các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh cho chúng ta thấy rồi, điều xác thực là tất cả hiện tượng đều tồn tại trong một thời gian vô cùng ngắn ngủi, gần như chúng ta không có cách nào tưởng tượng được, không cách gì hiểu được nổi. Bài kệ này thuyết minh chân tướng thế gian và xuất thế gian, hễ quý vị thấu hiểu được, quý vị sẽ thấy thấu suốt. Bởi thế, hai câu kệ trước và bài kệ này là nói đến thấy thấu suốt và buông xuống!

Có thể thấy thấu suốt và buông xuống được thì chẳng cần biết là tu học theo tông phái nào hay pháp môn nào, quý vị đều có *"nhập xứ"* cả! Nhập xứ là gì? Là quý vị đều có thể chứng quả. Chữ *"nhập"* này là nhập vào Nhất Chân Pháp Giới, nhập Bất Nhị pháp môn. Nhập được Nhất Chân Pháp Giới, Bất Nhị pháp môn thì chẳng những quý vị vượt khỏi lục đạo, mà còn siêu việt mười pháp giới nữa kia, đấy mới kể là thành tựu viên mãn rốt ráo. Bởi thế, câu này trọng yếu phi thường.

Trong cuộc sống, chúng ta phải tu những gì? Tu những điều này. Nếu nói như vậy, cần chi phải cầu sanh Tịnh Độ nữa? Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quý vị cứ chiếu theo phương pháp này tu hành vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới xong; sau khi vượt thoát, quý vị muốn chứng viên mãn Bồ Đề thì lại

phải tu trọn ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thời gian ấy rất dài! Con số ấy là con số dùng trong thiên văn học đấy nhé!

Chúng ta thường nói thành Phật phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng [thời gian ấy] chẳng phải là tính từ thời gian hiện tại đâu nhé. Lúc quý vị chưa nhập Nhất Chân Pháp Giới sẽ không tính, lúc còn tu hành trong lục đạo không tính, lúc còn trong mười pháp giới, dẫu là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng tính, phải là vượt thoát mười pháp giới, chứng được Nhất Chân Pháp Giới rồi thì kể từ ngày ấy mới tính, phải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể viên mãn Bồ Đề. Đấy là điều kinh điển Đại Thừa thường nói, nếu quý vị lưu ý một chút sẽ hiểu rõ.

Trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất chứng được ba mươi địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng; A-tăng-kỳ kiếp thứ hai chứng được bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa; A-tăng-kỳ kiếp thứ ba chứng được Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Tu trọn ba A-tăng-kỳ kiếp rồi, quý vị đạt đến địa vị nào? Pháp Vân Địa Bồ Tát, vẫn chưa đạt tới địa vị Đẳng Giác; còn phải đạt tới Đẳng Giác mới là thành Phật. Chúng ta thấy lại phải tốn thêm một A-tăng-kỳ kiếp nữa mới thành công. Đó là nói trong trường hợp quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì sao?

Ái chà! Quý vị chiếm tiện nghi lớn lắm! Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân phận chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, hạ hạ phẩm vãng sanh một phẩm phiền não còn chưa đoạn được, đến thế giới Cực Lạc rồi muốn chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo thì phải mất bao lâu? Trong quá khứ, khi giảng kinh chúng tôi đã nói bao nhiêu lần rồi, chúng tôi dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà tính toán tỉ mỉ thì khoảng ba bốn kiếp là thành công! Ba kiếp, bốn kiếp thôi nhé! Nếu quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng thể so sánh được nổi!

Chúng tôi nói rút gọn ý nghĩa này lại cho quý vị nghe: Chẳng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tu hành chứng quả thì phải cần ba vạn năm mới có thể thành công; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày là thành công! Quý vị cứ tính toán đi. Đó là lý do vì sao chúng ta y chiếu Bát Nhã Ba La Mật Đa tu hành, nhưng vẫn phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới chết lòng sát đất[1] niệm Phật cầu sanh, mà cũng chẳng hoài nghi, chẳng còn do dự. Đây là nói về tự hạnh.

---

[1] Tử tâm tháp địa: Ý nói tâm chuyên dốc vào một việc niệm Phật, dứt bặt mọi ý niệm vọng cầu khác, giống như cõi lòng đã chết, đã nguội lạnh đối với những gì phù phiếm, viển vông, tâm

Chánh kinh:

Nhược dục ư bỉ chư chúng sanh đẳng, thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích, ưng dĩ vô hy vọng tâm thanh tịnh thuyết pháp.

若欲於彼。諸眾生等。深生憐愍。多所饒益。應以無希望心。清淨說法。

(Nếu đối với những chúng sanh ấy, sanh lòng thương xót sâu xa, muốn làm nhiều điều lợi ích cho họ thì phải dùng tâm không mong cầu mà thanh tịnh thuyết pháp).

Câu này nói về "lợi tha". Bồ Tát luôn có tâm từ bi, thấy chúng sanh rất khổ, rất đáng thương, nói chung là muốn giúp đỡ họ, nhưng rất đáng tiếc là chính mình không có trí huệ thì rốt cuộc phải giúp đỡ bằng cách nào đây? Càng giúp càng rối thêm, chúng ta thấy rất nhiều [trường hợp như vậy]. Giúp đỡ như thế nào mà càng rối thêm? Giúp họ đọa tam đồ, đẩy họ đọa vào địa ngục, còn bảo là mình tạo công đức rất lớn. Oan uổng quá!

Ở chỗ này, quý vị phải đọc kỹ bộ kinh này, mới hiểu rõ: Chúng ta thường nói mình độ chúng sanh, cứu tế những người khổ nạn, nhưng rốt cuộc là chúng ta đã làm những việc gì? Chúng ta tạo nhân quả như thế nào? Ta cần phải làm những gì thì mới đúng lý, đúng pháp, mới có thể thành tựu chính mình, giúp đỡ người khác? Kinh này dạy *"thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiêu ích"*. "Nhiêu" (饒) là phong phú, phong nhiêu, cũng có nghĩa là lợi ích tối cao, lợi ích thù thắng nhất: giúp cho người khác giác ngộ, chứ chẳng phải nói đến thứ gì khác. Giúp họ nhận biết Phật giáo Đại Thừa, giúp họ nhận hiểu Tịnh Độ, lợi ích ấy vô lượng vô biên.

Nên dùng thái độ như thế nào? Dùng *"tâm không mong cầu"* để giới thiệu Phật pháp cho họ. Nếu như thuyết pháp cho họ mà có tâm mong mỏi nơi họ thì là trật rồi!

5. Lúc dùng tâm không mong cầu để hành pháp thí, sẽ thành hai mươi điều lợi, và lại thêm hai mươi điều lợi nữa.

Theo cách đại sư Ngẫu Ích phán định, chia kinh này thành tất cả mười lăm đoạn, đoạn chúng tôi sẽ giảng dưới đây là đoạn thứ tám.

Chánh kinh:

---

khiêm hạ, không tự ngông nghênh nghĩ "ta đây bản lãnh phi phàm, không thèm cậy vào Phật lực"!

Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.

復次彌勒。若菩薩以無希望心。行法施時。不著名。聞。利。養。果。報。以饒益事。而為上首。常為眾生。廣宣正法。

(Lại này nữa Di Lặc! Nếu Bồ Tát dùng tâm không mong cầu, lúc hành pháp thí, chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo, lấy sự nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp).

"Vô hy vọng" nói cụ thể là ta chẳng mong mỏi những điều gì?

Điều thứ nhất là danh, chẳng vì cái danh, mà cũng chẳng vì "văn". "Văn" (聞) nói theo ngôn ngữ ngày nay là mức độ nổi tiếng. Chúng ta chẳng vì những thứ đó. Hiện thời, có những vị đồng tu in những cuốn sách nhỏ. Có một lần ở phi trường, tôi thấy một vị đồng tu cầm cuốn sách nhỏ để đọc ở đó, đại khái là Vô Lượng Thọ Kinh. Trang đầu cuốn sách ấy in một tấm hình của tôi, tôi thấy là do Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn tống, thật là hồ đồ, phiền toái quá. Không nên như vậy! Quý vị làm vậy tưởng chừng như tôn trọng tôi, chứ thật sự ra là gì? Chỉ là đề xướng danh văn, lợi dưỡng, đề xướng bất tịnh thuyết pháp. Đầu cuốn kinh in hình Phật, hình Bồ Tát thì được, chứ quyết định chẳng thể in hình ai, tuyệt đối chẳng được!

Pháp thế gian có chỗ đáng học theo, nhưng có chỗ chẳng nên bắt chước! Minh tinh điện ảnh gây chú ý, họ đăng ảnh quảng cáo rất nhiều. Lúc chúng ta thuyết pháp, quyết định chớ nên làm giống như thế. Lúc phát thiếp thông báo [thuyết giảng], nếu cứ phải in hình pháp sư lên trên ấy thì có khác gì minh tinh quảng cáo đâu! Người thật sự có đức xem thấy, họ không trách quý vị nhưng cũng chẳng đến dự. Trên thiếp thông báo in hình Phật, hình hoa sen thì được, ngàn vạn phần chẳng nên in hình ai. Điều này quý vị phải nhớ lấy, tuyệt đối đừng tạo danh văn!

"Lợi" là lợi ích, "dưỡng" là cúng dường. Chẳng vì những thứ này [mà thuyết pháp]. Nếu chẳng vì những thứ này, lại có người vì những thứ gì? Vì quả báo. Tôi làm như thế tương lai sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Ý niệm thành Phật, thành Bồ Tát cũng phải bỏ sạch đi, cái gì cũng chẳng cầu thì quý vị mới thật sự thành tựu. Quý vị nghĩ "tôi muốn chứng A La Hán, thành Bích Chi Phật, thành Bồ Tát" thì gọi là "khởi vọng tưởng", là tiêu chuẩn của phàm phu. Họ mong mỏi thì nhất định họ sẽ chẳng đạt được.

Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, làm sao còn có vọng niệm cơ chứ? Thành Phật, thành Bồ Tát là bọn phàm phu chúng

ta nói, chứ chính các Ngài chẳng hề nói mình thành Phật, thành Bồ Tát. Kinh nói các Ngài thành Phật, thành Bồ Tát là tùy thuận chúng sanh mà nói. Chúng sanh hiểu như vậy cho nên Phật nói thuận theo chúng sanh, chứ trong tâm các Ngài tuyệt đối chẳng có ý niệm ấy.

Chẳng những chư Phật, Bồ Tát không có ý niệm ấy, chúng ta xem trong kinh Kim Cang, Tu Đà Hoàn cũng chẳng có ý niệm ấy; chúng ta mới nhận thức rõ ràng là Tiểu Thừa Sơ Quả còn chẳng có ý niệm ấy, nên các Ngài mới chứng được Sơ Quả! Nếu có ý niệm ấy, các Ngài chẳng thể chứng Sơ Quả! Vì sao vậy? Còn có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì là lục đạo phàm phu, chẳng phải là thánh nhân! Bởi thế, những lời Phật răn dạy ở đây gọi là lời răn dạy chân thật, chúng ta chẳng nên có những ý niệm như thế.

Đối với chúng sanh, nhất định phải lấy "nhiêu ích" làm đầu. Nói theo ngôn ngữ hiện thời, "nhiêu ích" là lợi ích lớn nhất, thù thắng nhất, là giúp đỡ hết thảy chúng sanh, lấy đó làm điều ưu tiên. Thù thắng nhất, thù thắng khôn sánh là dạy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp môn này gọi là pháp khó tin, làm sao khiến cho họ tin tưởng? Điều này rất trọng yếu! Bởi thế, tự mình phải nỗ lực tu hành. Nếu chính mình chẳng tu hành, làm sao khiến người khác tin tưởng? Nhất định phải lấy chính mình làm gương tốt nhất để chúng sanh trông vào, họ không tin cũng không được!

Chính tôi khi học Phật, lúc chúng tôi gặp thầy Lý Bỉnh Nam vào năm ấy, thầy Lý ước chừng bảy mươi mốt tuổi, so với tôi, tuổi tác chênh lệch rất nhiều! Thế mà tôi thấy thầy Lý nhiều lắm là bốn mươi tuổi, mà sao cũng chẳng thấy cụ đã ngoài bảy mươi à nghe! Là vì tinh thần cụ sung mãn, thanh âm vang rõ, mắt nhìn cũng chưa quáng. Chúng tôi thường ở cùng một chỗ đọc sách tra tự điển. Thầy bảo tôi tra, lúc tra xong, thầy nói: "Cầm đến đây tôi đọc cho các anh nghe để coi thị lực của tôi ra sao?" Cụ đọc không sai một chữ! Chữ trong tự điển so với chữ in trong báo còn nhỏ hơn nữa, cụ chẳng cần phải đeo kính lão, vì sao? Là để biểu diễn cho chúng tôi thấy, chúng tôi chẳng thể không tin.

Nếu nói một người tu hành vừa khô héo, vừa còm cõi, vừa chẳng có tinh thần, chúng ta trông thấy người như vậy sẽ chẳng có tín tâm. Quý vị học Phật phải nêu gương tốt cho người khác thấy, người ta mới tin tưởng chứ! Thấy quý vị học Phật mấy năm, khô cằn, héo hon, còm cõi, quý vị nói cách nào, nói nghe hay đến đâu đi nữa, người khác cũng chẳng dễ gì tiếp nhận, mà cũng chẳng tin tưởng. Bởi vậy, quý vị phải triển khai cho người ta thấy, họ thấy xong, nếu họ rất hâm mộ, thì quý vị mới bảo họ: "Các vị làm như vậy đó thì các vị sẽ giống như tôi, so ra còn giỏi hơn tôi nữa đó!"

Tướng tùy tâm chuyển, cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là hoàn cảnh sanh hoạt của chúng ta. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị có thấy hiện thời không ít người hô hào cải biến thể chất. "Cải biến thể chất" là một khẩu hiệu không ít người bị mắc lừa! Những ai bị lừa? Là do những người ấy có ham muốn như thế, người ta bèn chế ra các món thuốc thang. Ôi! Những món thuốc ấy có ích chi đâu! Những dược vật tưởng là hữu ích, kỳ thật là độc dược. Quý vị dùng những dược vật ấy, có ai biến đổi được thể chất hay chăng? Tôi chẳng thấy có ai đạt hiệu quả cả, đủ thấy là bị lừa, bị gạt gẫm rồi!

Phật dạy chúng ta phương pháp hữu hiệu nhất: Tâm địa thanh tịnh, chân thành, từ bi, thì thể chất quý vị sẽ biến đổi. Tâm thanh tịnh khiến cho những gì tệ hại trên thân thể quý vị biến mất, thân thể quý vị bèn thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm. Hiện thời, ăn bất cứ gì, đồ ăn uống nào cũng đều có chất độc cả. Dùng gì để tiêu trừ chất độc đây? Dùng tâm từ bi để tiêu độc. Do vậy, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, từ bi, lẽ nào chẳng được khỏe mạnh?

Quý vị bảo thân mình đau bệnh thì nói cách khác là quý vị thiếu tâm từ bi, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Quý vị nói mình thanh tịnh, từ bi đều là giả, chẳng phải thật. Phật chẳng dối người, đức Phật chẳng cho ta dược vật nào! Đức Phật dạy ta tự điều chỉnh thân tâm mình, chẳng vì danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, những thứ ấy phải bỏ sạch hết cả đi.

Chánh kinh:

Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp, đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi.

常為眾生。廣宣正法。當得成就。二十種利。

(Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp, sẽ được thành tựu hai mươi điều lợi)

Hai mươi điều lợi này tự nhiên có, chẳng cần phải cầu. Chẳng cầu mà có, trái lại nếu cầu sẽ chẳng được đâu! Vì sao vậy? Bởi ý niệm mong cầu ấy là nhiễm ô, là chẳng thanh tịnh, cho nên quý vị chẳng đạt được. Quý vị đừng cầu, chẳng cầu sẽ được!

Chánh kinh:

Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi?

云何名為。二十種利。

(Thế nào là hai mươi điều lợi?)

Dưới đây, kinh nói cho chúng ta biết.

Chánh kinh:
Sở vị: Chánh niệm thành tựu.
所謂正念成就。
(Chính là: Chánh niệm thành tựu)

Đây là điều lợi thứ nhất. Chánh niệm là vô niệm. Lại sợ quý vị niệm gì cũng chẳng có, bèn biến thành Vô Tưởng Định thì hỏng mất. Quả báo của Vô Tưởng Định là ở tại trời Vô Tưởng trong Tứ Thiền Thiên, thế là học Phật lại trở thành học ngoại đạo mất rồi; bởi thế, Phật mới dạy chúng ta vô niệm là *"không có tà niệm thì mới gọi là Chánh Niệm".* Chánh niệm là niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với Phật pháp. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:
Trí huệ cụ túc.
智慧具足。
(Đầy đủ trí huệ).

Trí huệ là tác dụng do tâm thanh tịnh phát khởi, phiền não là tác dụng do tâm nhiễm ô phát khởi. Thân tâm thanh tịnh thì trí huệ tăng trưởng. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:
Hữu kiên trì lực.
有堅持力。
(Có sức kiên trì).

Sức kiên trì từ đâu sanh? Từ trí huệ sanh. Người ấy thông đạt, hiểu rõ hết thảy sự lý, chẳng mê hoặc mảy may, bởi thế người ấy làm gì cũng thông suốt từ đầu đến đuôi. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:
Trụ thanh tịnh hạnh.
住清淨行。
(Trụ hạnh thanh tịnh)

Tâm thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, ý thanh tịnh, hành vi thanh tịnh. Điều thứ năm là:

Chánh kinh:
Sanh giác ngộ tâm.
生覺悟心。
(Sanh tâm giác ngộ)

Niệm niệm giác chẳng mê. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:
Đắc xuất thế trí.
得出世智。
(đắc xuất thế trí)

Làm thế nào để vượt thoát lục đạo luân hồi? Làm sao để vượt thoát mười pháp giới? Người ấy hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch.

Chánh kinh:
Bất vị chúng ma chi sở đắc tiện.
不為眾魔之所得便。
(Chẳng bị các ma thừa dịp làm hại).

Nói theo ngôn ngữ bây giờ là quyết định chẳng để cho yêu ma, quỷ quái nắm đằng chuôi. *"Đắc sở tiện"* nghĩa là bị người khác thao túng. Yêu ma, quỷ quái định khống chế quý vị mà quý vị đã hiểu đạo lý này, tâm địa của quý vị thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, yêu ma quỷ quái chẳng còn cách nào làm gì được quý vị cả! Những gì là nhược điểm để yêu ma quỷ quái lợi dụng? Chính là danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo. Hễ quý vị có những ý niệm ấy thì sẽ bị chúng thao túng, bị chúng khống chế.

Các vị đồng tu chúng ta đã từng coi qua Tây Du Ký hay chưa? Trong Tây Du Ký có Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng hắn bị Quán Thế Âm Bồ Tát nắm chuôi, suốt đời bị Ngài khống chế, chẳng ra khỏi lòng bàn tay của Ngài được. Những gì là nhược điểm của hắn? Thích đội cái mũ cao. Tôn Ngộ Không thích được người khác săn đón, thích được khen thưởng, đấy chính là chỗ yếu của hắn. Bởi thế, đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới tặng cho hắn cái mũ cao để đội, đội vào rồi Ngài bèn niệm chú Kim Cô, hắn bèn bị khống chế!

Vì thế, quý vị háo danh, háo lợi, thích được cúng dường, ham quả báo, sẽ bị người ta nắm thóp ngay, bị người khác khống chế dễ dàng. Nếu quý vị chẳng ham thích chi hết, họ chẳng có cách nào hết, đối với quý vị họ không biết làm cách nào! Chỉ cần quý vị có chút vọng tưởng, có chút ý niệm, có chút dục vọng, quý vị bèn bị ma khống chế ngay! Suy nghĩ cặn kẽ, sẽ thấy ý nghĩa của câu kinh này rất sâu rộng. Điều thứ tám, thứ chín, thứ mười là:

Chánh kinh:
Thiểu ư tham dục, vô hữu sân khuể, diệc bất ngu si.
少於貪欲。無有瞋恚。亦不愚痴。
(Ít tham dục, chẳng nóng giận, cũng chẳng ngu si).

Ba câu này chính là thành tựu ba thiện căn. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Có thể thấy là nếu tham chấp danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo sẽ chẳng có ba thiện căn; cớ sao quý vị hằng ngày cứ tăng trưởng tham, sân, si? Đoạn kinh trên đây nói về ba thiện căn hiện tiền vậy. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:
Chư Phật Thế Tôn chi sở ức niệm.
諸佛世尊之所憶念。
(Được chư Phật Thế Tôn nghĩ nhớ)

Đây là được chư Phật hộ niệm, vì sao vậy? Tâm tâm tương ứng chư Phật, cho nên cảm được chư Phật hộ niệm.

Chánh kinh:
Phi nhân thủ hộ.
非人守護。
(Được phi nhân bảo vệ, gìn giữ)

Chữ *"phi nhân"* chỉ quỷ thần; quỷ thần cũng bảo vệ, giúp đỡ quý vị.

Chánh kinh:
Vô lượng chư thiên gia kỳ oai đức.
無量諸天。加其威德。
(Vô lượng chư thiên tăng thêm oai đức).

Câu này ý nói thiên long bát bộ, hộ pháp thần. Hộ pháp thần bảo vệ, giúp đỡ quý vị đấy!

Chánh kinh:
Quyến thuộc thân hữu vô năng trở hoại.
眷屬親友。無能沮壞。
(Quyến thuộc, thân hữu không ai có thể ngăn trở, phá hoại).

Một người tu cho tốt, cả nhà cũng được hưởng lây, người nhà, quyến thuộc đều được hưởng lợi ích như quý vị, đều hưởng nhờ phước báo của quý vị.

Chánh kinh:
Hữu sở ngôn thuyết, nhân tất tín thọ, bất vị oan gia ty cầu kỳ tiện.
有所言說。人必信受。不為冤家。伺求其便。
(Nói ra điều gì, người khác đều tin nhận, chẳng bị oan gia bới tìm khuyết điểm).

Từ vô thỉ kiếp đến nay, đã kết oán rất nhiều đối với hết thảy chúng sanh, bởi thế gặp rất nhiều chướng ngại trên đường đạo Bồ Đề, ấy là ma chướng đó! Chẳng phải là oan gia, chủ nợ dung tha quý vị đâu nhé, chỉ vì quý vị chẳng hề chấp vào danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo nên oan gia chủ nợ cũng chẳng biết làm sao. Họ cũng chẳng có biện pháp nào để trở ngại, quấy nhiễu quý vị. Điều thứ mười bảy là:

Chánh kinh:
Đắc vô sở úy.
得無所畏。
(Được không sợ hãi).

Điều thứ mười tám là:

Chánh kinh:
Đa chư khoái lạc.
多諸快樂。
(Được nhiều điều vui sướng)

Ta thường gọi điều này là *"pháp hỷ sung mãn"*. Điều thứ mười chín là:

Chánh kinh:
Vị chư trí nhân chi sở xưng thán.
為諸智人之所稱嘆。
(Được những người trí khen ngợi).

Người có trí huệ thật sự trông thấy quý vị sẽ khen ngợi. Điều thứ hai mươi là:

Chánh kinh:
Thiện năng thuyết pháp, chúng nhân kính ngưỡng.
善能說法。眾人敬仰。
(Khéo có thể thuyết pháp, mọi người kính ngưỡng).

Lời quý vị nói ra, tuy là mượn lời chư Phật, Bồ Tát hoặc lời của các vị tổ sư đại đức, nhưng vì tâm quý vị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, dù mượn lời kinh sách của người khác, nhưng lời ấy từ tự tánh lưu lộ ra ngoài, đó gọi là "*khéo có thể thuyết pháp"* khiến người nghe rất cảm động, tạo ấn tượng sâu đậm, chứ chẳng phải là chiếu theo kinh văn mà phân khoa; thuyết pháp như thế chẳng thể làm cho người khác được lợi ích chân thật.

Phật giảng cho ta nghe hai mươi điều, đều là những lợi ích tự nhiên đạt được, tuyệt đối chẳng phải là do mong cầu mà có.

Chánh kinh:
Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.
彌勒。是為菩薩。當得成就。二十種利。不著名聞。利養。果報。行饒益事。而為上首。常為眾生。以無希望心。清淨說法。
(Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh dùng tâm chẳng mong cầu thanh tịnh thuyết pháp).

Câu này là đức Phật lại phó chúc, lại dặn dò một lần nữa. Phật nói hai mươi điều lợi, tiếp theo đây Ngài lại nói hai mươi điều lợi khác, đủ thấy tâm không mong cầu thanh tịnh thuyết pháp cho chúng sanh thì công đức lợi ích vô lượng vô biên. Chúng ta xem đoạn kế tiếp như sau:

Chánh kinh:

Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, dĩ nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh quảng tuyên chánh pháp, hựu năng thành tựu nhị thập chủng lợi.

復次彌勒。若菩薩以無希望心。行法施時。不著名聞。利養。果報。以饒益事。而為上首。常為眾生。廣宣正法。又能成就。二十種利。

(Lại này Di Lặc! Nếu Bồ Tát lúc hành pháp thí, do tâm không hy vọng, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng tuyên chánh pháp, sẽ lại thành tựu hai mươi điều lợi).

Hai mươi điều lợi này, quá nửa là những điều người thuyết pháp thường mong mỏi: Cầu hiểu rõ lý luận, phương pháp, đấy gọi là *"như lý, như pháp"*. Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng. Thế nào là *"như lý, như pháp?"* Chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, quả báo là *"như lý, như pháp"*. Dùng tâm thanh tịnh vì chúng sanh thuyết pháp chính là tâm không mong cầu, thanh tịnh thuyết pháp vậy.

Chánh kinh:

Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Vị sanh biện tài, nhi năng đắc sanh.

云何名為。二十種利。所謂未生辯才。而能得生。

(Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Biện tài chưa sanh sẽ được sanh khởi).

Đây là lợi ích thứ nhất. Rất nhiều người mong được biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại do đâu mà có? Ở đây, đức Phật dạy cho chúng ta biết: Vô ngại biện tài là tánh đức của chính mình, trong bản tánh vốn đã sẵn có. Vì sao hiện tại chưa có được biện tài này? Chưa có là do còn có chướng ngại, nghiệp chướng đó mà! Ấy là vì trong quá khứ và hiện tại tạo tác khẩu nghiệp quá nhiều nên chẳng có biện tài; tâm chẳng thanh tịnh! Tâm thanh tịnh, biện tài bèn khôi phục. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Dĩ sanh biện tài, chung bất vong thất.

已生辯才。終不忘失。

(Biện tài đã sanh, trọn chẳng quên mất).

Quý vị đã đắc thì biện tài ấy thì sẽ chẳng bị mất đi. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:
Thường cần tu tập, đắc đà-ra-ni.
常勤修習。得陀羅尼。
(Thường siêng tu tập, đắc đà-ra-ni).

"Đà-ra-ni" (dhāranī) là tiếng Phạn, nói theo ngôn ngữ hiện thời là *"cương lãnh".* Chẳng cần biết quý vị tu học pháp môn nào, hễ quý vị nắm được cương lãnh, nắm được đại cương của pháp ấy thì lúc quý vị tu học rất dễ thụ dụng. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:
Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh.
以少功用。善能利益。無量眾生。
(Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh).

Chẳng cần phải mất nhiều thời gian, cũng chẳng cần phải đổ nhiều tinh thần, vẫn có thể lợi ích rất nhiều chúng sanh. Có thể thấy đó là biểu hiện của trí huệ cao độ, thiện xảo vậy! Điều thứ năm là:

Chánh kinh:
Dĩ thiểu công dụng, linh chư chúng sanh khởi tăng thượng tâm, cung kính tôn trọng.
以少功用。令諸眾生。起增上心。恭敬尊重。
(Dùng công sức ít mà khiến cho chúng sanh khởi lòng tăng thượng, cung kính, tôn trọng).

"Cung kính, tôn trọng" là đối với Tam Bảo mà nói. Một phần cung kính được một phần lợi ích, một phần tôn trọng được một phần lợi ích. Nếu chẳng cung kính, tôn trọng, dù chư Phật, Bồ Tát có thuyết pháp hay khéo đến đâu, người nghe cũng chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, điều này rất là trọng yếu. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:
Đắc thân khẩu ý thanh tịnh luật nghi.

得身口意。清淨律儀。
(Thân, miệng, ý phù hợp luật nghi thanh tịnh).

Đây chính là tam nghiệp thanh tịnh. Điều thứ bảy là:

Chánh kinh:
Siêu quá nhất thiết ác đạo bố úy.
超過一切。惡道怖畏。
(Vượt qua khỏi hết thảy những đường ác, những sự sợ hãi).

Đây là chuyện đương nhiên. Dù tự mình có chủng tử ác nghiệp, nhưng trong đời này vì mình đã đoạn hết ác duyên nên chủng tử ác chẳng có duyên để kết quả. Chẳng những đoạn sạch duyên trong tam ác đạo, mà duyên trong lục đạo cũng đoạn sạch. Chẳng những đoạn sạch các duyên trong lục đạo mà duyên trong mười pháp giới cũng bỏ sạch. Người ấy trong một đời nhất định chứng Nhất Chân Pháp Giới. Muốn vậy thì phải làm như thế nào? Thật thà niệm Phật! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc trong mười pháp giới, người vãng sanh đã siêu thoát mười pháp giới. Điều thứ tám là:

Chánh kinh:
Ư mạng chung thời, tâm đắc hoan hỷ.
於命終時。心得歡喜。
(Lúc lâm chung, tâm được hoan hỷ).

Người bình thường lúc lâm chung rất thống khổ, rất ưu sầu, thật chẳng biết phải làm sao! Nhưng người tu đạo biết lúc mạng chung sẽ đi về đâu nên họ rất hoan hỷ, rất sung sướng, đúng là lúc thoát ly biển khổ! Người ấy muốn sang sống nơi thanh tịnh tối cực, nơi thù thắng tối cực vậy. Điều thứ chín là:

Chánh kinh:
Hiển dương chánh pháp, tồi phục dị luận.
顯揚正法。摧伏異論。
(Hiển dương chánh pháp, đập tan dị luận)

Năng lực thuyết pháp của người ấy phảng phất giống với chư Phật, Bồ Tát. Điều thứ mười là:

Chánh kinh:

Nhất thiết hào quý, oai đức, tôn nghiêm, do tự bất năng sở hữu khuy vọng, hà huống hạ liệt thiểu phước chúng sanh.

一切豪貴。威德。尊嚴。猶自不能有所窺望。何況下劣少福眾生。

(Hết thảy kẻ giàu sang, oai đức, tôn nghiêm còn chẳng thể đánh giá người ấy chút phần, huống là những chúng sanh hèn kém, ít phước).

Câu này tán thán những thành tựu của người ấy. Đầu tiên, kinh nói đến những kẻ phú quý, *"hạ liệt thiểu phước"* là kẻ bần tiện. Người phú quý hay bần tiện trong thế gian chẳng thể suy lường được người ấy cao thâm đến đâu. Đấy là nói đến cảnh giới của người ấy. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Chư căn thành tựu.

諸根成就。

(Các căn thành tựu).

Điều thứ mười hai là:

Chánh kinh:

Vô năng ánh tế.

無能映蔽。

(Không chi che lấp được)

Biểu hiện năng lực trí huệ của người ấy rất rạng rỡ, [thấu hiểu mọi sự] không thừa sót, không ai có thể chướng ngại người ấy. Điều thứ mười ba là:

Chánh kinh:

Cụ túc nhiếp thọ thù thắng ý lạc.

具足攝受。殊勝意樂。

(Nhiếp thọ đầy đủ niềm vui xứng ý thù thắng).

Câu này nói đến sự hưởng thụ cuộc sống của người ấy: Đạt được hạnh phúc khoái lạc viên mãn. Niềm hạnh phúc khoái lạc đó từ trong tâm tỏa lộ ra bên ngoài, chứ chẳng phải từ bên ngoài mà có. Đấy gọi là *"thù thắng ý lạc"*. Hạnh phúc xứng ý trong cuộc sống của phàm phu là do từ bên ngoài khơi gợi, phát khởi: hưởng thụ ngũ dục, lục trần, cho đó là khoái lạc. Chư Phật, Bồ Tát chẳng vậy,

khoái lạc phát xuất từ nội tâm. Khoái lạc phát khởi từ vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng trong tâm tánh. Đấy mới là khoái lạc chân thật. Điều thứ mười bốn, mười lăm là:

Chánh kinh:
Đắc Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na.
得奢摩他。毘婆舍那。
(Chứng đắc Chỉ, Quán).

Hai câu này là tiếng Phạn. Xa-ma-tha (Śamatha) là Chỉ, là Định. Tỳ-bà-xá-na (Vipaśyanā) là Quán. Chúng tôi nói một cách thông tục cho quý vị dễ hiểu. Xa-ma-tha là từ buông bỏ hết thảy mà đắc Định. Quý vị buông xuống được vạn duyên thì sẽ đắc Định, đó gọi là Xa-ma-tha. Tỳ-bà-xá-na là từ "khán phá" (看破 : Thấy thấu suốt bản chất các pháp) mà đắc Định. Đều là đắc Định, nhưng từ buông xuống mà đắc Định thì gọi là Xa-ma-tha. Từ khán phá mà đắc Định thì gọi là Tỳ-bà-xá-na. Điều thứ mười sáu là:

Chánh kinh:
Nan hành chi hạnh giai đắc viên mãn.
難行之行。皆得圓滿。
(Các hạnh khó hành đều được viên mãn).

Thế pháp (pháp thế gian) có pháp khó hành, xuất thế pháp cũng có pháp khó hành, nhưng quý vị đều thực hiện rất thuận lợi, rất viên mãn. Vì sao thế? Là vì quý vị có trí huệ, có cách thức thiện xảo. Điều thứ mười bảy, mười tám là:

Chánh kinh:
Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp.
發起精進。普護正法。
(Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp).

Tinh tấn khó đạt phi thường. "Tấn" là tiến bộ, vĩnh viễn không lùi sụt. Tiến bộ cần phải tinh (chuyên ròng), tinh thuần chuyên nhất, chẳng xen tạp. Đó gọi là "tinh tấn". *"Phổ hộ chánh pháp"* cũng lại hết sức trọng yếu, bất cứ hết thảy pháp nào do chư Phật, Bồ Tát nói ra, ta đều dùng tấm lòng chân thành để ủng hộ, trọn chẳng vì mình tu Tịnh Độ bèn chỉ hộ trì pháp Tịnh Độ, kẻ khác tham Thiền mình bèn chê bai thì là lầm mất rồi. Như thế là quý vị chẳng hộ trì người ấy rồi! Đối

với hết thảy các pháp do đức Phật Như Lai đã nói đều phải dùng tâm bình đẳng, tâm chân thành để hộ trì, như vậy mới là đúng. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử tham học năm mươi ba lần, quý vị xem: Năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi người chỉ tu có một pháp môn, nhưng đối với tất cả các pháp môn bọn họ đều thán thán, quyết định chẳng hề phỉ báng. Đấy là "*phổ hộ chánh pháp*", chúng ta phải học theo. Điều thứ mười chín là:

Chánh kinh:
Tốc tật năng siêu Bất Thoái Chuyển địa.
速疾能超不退轉地。
(Có thể nhanh chóng vượt lên địa vị Bất Thoái Chuyển).

"Tốc tật" (速疾) là nhanh chóng. Quý vị có thể nhanh chóng vượt lên chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển. Câu này chuyên chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ mà mong chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển sẽ cực khó! Cực kỳ khó! Chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể lập tức đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển. Điều thứ hai mươi là:

Chánh kinh:
Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.
一切行中。隨順而住。
(Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh).

Đấy là đắc đại tự tại. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận là thiện đạo hay ác đạo, đều có thể tùy thuận, mà cũng đều có thể tùy duyên, đều có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Do hằng thuận, tùy hỷ thành tựu vô lượng công đức. Đấy là hai mươi điều lợi thứ hai.

Chánh kinh:
Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiêu ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.
彌勒。是為菩薩。當得成就。二十種利。不著名聞。利養。果報。行饒益事。而為上首。常為眾生。以無希望心。清淨說法。
(Này Di Lặc! Đấy là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiêu ích làm đầu, thường vì chúng sanh, dùng tâm chẳng mong cầu để thanh tịnh thuyết pháp).

Câu trùng lặp như thế này rất nhiều, câu này rất trọng yếu. Hy vọng chúng ta nghe nhiều lần sẽ nhớ kỹ càng, trong sanh hoạt thường ngày thường phải nương theo đấy mà tu hành.

6. Những lỗi xấu ác trong đời Mạt Pháp.
6.1. Tham cầu lợi dưỡng.

Trong đoạn kinh sau đây, đức Phật giảng rõ những lỗi lầm và các thứ ác hạnh trong thế gian hiện thời. Chúng ta đọc xong phải tỉnh ngộ sâu xa, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều phải lưu tâm đề phòng vi phạm. Xin hãy xem kinh văn:

Chánh kinh:
Phật cáo Di Lặc: "Nhữ quán vị lai hậu ngũ bách tuế".
佛告彌勒。汝觀未來。后五百歲
(Phật bảo Di Lặc: "Ông xem trong đời tương lai, năm trăm năm sau).

Câu này chỉ thời đại hiện tại của chúng ta.

Chánh kinh:
Hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí.
有諸菩薩。甚為無智。
(Có những Bồ Tát rất là vô trí).

"Bồ Tát" ở đây đều là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Chúng ta ngày nay gặp được Phật pháp, ai nấy đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bồ Tát Giới, nên đều là những Bồ Tát được nói đến trong đoạn kinh này. Là Bồ Tát gì vậy? Bồ Tát ngu si, chẳng có trí huệ chi cả!

Chánh kinh:
Hành pháp thí thời.
行法施時。
(Lúc hành pháp thí).

Trong các loại bố thí, đặc biệt nhắc đến Pháp Bố Thí. Pháp Bố Thí bậc nhất là giảng kinh, thuyết pháp. Bất luận tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát đều có thể

làm được. Đây là một hiện tượng hết sức rõ rệt tại Đài Loan, người giảng kinh thuyết pháp ở Đài Loan rất nhiều.

Chánh kinh:
Nhược hữu lợi dưỡng, sanh hoan hỷ tâm.
若有利養。生歡喜心。
(Nếu có lợi dưỡng, sanh tâm hoan hỷ).

Giảng kinh thuyết pháp mà được người ta cúng dường rất nhiều, được người ta cung kính, khen ngợi rất nhiều, bèn rất khoái chí, rất hoan hỷ vậy!

Chánh kinh:
Nhược vô lợi dưỡng, bất sanh hoan hỷ.
若無利養。不生歡喜。
(Nếu không có lợi dưỡng, chẳng sanh hoan hỷ).

Nếu không ai cung kính, cúng dường thì ý nguyện giảng kinh bèn suy giảm, thậm chí chẳng còn có ý nguyện giảng kinh nữa.

Chánh kinh:
Bỉ chư Bồ Tát vị nhân thuyết pháp, tác như thị tâm.
彼諸菩薩。為人說法。作如是心。
(Các Bồ Tát đó thuyết pháp cho người ta, sanh tâm như thế này)

Đây là khởi tâm động niệm. Khởi tâm gì? Động niệm gì?

Chánh kinh:
Vân hà đương linh thân hữu, đàn việt quy thuộc ư ngã?
云何當令。親友檀越。歸屬於我。
(Phải làm thế nào khiến cho thân hữu, đàn việt phải quy thuộc ta?)

Nói theo cách bây giờ là "lôi kéo tín đồ". Nghĩ đủ mọi phương cách, dùng mọi phương tiện (hay nói theo cách bây giờ là "dùng mọi thủ đoạn") để lôi kéo tín đồ, chẳng để cho họ đi đâu khác, cúng dường ai khác. Quý vị có muốn cúng dường thì chỉ nên cúng dường tôi, chẳng được cúng dường người khác. Quý vị muốn đến đạo tràng, chỉ nên đến đạo tràng của tôi, chẳng được đến đạo tràng bên cạnh. Mang lòng như thế, khởi lên ý niệm như thế.

Chánh kinh:

Phục cánh niệm ngôn: Vân hà đương linh tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, nhi ư ngã sở, sanh tịnh tín tâm, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược?

復更念言。云何當令。在家出家。諸菩薩等。而於我所。生淨信心。恭敬。供養。衣服。飯食。臥具。湯藥。

(Lại còn nghĩ rằng: Phải làm thế nào để các hàng Bồ Tát tại gia, xuất gia, đối với ta sanh lòng tin trong sạch, cung kính, cúng dường quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc men?)

Hiện nay cái gì cũng quy thành tiền cả! Hoằng pháp lợi sanh mà khởi lên ý niệm ấy thì làm sao tương ứng cho được? Đây là hiện trạng của xã hội hiện tại.

Chánh kinh:

Như thị Bồ Tát, dĩ tài lợi cố, vị nhân thuyết pháp!

如是菩薩。以財利故。為人說法。

(Hàng Bồ Tát như thế vì tài lợi mà thuyết pháp cho người khác)

Mục đích thuyết pháp là vì tài, vì lợi.

Chánh kinh:

Nhược vô lợi dưỡng, tâm sanh bì yếm.

若無利養。心生疲厭。

(Nếu không có lợi dưỡng, sanh tâm mệt chán)

[Không có lợi dưỡng] họ sẽ chán chường, không chịu làm nữa!

Chánh kinh:

Di Lặc! Thí như hữu nhân chí nhạo thanh tịnh, hoặc vị tử xà, tử cẩu, tử nhân đẳng thi, nùng huyết lạn hoại, hệ trước kỳ cảnh, thị nhân ưu não, thâm sanh yếm hoạn. Dĩ vi nghịch cố, mê muộn bất an.

彌勒。譬如有人。志樂清淨。或為死蛇。死狗。死人等尸。膿血爛壞。繫著其頸。是人憂惱。深生厭患。以違逆故。迷悶不安。

(Này Di Lặc! Ví như có người tánh ưa thanh tịnh, nếu bị xác rắn chết, chó chết, người chết v.v... máu mủ rữa nát, buộc chặt nơi cổ, người ấy sẽ sầu não, sanh chán sợ sâu xa. Do vì trái ý, họ sẽ buồn bực chẳng yên)

Ở đây Phật nêu lên một thí dụ để giảng: Ví như có một người, tánh ưa thích thanh tịnh, chẳng chút gì ô nhiễm, chợt gặp phải tình cảnh như sau: rắn chết, chó chết, người chết. Những thứ ấy để ví với gì? Để ví với danh văn, lợi dưỡng, quả báo đã nói ở phần trên. Nếu những thứ ấy buộc ràng vào thân, sẽ giống như bị đem xác chết đã tươm máu mủ, rữa nát buộc chặt vào cổ, chẳng khác chút nào! Người tâm chí ưa thích thanh tịnh sẽ coi đó là khổ, còn ai lấy đó làm vui? Bồ Tát ngu si không trí huệ coi đó là vui thì có phải là rồ dại hay không rồ dại đây? Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn tiếp theo:

Chánh kinh:

Di Lặc! Đương tri ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, thuyết pháp chi nhân diệc phục như thị. Ư chư nhất thiết vô lợi dưỡng xứ, bất thuận kỳ tâm, vô hữu tư vị, tiện sanh yếm quyện, khí xả nhi khứ.

彌勒。當知於后末世。五百歲中。說法之人。亦復如是。於諸一切。無利養處。不順其心。無有滋味。便生厭倦。棄舍而去。

(Này Di Lặc! Ông nên biết rằng người thuyết pháp vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, cũng giống như thế. Đối với hết thảy những chỗ không có lợi dưỡng, họ chẳng vui lòng, với chỗ không có mùi vị, bèn sanh mệt chán, bèn buông bỏ đi)

Những vị Bồ Tát ấy, chúng ta vừa thấy liền hiểu là chí ý họ chẳng ưa thích thanh tịnh. Họ bị ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng buộc ràng. Vì thế, nếu chẳng được danh lợi, họ sẽ chẳng làm; chỗ nào danh lợi nhiều, họ liền hiện vẻ dũng mãnh, tinh tấn, sẽ làm rất nhanh nhẹn, siêng năng. Toàn là vì danh lợi. Cần phải hiểu là danh văn, lợi dưỡng quyết định có quả báo là tam đồ. Bởi thế họ đang tu điều gì vậy? Tu tam ác đạo đấy! Họ đâu có tu đạo Bồ Đề.

Chánh kinh:

Bỉ chư pháp sư tác như thị niệm: Ngã ư thử trung, thuyết pháp vô ích. Hà dĩ cố? Thị chư nhân đẳng, ư ngã sở tu, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, bất sanh ưu niệm, hà duyên ư thử, đồ tự bì lao?

彼諸法師。作如是念。我於此中。說法無益。何以故。是諸人等。於我所須。衣服。飲食。臥具。醫藥。不生憂念。何緣於此。徒自疲勞。

(Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, họ chẳng lo nghĩ đến, cớ gì mình phải uổng công nhọc nhằn ở nơi đây?)

Khởi tâm ấy, động niệm ấy, hoàn toàn trái nghịch lời đức Như Lai răn dạy. Phật dạy ta dùng tâm không hy vọng để thanh tịnh thuyết pháp, mà họ thuyết pháp nhằm thỏa mãn những điều mong cầu, nhưng điều họ mong cầu vĩnh viễn không bao giờ dứt. Điều này rất phiền toái, chẳng thể giảng tường tận cho quý vị đồng tu bộ kinh này, chỉ có thể điểm tới là thôi[2]. Mọi người về nhà hãy dốc lòng thấu hiểu. Nếu giảng tỉ mỉ sẽ đắc tội với rất nhiều người, cho nên tôi mới nói là rất phiền toái. Ba mươi năm trước tôi giảng Thiền Lâm Bảo Huấn, có người gọi điện thoại, gởi thơ sửa lưng tôi: "Sư nói những điều này nọ đắc tội với rất nhiều người". Bộ kinh này nếu giảng kỹ ắt sẽ lòi xương, bởi thế tôi hy vọng quý vị sẽ dốc tâm thấu hiểu.

Điều quan trọng nhất là ta chẳng thấy lỗi người khác, mà phải phản tỉnh coi chính mình có phạm phải những căn bệnh ấy hay không. Có như vậy ta mới đạt được lợi ích chân thật. Người khác làm gì là chuyện của họ, chẳng liên can gì đến ta. Họ thành Phật chẳng liên can gì đến ta, họ đọa địa ngục cũng chẳng liên can gì đến ta. Việc gì ta phải bận tâm đến họ! Khẩn yếu nhất là phải quan tâm giữ mình cho tốt; giữ mình chẳng dễ đâu! Gặp được bộ kinh này là nhân duyên thù thắng khôn sánh, y chiếu lời dạy răn chân thật của đức Phật, tích cực phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng được giải thoát ngay trong một đời này, được vãng sanh Phật quốc, nhanh chóng được viên mãn Bồ Đề mới là mục tiêu chân chánh của chúng ta.

Chúng ta đọc đoạn kinh này một lượt nữa: *"Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, chẳng lo nghĩ đến, cớ gì mình phải uổng công nhọc nhằn nơi đây?"*

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị chư pháp sư tự cầu cúng dường, cấp thị, tôn trọng, nhiếp thọ đồng trụ, cập ư cận trụ.

彌勒。是諸法師。自求供養。給侍尊重。攝受同住。及於近住。

(Này Di Lặc! Các pháp sư ấy do tự cầu [được] cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tôn trọng [nên bèn] nhiếp thọ kẻ đồng trụ và kẻ cận trụ)

---

[2] Đây là một thành ngữ hàm nghĩa chỉ nêu ra những điểm chính, như người học võ giao đấu để ấn chứng trình độ, không quyết chí sát phạt. Ở đây, Hòa Thượng chỉ gợi ý những điểm chính để thính chúng tự lãnh hội, không thể nói huỵch toẹt ra hết, kẻo đụng chạm.

Câu này cần lại phải nói lướt qua. *"Đồng trụ"* là những người ở trong cùng một đạo tràng với chúng ta, đa phần chỉ người xuất gia. *"Cận trụ"* là tín đồ thường vãng lai đạo tràng của mình. Đồng trụ và cận trụ là hết thảy đại chúng và hết thảy tín đồ trong đạo tràng của các pháp sư ấy. Nói chung là pháp sư nghĩ cách lung lạc, nghĩ cách khống chế để mọi người phải nghe theo lệnh mình. Đấy chính là ý nghĩa của câu này.

Chánh kinh:
Bất vị ư pháp, cập lợi ích sự, nhi nhiếp thọ chi.
不為於法。及利益事。而攝受之。
(Chẳng vì pháp và sự lợi ích mà nhiếp thọ)

Họ nhiếp thọ những chúng sanh ấy chẳng phải là để chân chánh dạy người ta học Phật pháp, dạy người ta giác ngộ, dạy người ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Họ chẳng nói đến những sự ấy.

Chánh kinh:
Thị chư pháp sư, tự cầu ẩm thực, y phục, ngọa cụ, trá hiện dị tướng.
是諸法師。自求飲食。衣服。臥具。詐現異相。
(Các pháp sư ấy vì mong cầu thức ăn, quần áo, đồ nằm nên dối hiện tướng lạ).

Chữ *"trá"* (詐) hàm nghĩa lừa dối, gạt gẫm. Đối với câu này, trong nhà Phật cũng có một câu ngạn ngữ: *"Hòa thượng bất tác quái, cư sĩ bất lai bái"* (Thầy chùa chẳng giở trò, cư sĩ chẳng đến lễ). *"Trá hiện dị tướng"* tức là bày vẽ những trò lạ, để kêu gọi tín đồ ngày ngày đến lễ bái. Những chuyện thuộc phạm vi này cũng rất nhiều! Hiện tại có rất nhiều người đặc biệt cường điệu chuyện thần thông cảm ứng. "Thần thông cảm ứng" chính là "dị tướng". Những chuyện thần thông cảm ứng như vậy có khi cũng có, nhưng nhất định chẳng nên tuyên truyền.

Trong đạo tràng chúng ta đã từng thấy chuyện này: Lúc mọi người đến chụp ảnh, trong ảnh có quang minh, có dị tướng, chúng tôi đem hủy hết những ảnh ấy, vì đó là điều chẳng hay. Nếu mọi người tham chấp vào việc ấy sẽ rất dễ bị ma dựa đó nghe! Vì thế, nếu chẳng quan tâm đến: Họ là Phật cũng hay, là ma cũng chẳng đếm xỉa tới, thì đạo tràng ấy bình yên vô sự, có thể duy trì, bảo vệ chánh pháp.

Chánh kinh:

Nhập ư vương thành, quốc ấp, tụ lạc.
入於王城。國邑。聚落。
(Họ vào trong vương thành, quốc ấp, tụ lạc).

"Vương thành" gọi theo cách bây giờ là thủ đô, chỗ đặt văn phòng chánh phủ trung ương. *"Quốc ấp"* là đô thị lớn. *"Tụ lạc"* là thôn trấn, xóm làng, hương trấn.

Chánh kinh:
Nhi thực bất vị lợi ích, thành thục ư chư chúng sanh, nhi hành pháp thí. Sở dĩ giả hà?
而實不為。利益成熟。於諸眾生。而行法施。所以者何。
(Nhưng thật sự chẳng vì nhằm lợi ích, thành thục cho chúng sanh mà hành pháp thí. Vì sao vậy?)

Bọn họ hoằng pháp lợi sanh tại các địa phương ấy, nhưng thật ra chỉ vì mục đích tư lợi, toàn là vì danh văn, lợi dưỡng, chứ chẳng thật sự nhằm làm lợi, thành thục chúng sanh. *"Lợi ích"* khác với *"thành thục"* một chút. *"Lợi ích"* là dạy dỗ cho họ được tiếp xúc với chánh pháp, đem chánh pháp của đức Phật giới thiệu cho họ. *"Thành thục"* là giúp cho họ ngay trong một đời này được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự thoát ly luân hồi; bởi lẽ, chẳng vãng sanh thì chẳng thể ly khai lục đạo luân hồi. Quý vị được lợi ích thì chưa thể coi là thành thục được! Thành thục là lợi ích viên mãn. Kiểu hành pháp thí như thế, nói theo cách bây giờ, "hoằng pháp lợi sanh" là vì cái gì? Ở đây, Phật nêu câu hỏi để chúng ta tự phản tỉnh.

6.2. Mười lăm thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến.

Dưới đây, đức Phật nói đến mười lăm điều mà đức Phật chẳng bao giờ đề cập. Thật ra, trong đoạn kinh này, đức Phật chỉ nêu lên một số điều làm thí dụ, chứ chẳng phải chỉ có mười lăm điều mà thôi! Ngài hy vọng từ những điều này, chúng ta sẽ tự có thể lãnh hội, tự hiểu rõ đâu là chánh pháp? Đâu là tà pháp? Chúng ta hãy đọc kinh văn:

Chánh kinh:
Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn:
彌勒。我不說言。

(Di Lặc! Ta chẳng hề nói:)

"Ngã" là đức Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Đức Phật chẳng hề nói những điều như sau:

Chánh kinh:

Hữu hy cầu giả vi pháp thí thanh tịnh. Hà dĩ cố? Nhược tâm hữu hy cầu, tắc pháp vô bình đẳng.

有希求者。為法施清淨。何以故。若心有希求。則法無平等。

(Có lòng mong cầu là thực hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu tâm có mong cầu thì pháp sẽ không bình đẳng).

Đây là điều thứ nhất. Bởi lẽ Phật pháp rất dễ bị người khác mạo danh lợi dụng, bắt chước giả mạo. Yêu ma, quỷ quái rất thông minh, những danh từ hay ho trong Phật pháp chúng đều lấy sử dụng hết, những chúng sanh nào mê hoặc điên đảo đều bị xí gạt cả. [Mạo danh] chiêu bài Phật pháp rất hay, nghe rất kêu, chứ thật sự bên trong chẳng phải là như vậy! Vì thế, thanh tịnh thí pháp thì pháp thí sẽ thanh tịnh. Nếu như quý vị đối với chúng sanh mà có tâm mong cầu, thì pháp thí ấy chẳng phải là thật, chỉ là chiêu bài giả mạo, là giả dối, đức Phật chẳng thuyết pháp giống như thế. Đối với hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian, hết thảy người, hết thảy sự, chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng có mảy may ý niệm cầu mong gì. Phiền lắm nghe!

Lần này, tôi trở về đây, có những đồng tu thưa với tôi là muốn in kinh, tính đến hỏi tôi in tác phẩm này có được chăng, in tác phẩm kia có được chăng? Tôi chẳng quan tâm đến những điều đó! Quý vị thích in thì cứ tự mình in. Tôi chẳng hề giữ bản quyền thứ gì; quý vị thích làm sao thì cứ làm vậy, chỉ cần quý vị suy nghĩ xem mình như thế này thì sẽ đúng: Nếu việc ấy có lợi cho xã hội, cho chúng sanh thì quý vị cứ dốc sức mà làm, chẳng cần phải hỏi ý tôi. Tôi ngại phiền rộn lắm! Tôi thường sợ phiền, nhưng chư Phật, Bồ Tát chẳng thấy phiền. Có phiền hay không các Ngài chẳng bận tâm đến những chuyện ấy! Bởi vậy, tâm địa thanh tịnh là điều hết sức trọng yếu. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Ngã bất thuyết ngôn: tham ô tâm giả năng thành chúng sanh.

我不說言。貪污心者。能成熟眾生。

(Ta chẳng nói rằng: Kẻ tâm tham ô có thể thành thục chúng sanh)

[Tâm tham ô là] trong tâm có những phiền não như tham, sân, si, mạn đấy! Câu này ý nói chưa đoạn phiền não; nếu chính mình chưa đoạn phiền não thì quý vị thành thục người khác sao được? Làm sao giúp đỡ người khác được?

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Tự vị thành thục, năng thành thục tha, vô hữu thị xứ!

何以故。自未成熟。能成熟他。無有是處。

(Vì sao cố? Chính mình chưa thành thục mà lại có thể thành thục người khác, quyết không có lẽ đó).

"Vô hữu thị xứ" nghĩa là chẳng có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tôn trọng, cúng dường, an lạc kỳ thân, tham trước nhiếp thọ bất tịnh vật giả, vi lợi ích sự.

彌勒。我不說言。尊重供養。安樂其身。貪著攝受。不淨物者。為利益事。

(Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói: tôn trọng, cúng dường, yên vui cái thân, tham đắm thâu góp các vật bất tịnh là chuyện lợi ích).

Rất nhiều đồng tu xuất gia, tại gia nghĩ đến việc tu tập tích lũy công đức. Trong kinh Phật nói đến việc tích tập công đức, mọi người xem đến [những đoạn kinh ấy] rất hoan hỷ, chúng ta phải tích cực thực hiện. Nên làm như thế nào? Nếu có những sự như sau, khởi lên những ý niệm như sau thì đều sai rồi:

- Quý vị có ý niệm tham muốn được tôn trọng, cúng dường hay chăng?
- Quý vị có tham muốn hưởng thụ hay chăng?
- Quý vị có ham muốn thâu góp những vật bất tịnh hay chăng?

Thế nào gọi là *"vật bất tịnh?"* Quý vị phải tự hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này. Phạm vi bao quát của từ ngữ này rất rộng. Chúng tôi xin nêu một thí dụ: Ví như lúc bố thí cúng dường, nếu dùng thủ đoạn để buộc hết thảy đại chúng dù chẳng cam tâm tình nguyện cũng phải cúng dường, bức bách họ cúng dường, thì gọi là cúng dường chẳng thanh tịnh. Bức bách như thế nào? Tìm những người thân cận với mình, bảo trước với họ: "Quý vị phải ghi tiền cúng dường nhiều hơn một chút!" Những người đằng sau thấy vậy không vui lòng, nhưng gặp lúc chẳng thể không cúng dường, không cúng dường thì mất mặt lắm, chứ thật ra trong lòng chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, nhưng chẳng thể không làm, đó gọi là *"vật bất tịnh"*.

Tôi chỉ nêu một thí dụ đấy nhé! Những sự việc như vậy rất nhiều. Vì thế người học Phật học rất khổ sở, áp lực rất nặng đó nghe! Phật, Bồ Tát dạy chúng ta học Phật đại tự tại, ngày ngày học Phật hoan hỷ, chúng ta thấy phần đông người học Phật mặt nhăn, mày nhíu, nguyên nhân bên trong rất phức tạp! Tiếp theo đây, Phật giảng:

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Vị cầu tự thân an ổn, phong lạc, nhiếp thọ chúng hội, bất năng linh kỳ an trụ chánh tín.

何以故。為求自身。安隱豐樂。攝受眾會。不能令其安住正信。

(Vì sao vậy? Vì muốn cho thân mình được an ổn, dư dật, yên vui mà nhiếp thọ chúng hội, chẳng thể làm cho họ an trụ trong chánh tín).

Chẳng thể khiến cho hết thảy chúng sanh an trụ trong chánh tín, tín nguyện của họ đều chẳng thật.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo đây, đức Phật cũng nói đến điều Ngài sẽ chẳng đề cập. Dụng ý của Ngài là đề phòng trong thời kỳ mạt pháp, có hạng Bồ Tát ngu si. Nhưng thật sự ra, đoạn kinh văn sau đây cũng để nói: Trong thời đại này, có con cháu của ma vương đi xuất gia, cũng mặc ca-sa để phá hoại chánh pháp, giả mạo danh nghĩa Phật pháp chứ thật ra phá hoại Phật pháp. Trong số đó, có kẻ cố ý phá hoại, có kẻ vô ý. Vô ý phá hoại Phật pháp là sao? Bị ma khống chế, tự mình chẳng hiểu làm như thế chính là phá hoại Phật pháp, cứ tưởng là đang tích tập công đức. Đây chính là điều chúng ta phải suy xét, phải giác ngộ. Chúng ta hãy xem đoạn thứ tư:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: kiểu trá chi nhân trụ a-lan-nhã.

彌勒。我不說言。矯詐之人。住阿蘭若。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói là người giả dối, man trá trụ nơi tịch tĩnh)

Câu này nói theo cách bây giờ là "bế quan, ở lều tranh". "Bế quan, ở lều tranh" nhằm mục đích gì? Dùng cách thức này để lừa dối tín đồ. Mọi người nếu gặp cá nhân nào đã từng bế quan như thế, ắt nhất định nghĩ kẻ ấy khá lắm. Bởi lẽ, mục đích của kẻ ấy là tom góp danh văn, lợi dưỡng, chẳng thật sự tu hành, cũng chẳng vì hoằng pháp lợi sanh, mà là hạng giả dối, man trá! Đích xác là có chuyện như thế. Nếu quý vị chú ý quan sát, sẽ nhận biết kẻ như vậy chẳng khó khăn gì!

Dù có phát giác thì cũng chẳng cần phải nói ra, chỉ cốt sao mình chẳng bị lừa là được. Người khác mắc lừa là do nhân duyên. Trong phần trên, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải tu hành trong thời đại này như thế nào mới chẳng sanh phiền não, mới được an ổn giải thoát. Phật dạy chúng ta bốn phương pháp, lại nói thêm bốn phương pháp nữa, tám phương pháp ấy các vị còn nhớ hay chăng? Phải nhớ cho chắc nghe! Nếu chẳng nhớ thì quý vị đã nghe uổng công rồi, mà cũng đã uổng công đọc kinh rồi! Điều này hết sức quan trọng!

Câu thứ nhất đức Phật dạy chúng ta là *"chẳng tìm lỗi người khác"*. Người khác có lỗi hay không, trong tâm chúng ta biết rõ, nhưng ta chẳng gây phiền phức cho người ta, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. *"Chẳng nêu tội người":* Họ có phạm giới, tạo tác tội nghiệp, ta cũng chẳng chỉ trích. Mỗi người tự có nhân quả, tự có báo ứng mà! Cớ chi chúng ta phải xen vào? Trong tám điều, hai điều này được xếp lên đầu là vì chúng hết sức quan trọng, chúng ta phải hiểu rõ.

Chánh kinh:
Bạc phước đức giả, nhi vi thiểu dục.
薄福德者。而為少欲。
(Kẻ kém phước đức mà [đáng coi] là thiểu dục).

Kẻ đó làm ra vẻ thiểu dục, làm ra vẻ tri túc, là vì sao? Là vì kẻ ấy chẳng có phước đức. Không có phước đức sao lại nói là thiểu dục cho được? Lúc không có phước đức bèn làm ra vẻ thiểu dục. Thiểu dục là một hạnh pháp rất cao siêu trong Phật pháp đã bị kẻ đó giả mạo.

Chánh kinh:
Tham thắng vị giả, danh dị mãn túc.
貪勝味者。名易滿足。
(Kẻ tham mùi vị thù thắng mà đáng gọi là "dễ thỏa mãn").

"Thắng" (勝) là thù thắng. *"Vị"* (味) là ngũ dục, lục trần. Tham muốn hưởng thụ ngũ dục, lục trần, bèn khoác lên danh xưng đẹp đẽ là *"dị mãn túc"*. *"Dị mãn túc"* nghĩa là tri túc.

Chánh kinh:
Đa cầu mỹ thiện, dĩ vi khất thực.
多求美膳。以為乞食。
([Chẳng thể coi kẻ] ham thích có đồ ăn ngon là đi khất thực).

Trong thời đức Phật tại thế, phương thức sanh hoạt của người xuất gia là "thác bát" (ôm bát đi khất thực). Những kẻ khất thực [được nhắc đến trong đoạn kinh này] đi đến nơi nào? Họ chuyên môn đến khất thực nhà phú quý vì tham luyến đồ ăn ngon; chẳng đến khất thực nhà bần cùng là vì sao? Đồ cúng của kẻ nghèo không ngon! Cơm, thức ăn [của kẻ nghèo] chẳng ngon lành chi cả! Gọi đó là "khất thực". Từ ý này các vị suy ra thì thấy: Hễ tham muốn hưởng thụ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục thì sẽ chẳng thành người xuất gia!

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: khất cầu chủng chủng thượng diệu y phục, vị như thị đẳng trì phấn tảo y.

彌勒。我不說言。乞求種種。上妙衣服。謂如是等持糞掃衣。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Xin tìm các thứ y phục tốt đẹp thì cũng giống như mặc y phấn tảo).

Đức Thế Tôn dạy các đệ tử dùng *"phấn tảo y"* là nhằm dụng ý dạy người xuất gia phải thời thời khắc khắc thường tự cảnh tỉnh: Thế gian này khổ lắm! Luân hồi càng đáng sợ hơn! Vì thế phải sống đơn giản, mặc áo rất thô. Thời cổ khoa học, kỹ thuật chưa phát triển, một bộ quần áo rất khó có được, chẳng phải rất dễ có như thời hiện tại. Y phục của người xuất gia toàn là nhặt nhạnh từ quần áo cũ của người tại gia đã vứt bỏ đi, chẳng ai muốn nữa. Nhặt lấy những thứ đó, xem phần nào còn có thể dùng được thì cắt ra, sau đó chằm từng miếng một lại thành bức. Đó chính là "ca-sa".

Ca-sa là do may chằm lại như thế, toàn là do vải cũ chằm lại, màu sắc, chất liệu không đồng nhất, đức Phật dạy nhuộm thành màu tro hay màu cà phê, gọi là *"phấn tảo y"*. Y phục này người thế gian chẳng mặc được, mặc y phục này sẽ thời thời khắc khắc tự răn nhắc, tuyệt chẳng tham muốn hưởng thụ. Ngày nay chúng ta nghĩ đến lời giáo huấn của đức Thích Ca Mâu Ni, khi chúng ta may y ca-sa, đem cả nguyên cuốn vải, cắt vụn ra, rồi may chằm lại, nhưng đấy chẳng phải là ý Phật. Vì thế, phải thường nghĩ đến cuộc sống của Tăng đoàn khi đức Thế Tôn còn tại thế, đức Thế Tôn khổ tâm răn dạy, không gì chẳng nhằm khiến cho chúng ta bất cứ nơi đâu, bất cứ thời khắc nào tâm luôn cảnh tỉnh, trọn chẳng bị mê hoặc bởi ngũ dục, lục trần trong thế gian. Do vậy, đức Phật tuyệt đối chẳng nói là "xin tìm các thứ y phục quý tốt để mặc trên thân mà vẫn giống hệt như mặc y phấn tảo!"

Hiện tại, người xuất gia cũng khá chịu khó nghiên cứu y phục, chất liệu toàn tuyển loại thượng hạng. Phương thức sanh hoạt như vậy rất dễ tăng trưởng tâm tham, khiến cho quý vị lưu luyến thế gian này, lìa bỏ chẳng nổi. Nếu là kẻ niệm Phật cầu vãng sanh, đến lúc A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị lại nhớ mình còn có nhiều thứ tốt đẹp quá, bỏ đi chẳng đành thì phiền quá! Những thứ đó đâu có mang theo được! Bởi vậy lúc bình thường phải buông bỏ. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tại gia, xuất gia, vô thức tri giả, vi ly hội náo.

彌勒。我不說言。在家出家。無識知者。為離憒鬧。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: kẻ tại gia, xuất gia không ai biết đến bèn là xa lìa chốn ồn náo)

Bồ Tát tại gia hay xuất gia, nếu chưa nổi tiếng lắm, không ai biết đến mình, quý vị bèn làm ra vẻ ta là người xa lìa chốn ồn náo. Quý vị xem, cái tiếng tốt ấy hay bị người ta mạo nhận lắm.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Siểm khúc chi nhân, trị Phật hưng thế.

彌勒。我不說言。諂曲之人。值佛興世。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng người dua vạy sẽ gặp Phật xuất hiện trong cõi đời).

Tâm chẳng chánh trực, chẳng thành thật, người như vậy sẽ gặp hay chẳng gặp được Phật xuất thế? Dù đức Phật xuất thế, kẻ ấy cũng chẳng gặp. Vì sao chẳng gặp? Kẻ ấy có chướng ngại: Siểm khúc là chướng ngại. Người như thế nào mới gặp được Phật? Chân thành! *"Trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai".* Tâm địa quý vị chân thành sẽ cảm ứng đạo giao chư Phật, Bồ Tát, nên có thể gặp được các Ngài, người tâm dua vạy chẳng thể gặp được. Chẳng phải là Phật không từ bi, chỉ là do chính người ấy có chướng ngại.

Trong xã hội hiện tại, hay có chuyện này: "Ở Trung Quốc hay ở ngoại quốc, ta thường nghe nói ông nọ là Bồ Tát chi đó tái lai, là Phật nào đó tái lai; có nhiều người thân cận kẻ đó thấy mình được vẻ vang, hết sức nở mày nở mặt! Kẻ đó thấy Phật, thấy được Phật sống". Nếu quý vị chú tâm quan sát kỹ thì sẽ thấy kẻ đó là "siểm khúc", làm sao thấy Phật sống cho được? Thấy Bồ Tát cho được? Nếu những vị đó nói họ là Phật tái lai, Bồ Tát tái lai, sao nói xong không thị tịch?

Trong lịch sử Trung Quốc đã từng có chuyện như vậy: Các vị hé lộ thân phận xong bèn tịch diệt, đó mới là thật. Nói ra thân phận vẫn sống nhăn, thì rất kỳ quái! Bởi vậy, nếu quý vị hiểu rõ sự lý này rồi thì sẽ chẳng bị mắc lừa!

Chánh kinh:
Cầu tha đoản giả, vi như lý tu hành
求他短者。為如理修行。
([Chẳng nói] kẻ tìm chỗ dở của người khác là tu hành đúng lý).

Phải nhớ kỹ điều này. Vì sao ở phần trước đức Phật dạy chúng ta điều thứ nhất là *"đừng tìm lỗi người".* Tìm lỗi người chính là chuyên môn tìm chỗ dở của người khác, người như vậy tự cho mình là tu hành đúng lý, chứ thật ra đã trật rồi! Phật chẳng hề thuyết pháp như vậy!

Chánh kinh:
Đa tổn hại giả, danh giới uẩn thanh tịnh.
多損害者。名戒蘊清淨。
([Chẳng nói] kẻ gây nhiều tổn hại mà được gọi là giới uẩn thanh tịnh)

Đây là nói về trì giới thanh tịnh. Người trì giới thanh tịnh làm sao có thể gây chuyện tổn hại người khác cho được? Phàm là ai ôm lòng tổn hại chúng sanh khác thì giới của người ấy đã bị phá, sao có thể nói là *"giới uẩn thanh tịnh"* nữa?

Chánh kinh:
Tăng thượng mạn tâm, vi đa văn đệ nhất.
增上慢者。為多聞第一。
([Chẳng nói] tâm tăng thượng mạn là đa văn bậc nhất).

Thế nào là *"tăng thượng mạn?"* Nói theo ngôn ngữ bây giờ là "đáng nên kiêu ngạo". Kẻ ấy học rộng nghe nhiều, so ra người khác chẳng sánh bằng, bèn sanh khởi tâm ngạo mạn, tức là thấy mình đáng nên kiêu ngạo! Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng hề thuyết pháp như thế. Chẳng riêng gì thánh nhân xuất thế (Phật, Bồ Tát), thánh nhân thế gian cũng nói: *"Học vấn càng sâu càng khiêm hư, càng cung kính"*, há có người học vấn sâu xa nào mà ngạo mạn ư? Chẳng hề có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Háo bằng đảng giả, danh trụ luật nghi.
彌勒。我不說言。好朋黨者。名住律儀。
(Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói kẻ thích kết bè kéo đảng mà đáng gọi là người giữ luật nghi)

"Bằng đảng" nói theo cách bây giờ là "bè phái". Trong Tăng đoàn mà lập ra những tổ chức nhỏ thì gọi là phá hoại luật nghi, tuyệt đối chẳng phải là *"trụ luật nghi"*.

Chánh kinh:
Tâm cống cao giả, danh tôn kính pháp sư.
心貢高者。名尊敬法師。
([Chẳng nói] kẻ có tâm ngạo nghễ [mà đáng] gọi là tôn kính pháp sư).

Mặt ngoài lễ tiết rất chu đáo, trong tâm ngạo nghễ, ngã mạn thì chẳng phải là chân chánh tôn kính pháp sư.

Chánh kinh:
Ỷ ngữ khinh lộng, vi thiện thuyết pháp.
綺語輕弄。為善說法。
([Chẳng bảo kẻ] nói thêu dệt, bỡn cợt là khéo thuyết pháp)

Căn bệnh này nếu quý vị chú tâm quan sát, quý vị đều thấy ngay. *"Ỷ ngữ"* là hoa ngôn xảo ngữ. *"Khinh lộng"* là thường dùng những môi miếng giỡn hớt đùa bỡn để giảng kinh thuyết pháp, khiến đại chúng cười vỡ cả nhà! Ôi! Kẻ ấy nói rất giỏi, nhưng Phật chẳng gọi kẻ ấy là người thuyết pháp giỏi!

Chánh kinh:
Dữ tục giao tạp, năng ư tăng chúng, ly chư quá thất.
與俗交雜。能於僧眾。離諸過失。
(Giao du hỗn tạp với người đời mà có thể lìa các lầm lỗi đối với tăng chúng)

Điều này đức Phật cũng chẳng nói. Ưa thích qua lại cùng kẻ tục gia, ưa thích kết giao với tục nhân, mà chẳng hề có lầm lỗi trong tăng đoàn là điều rất khó. Vì sao vậy? Tiêm nhiễm tập khí thế tục, trở ngại tăng chúng tu hành thì sao có thể nói là *"lìa các lầm lỗi"* cho được?

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Giản thắng phước điền, vi thí bất vọng báo!

彌勒。我不說言。簡勝福田。為施不望報。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói: Coi thường phước điền thù thắng là bố thí mà chẳng mong được báo)

"Bố thí chẳng mong được báo" là điều đức Phật thường dạy chúng ta, giống như ở phần trước đã nói là dùng tâm không mong cầu để hành pháp bố thí. *"Tâm không mong cầu"* chính là *"bố thí chẳng mong được báo"*. Nếu có kẻ *"coi thường phước điền thù thắng"* mà cho là mình làm như vậy chính là bố thí chẳng mong cầu quả báo thì là đã hiểu lầm mất rồi, đã hiểu lầm ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ do Phật đã nói mất rồi.

Thế nào là *"giản thắng phước điền?"* Thắng là tốt đẹp thù thắng. "*Giản"* là giản mạn (đối đãi với người khác một cách qua loa, nhạt nhẽo), sơ mạn (coi thường, khinh dễ), khinh mạn. Kẻ ấy bố thí tu phước với thái độ ngạo nghễ, ngã mạn. Chẳng hạn như kẻ ấy có rất nhiều tiền, tùy tiện xả thí một ít trong chốn chùa miếu, tâm khinh rẻ, chẳng có lấy một chút lòng tôn trọng, cung kính gì, cứ tưởng như thế là bố thí chẳng mong cầu quả báo. Hiểu ý nghĩa *"bố thí chẳng mong được báo"* như vậy là lầm mất rồi!

Chánh kinh:

Cầu ân báo giả, vi thiện nhiếp chư sự.

求恩報者。為善攝諸事。

([Chẳng nói] kẻ mong được đền ơn là khéo nhiếp các sự)

"Nhiếp" (攝) nói theo cách bây giờ là *"quản chế"* (trông coi); giống như trong đạo tràng chúng ta ngày nay gọi là làm nghĩa công (volunteer, làm công quả). Đấy là *"thiện nhiếp chư sự"*. Lúc bọn họ đến làm công quả thì mục đích là gì? Cầu được báo ân, cầu quả báo, đó chính là *"chẳng khéo nhiếp các sự"*. Làm công quả, tốt lắm! Nhưng phải "tâm không mong cầu" mới là *"khéo nhiếp các sự"*. Hễ có tâm mong mỏi là chẳng trúng. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch ý nghĩa này.

Chánh kinh:

Cầu cung kính, lợi dưỡng, vi chí nhạo thanh tịnh.

求恭敬。利養。為志樂清淨。

([Chẳng nói] cầu cung kính, lợi dưỡng là chí ưa thanh tịnh).

Người tâm chí thích thanh tịnh quyết định chẳng có ý niệm cầu cung kính, lợi dưỡng. Có ý niệm ấy mà tự cho là mình rất thanh tịnh thì lầm to rồi.

Chánh kinh:
Đa vọng kế giả, dĩ vi xuất gia.
多妄計者。以為出家。
([Chẳng nói] kẻ lắm tính toán xằng bậy là xuất gia)

"Vọng" (妄) là hư vọng, "kế" (計) là tính toán. Đấy là điều người xuất gia chẳng nên làm. Phạm vi của "vọng kế" rất rộng lớn.

Chánh kinh:
Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Phân biệt bỉ ngã, danh nhạo trì giới.
彌勒。我不說言。分別彼我。名樂持戒。
(Này Di Lặc! Ta chẳng nói kẻ phân biệt ta - người gọi là thích trì giới)

Người trì giới quyết định chẳng phân biệt ta - người. Nếu như có ý niệm phân biệt ta - người thì người như vậy trì giới chẳng thể đắc định, nên chẳng phải là người trì giới chân chánh. Quý vị phải hiểu là đối với Giới Học, do Giới mà đắc Định, nhân Định khai Huệ. Người chân chánh trì giới giống như Lục Tổ nói: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian"*. Quý vị vẫn còn có chấp trước, phân biệt đây - kia, ta - người thì là sai rồi!

Chánh kinh:
Bất tôn kính giả, danh vi thính pháp.
不尊敬者。名為聽法。
([Chẳng nói] kẻ không tôn kính mà gọi là nghe pháp)

Nơi giảng kinh thuyết pháp, người đến nghe pháp rất nhiều. Có hạng người tuy cũng đến nghe, nhưng Phật nói hạng người ấy chẳng nghe pháp. Vì sao vậy? Họ nghe mà chẳng hiểu được ý nghĩa của Phật pháp. Họ đến đấy làm gì? Do hiếu kỳ mà đến, đến để coi rốt cuộc Phật giáo giảng dạy những gì, thậm chí đến để gây rắc rối nữa đấy. Rất nhiều đạo tràng gặp tình cảnh này. Vì thế giảng kinh thuyết pháp chẳng phải là chuyện dễ, đặc biệt là ở đạo tràng [có kẻ] sanh lòng khinh dễ.

Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần thứ nhất, ngay chiều hôm đó, pháp sư Sướng Hoài bảo tôi: "Pháp sư! Ở đây Ngài phải chú ý cẩn thận, địa

phương này có những kẻ chuyên gây rắc rối cho pháp sư. Họ nghe xong, liền nêu ngay câu hỏi tại chỗ để bắt bí pháp sư đó nghe!" Sư nói: "Ngài phải chú ý. Rất nhiều pháp sư bị thua thiệt tại Hương Cảng đấy!" Đó là hạng chuyên gây rối, là *"kẻ chẳng tôn kính"*. Họ chẳng đến để nghe pháp mà chỉ đến để gây rối mà thôi.

Chánh kinh:

Nhạo trước thế điển, chú trớ, ngôn luận, dĩ vi thọ pháp.

樂著世典。咒詛。言論。以為受法。

(Ưa đắm sách vở thế tục, bùa chú, lý luận, cho đó là thọ pháp)

"Thọ pháp" là truyền pháp. Ưa thích sách vở thế gian, những sách ấy không phải là kinh điển nhà Phật. Ưa thích chú ngữ, các ngôn luận như thế, cho là mình "thọ pháp", tức tiếp nhận đại pháp của Như Lai. Đấy cũng là lầm lạc, chẳng phải là điều đức Phật nói.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư chư không tánh, vô thắng giải giả, năng xuất ly sanh tử.

彌勒。我不說言。於諸空性。無勝解者。能出離生死。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ không có sự hiểu biết thù thắng đối với các tánh Không mà có thể thoát lìa sanh tử)

Nhờ vào đâu để liễu sanh tử, xuất tam giới? Ở đây, đức Phật nói rất hay, thật là đơn giản dễ hiểu. Đối với đạo lý Nhân Không Tánh, Ngã Không Tánh, đối với sự tướng chân thật ấy, nếu quý vị chẳng thể lý giải sâu xa sẽ chẳng có cách nào liễu sanh tử, thoát tam giới. Vì thế, chúng ta tu học pháp môn, nhất định phải biết căn cứ trên lý luận nào. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ lý luận ấy thì người ta nói pháp môn nào có thể liễu thoát sanh tử, pháp môn nào có thể thành Phật ngay trong thân này, quý vị nghe xong liền tin ngay. Đấy gọi là "mê tín". Đó là giả, chẳng phải thật!

Lý luận căn bản của xuất ly sanh tử là như thế này: Đối với các tánh Không, nhất định phải sanh thắng giải (giải ngộ thù thắng). Đây cũng là điều chúng tôi đã nói trong phần trước: Quý vị phải thật sự "khán phá" (thấy thấu suốt bản chất các pháp), phải thật sự buông xuống! Được vậy, quý vị mới có thể xuất ly sanh tử. Nếu quý vị có thể buông xuống được, triệt để buông xuống được bèn sẽ có thể siêu thoát lục đạo luân hồi. Thấy thấu suốt cả thế pháp lẫn Phật pháp thì quý vị

sẽ có thể vượt thoát mười pháp giới. Thấy thấu suốt, buông xuống như vậy chính là sanh thắng giải rất sâu đối với các tánh Không.

Chánh kinh:

Đa chấp trước giả, vi ly chư hạnh.

多執著者。為離諸行。

([Chẳng nói] kẻ có nhiều chấp trước là lìa các hạnh)

"Ly chư hạnh" là buông xuống. Người nhiều chấp trước làm sao có thể buông xuống được?

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư Bồ Đề phần, trụ hữu sở đắc, danh vi chứng trí.

彌勒。我不說言。於菩提分。住有所得。名為証智。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Còn trụ vào sở đắc nơi Bồ Đề phần mà gọi là chứng trí)

Câu này nói đến *"chứng quả"* (tu hành chứng quả). Nếu quý vị chú tâm quan sát thì thấy kẻ ấy đối với Bồ Đề phần vẫn thấy có sở đắc. Chúng ta đọc kinh Kim Cang sẽ hiểu là người ấy chẳng hề chứng quả! Chẳng những không chứng được quả Đại Thừa, ngay cả Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa cũng chẳng chứng. Người chứng đắc quả Tu Đà Hoàn chẳng thấy mình chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, thì mới là chứng đắc thật sự. Nghĩ mình chứng đắc bèn là giả, chẳng phải thật! Vì sao vậy? Cho là mình chứng đắc tức là có trụ. Trong tâm còn trụ vào địa vị tức là khởi vọng tưởng đấy! Phật bảo chúng ta *"không nên trụ vào đâu mà sanh tâm"* thì làm sao có thể trụ được? "Trụ" nghĩa là trong tâm thấy có. Hễ trong tâm có một quả vị nào thì chưa phải là chứng quả. Kinh Kim Cang có dạy chúng ta một câu rất trọng yếu: *"Hết thảy thánh hiền đều do vô vi pháp mà có sai biệt"*. Từ Tiểu Quả Tu Đà Hoàn cho đến quả vị Như Lai viên mãn, chúng ta hay nói đại khái là Tiểu Thừa có Tứ Quả, Tứ Hướng là tám giai đoạn, Đại Thừa từ Sơ Tín Vị cho đến Đẳng Giác Vị gồm năm mươi mốt địa vị.

Những đẳng cấp này căn cứ vào đâu để định luận? Dựa theo pháp Vô Vi để nói. Pháp Vô Vi là không có chấp trước. Công phu nơi pháp Vô Vi có sâu cạn chẳng đồng nên đức Phật mới nói ra nhiều địa vị như vậy. Trong mỗi một quả vị đều chẳng chấp trước. Hễ ai có chấp trước bèn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín chẳng có chấp trước. Kinh Kim Cang giảng về

tiêu chuẩn không chấp trước ấy rất khéo: không tướng Ta, không tướng Người, không có tướng Chúng Sanh, không có tướng Thọ Giả. Nếu quý vị làm được như vậy thì quý vị là Nhập Lưu, tức là nhập vào dòng thánh.

Do công phu phá tứ tướng và phá tứ kiến sâu hay cạn mà quả vị Bồ Tát cao hay thấp bất đồng. *"Đều do vô vi pháp mà có sai biệt",* tức là đều không trụ vào đâu mà sanh tâm đấy thôi! Có trụ thì sao? Tâm có trụ là hỏng rồi! Trụ tức là như tất cả chúng ta, trong tâm quý vị thật sự có [những vướng mắc, chấp trước]. Việc này rất phiền toái đấy nhé! Tâm là không, trong tâm không có vật chi, có pháp thế gian là sai, nhưng có Phật pháp cũng trật luôn! Phật pháp cũng chẳng để trong tâm thì mới là chứng trí chân chánh.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Vô thế lực giả, nhẫn nhục thành tựu.

彌勒。我不說言。無勢力者。忍辱成就。

(Này Di Lặc! Ta không nói rằng: kẻ không có thế lực là thành tựu nhẫn nhục)

Người ta lừa dối, coi rẻ quý vị mà quý vị không có sức phản kháng thì có phải là thành tựu nhẫn nhục hay chăng? Chẳng phải là nhẫn nhục! Có năng lực phản kháng mà chẳng phản kháng, có năng lực để trả đũa mà chẳng trả đũa thì mới gọi là nhẫn nhục chứ! Không có năng lực, làm sao nói là thành tựu nhẫn nhục cho được?

Chánh kinh:

Vô nhiễu xúc giả, bị nhẫn nhục giáp.

無嬈觸者。被忍辱甲。

([Chẳng nói kẻ] không bị quyến rũ là mặc giáp nhẫn nhục)

"Nhiễu xúc" (嬈觸) nói theo cách bây giờ là bị quyến rũ, mê hoặc. Người nào chống lại được sự mê hoặc thì Phật mới dùng thí dụ sau đây: mặc áo giáp nhẫn nhục, nghĩa là người ấy chống được mê hoặc, quyến rũ. Đối với hết thảy mê hoặc, quyến rũ, người ấy như như bất động thì mới gọi là *"mặc giáp nhẫn nhục".* Nếu quý vị chẳng bị quyến rũ mà bảo là *"mặc giáp nhẫn nhục"* thì chẳng có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Thiểu phiền não giả, danh luật nghi thanh tịnh.

少煩惱者。名律儀清淨。
([Chẳng nói] người ít phiền não gọi là luật nghi thanh tịnh)

Phiền não ít nhẹ ư? Thế mà gọi là luật nghi thanh tịnh thì đều là giả, chẳng phải chân vậy.

Chánh kinh:
Tà phương tiện giả, vi như thuyết tu hành.
邪方便者。為如說修行。
([Chẳng nói] kẻ dùng tà phương tiện là tu hành đúng như lời dạy)

Ý nghĩa câu này cũng rộng lớn phi thường. Giống như trong phần trước, đối với mười lăm điều trong đoạn này, nếu nói tỉ mỉ thì giảng mỗi điều cả buổi chiều cũng không xong. Trong thời đại này, nói thật ra, cũng chẳng thể nào giảng chi tiết được. Giảng tỉ mỉ rất phiền phức; bởi vậy tôi mới nói là đối với bộ kinh này *"chỉ điểm tới rồi thôi"*. Quý vị cứ đọc tụng kỹ, cứ suy nghĩ kỹ càng, rồi lại tỉ mỉ quan sát tâm hạnh của chính mình, quan sát khắp các hoàn cảnh, quý vị sẽ hiểu được phải tu hành như thế nào mới là "như lý, như pháp", chẳng đi vào tà đạo! Trong bộ kinh này, đức Phật đã giảng cho chúng ta vô cùng tường tận vậy!

Chánh kinh:
Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: ái ngôn thuyết giả, vi nhất tâm trụ.
彌勒。我不說言。愛言說者。為一心住。
(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Kẻ thích ăn nói là trụ vào nhất tâm)

Đặc biệt là đối với người niệm Phật chúng ta, mục đích của người niệm Phật là "nhất tâm bất loạn". Người ham nói làm sao đạt nhất tâm cho được? Đấy là điều chẳng thể có.

Chánh kinh:
Háo doanh thế vụ, ư pháp vô tổn.
好營世務。於法無損。
([Chẳng nói] kẻ thích lo toan việc đời mà chẳng tổn hoại nơi pháp)

Phật chẳng nói điều này. "Doanh" (營) là kinh doanh, "vụ" (務) là sự vụ. Ưa thích lo toan sự vụ thế gian mà nói là chẳng hề trở ngại gì đến tu hành lẫn đạo nghiệp, đức Phật chẳng dạy như thế. Nói cách khác là quyết định có trở ngại đấy!

Chẳng cần nói là phải lo liệu việc đời, chỉ phải quản lý nhân sự đã có chướng ngại rồi. Đại sư Trí Giả nói như thế đấy!

Trước lúc Trí Giả đại sư vãng sanh, có môn đệ hỏi Ngài: "Lão nhân gia vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị ra sao?" Ngài đáp: *"Ta do làm trụ trì chùa miếu, phải trông nom mọi sự, nên đối với việc tu hành của chính mình có trở ngại. Bởi thế, phẩm vị vãng sanh chẳng cao, chỉ đạt địa vị Ngũ Phẩm"*. Địa vị Ngũ Phẩm là Phàm Thánh Đồng Cư độ, là đới nghiệp vãng sanh. *"Nếu như chẳng lãnh chúng, chẳng làm trụ trì, chẳng trông coi nhân sự, thì phẩm vị sẽ cao"*. Do đấy biết là việc quản trị đại chúng trong chùa miếu đối với phẩm vị và việc tu hành của chính mình đều có chướng ngại; huống chi là lo liệu việc đời!

Thế nào là việc đời? Những gì chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới đều gọi là "việc đời" (thế vụ). Chữ *"thế"* chỉ lục đạo luân hồi, còn thuộc trong tam giới. Ưa thích làm những việc như thế là sai lầm. Nói dễ nghe hơn một chút là làm những việc cốt để tu phước. Phước thì tu được, nhưng đối với việc liễu sanh tử, xuất tam giới, đối với Giới, với Định, Huệ, quyết định bị chướng ngại.

Chánh kinh:

Chí nhạo thanh tịnh, đọa chư ác thú.

志樂清淨。墮諸惡趣。

([Ta chẳng nói] người tâm chí ưa thích thanh tịnh mà đọa trong các đường ác)

Vì sao đức Phật lại nói lời này? Nói thật ra, nhìn vào thời đại này, chúng ta thấy câu này nghiệm ra rất có lý. Có những người bảo kẻ chắc thật niệm Phật: "Các ngươi chỉ là kẻ lo giải thoát cho riêng mình, tâm lượng hẹp hòi quá đi! Các ngươi đang tu hạnh Tiểu thừa, là pháp bị chư Phật, Bồ Tát quở trách đó!" Chúng ta nghe nói như thế bèn chẳng dám tu nữa, bèn tu theo cách của họ. Tu theo cách của họ là sao? *"Ưa lo việc đời", "ham thích nói nhiều",* bắt chước họ làm những chuyện đó. Phật nói ra một câu, chúng ta thấy rõ ngay. *"Người chí ưa thích thanh tịnh, quyết định chẳng đọa địa ngục",* làm sao có đạo lý đọa địa ngục cho được?

Chánh kinh:

Tu tập trí huệ, vi hội náo hạnh.

修習智慧。為憒鬧行。

([Chẳng nói] tu tập trí huệ là hạnh ồn náo)

Trí huệ do đâu có? Trí huệ từ thiền định mà ra. Nói cách khác, trí huệ xuất phát từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi ra tác dụng là trí huệ chân thật. Người tu tâm thanh tịnh làm sao có thể ồn náo, rối ren cho được? *"Hội náo"* (憒鬧) nói theo cách bây giờ là náo nhiệt, rối ren. Cuối cùng là điều thứ mười lăm:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: phương tiện tương ứng, danh vi siểm khúc.

彌勒。我不說言。方便相應。名為諂曲。

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Phương tiện tương ứng mà gọi là siểm khúc)

"Phương tiện tương ứng" là điều Đại Thừa Bồ Tát thường dùng, chính là *"hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức"*. Nhìn từ biểu hiện bên ngoài có phần tương tự như "siểm khúc", nhưng bên trong hoàn toàn bất đồng. Bồ Tát thật sự một dạ từ bi, dùng phương tiện khéo léo để tiếp dẫn chúng sanh.

Chánh kinh:

Bất cầu lợi dưỡng, nhi vi vọng ngữ.

不求利養。而為妄語。

([Chẳng nói] chẳng cầu lợi dưỡng là vọng ngữ).

Điều này Phật tuyệt đối chẳng nói. Chẳng phải là Phật thì kẻ nào nói va-vậy? Ma nói đấy! Ma đồn nhảm đặt chuyện nhằm phá hoại chánh pháp đó mà!

Chánh kinh:

Vô chấp trước giả, phỉ báng chánh pháp, hộ chánh pháp giả, nhi tích thân mạng.

無執著者。誹謗正法。護正法者。而惜身命。

([Chẳng nói] kẻ không chấp trước là phỉ báng chánh pháp, kẻ hộ trì chánh pháp mà còn tiếc thân mạng)

Đấy đều chẳng phải là điều Phật nói.

Chánh kinh:

Sở hành hạ liệt, vi vô thắng mạn.

所行下劣。為無勝慢。

(Việc làm hèn kém mà chẳng phải là thắng mạn).

Câu này phải giải thích sơ lược một chút. Trong câu *"sở hành hạ liệt"*, chữ *"hạ"* chỉ lục đạo, trong mười pháp giới lục đạo là "hạ". Đã "hạ" còn "liệt" (hèn kém). Liệt là chỉ ba ác đạo. Nói cách khác, câu này ý nói: Hành vi, tư tưởng người ấy thể hiện tham, sân, si, mạn mà làm ra vẻ mình chẳng ngạo mạn. Thứ ngạo mạn ấy vì sao gọi là "thắng mạn"? Trong kinh, đức Phật quy nạp ngã mạn thành ba loại lớn.

Loại thứ nhất là "thắng mạn", thắng mạn nghĩa là so với người khác mình luôn ngon lành hơn! Người khác không ai bằng được mình, luôn nghĩ mình trội hơn người khác. "Vô thắng mạn" là chẳng có dư nghiệp ngạo mạn ấy.

Ngoài ra, còn một loại khác là "Đẳng Mạn". Đẳng Mạn là dù tôi dường như chẳng vượt trội anh, tôi cũng chẳng kém anh cho mấy; so với tôi, anh cũng chẳng cao hơn tôi cho mấy. Loại mạn này gọi là Đẳng Mạn, cho là người khác cũng bằng mình, không giống như loại trên, coi mình hơn người khác.

Loại thứ ba là Ty Mạn, Ty Mạn là tự mình cảm thấy không bằng người khác, tuy không bằng người khác nhưng cũng không chấp nhận, đó gọi là Ty Mạn. Tất cả các thứ Mạn quy về ba loại lớn này. Ở đây kinh chỉ nói đến Thắng Mạn, nhưng thực tế gồm cả ba loại Mạn.

Đức Thế Tôn nêu lên nhiều thí dụ, nhưng nói thật ra, những sự tướng ấy chẳng thể nói hết được. Từ khá nhiều thí dụ ấy, chúng ta phải hiểu rõ chân - vọng, tà - chánh, thị - phi. Nếu từ những thí dụ được nêu lên đó, chúng ta đọc xong, nghe xong vẫn chẳng thể phân biệt tà - chánh, thị - phi thì chúng ta khá ngu si đó nghe! Ngu si thì phải làm sao? Đọc nhiều lần, nghe nhiều lần. Chỉ cần đọc nhiều lần, nghe nhiều lần thì dần dần cũng sẽ thông minh!

Chánh kinh:

Như thị Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, đương hữu Bồ Tát độn căn, tiểu trí, siểm khúc, hư cuống, trụ ư tặc hạnh, nhữ ưng hộ chi.

如是彌勒。於后末世。五百歲中。當有菩薩。鈍根。小智。諂曲。虛誑。住於賊行。汝應護之。

(Như thế đó, Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, sẽ có những Bồ Tát độn căn, trí nhỏ, dua vạy, hư dối, giữ lấy hạnh giặc, ông nên gìn giữ)

Nói thật ra, những điều này đều là nói về chúng ta cả. Chúng ta chẳng phải là lợi căn, chẳng thông minh, nghe rồi cũng chẳng hiểu, nghe xong cũng chẳng nhớ gì! *"Tiểu trí"* là không có trí huệ chân thật, kém thông minh đấy! *"Siểm khúc, hư cuống":* Hư cuống là tự mình lừa dối chính mình, dối mình, lừa người. Xử thế, đối đãi với người, tiếp vật, dụng tâm chẳng ngay thẳng, cong queo, vạy

vò, đích xác chúng ta là hạng Bồ Tát như thế đó! *"Trụ ư tặc hạnh"* là đức Thế Tôn nói cho chúng ta biết, hiện tại chúng ta đang tu hạnh gì vậy? Tặc hạnh đấy!

Tặc hạnh nghĩa là gì? Công đức pháp tài của chính mình đều bị hao tổn! *"Tặc hạnh"* là phiền não hạnh. Phiền não gây chướng ngại cho pháp tài trí huệ, công đức của chúng ta nên phiền não được ví với giặc. Trí huệ Bát Nhã, công đức pháp tài nơi bổn tánh chúng ta bị phiền não trộm mất, chúng ta chẳng thọ dụng được. Vì thế, tặc hạnh là phiền não hạnh, khởi tâm động niệm, hết thảy những gì tu trì đều thuộc trong phiền não. Tuy vậy, Phật, Bồ Tát vẫn đại từ đại bi, chẳng hề vứt bỏ chúng ta. Quý vị xem [kinh ghi] *"các ông nên gìn giữ"*, nghĩa là đức Thế Tôn phó chúc Di Lặc Bồ Tát: *"Ông phải hộ trì những người như thế đó!"* Vì sao?

Dù chúng ta lắm bệnh, lòng chúng ta đối với Phật vẫn có mấy phần cung kính, vẫn muốn học theo, vẫn có một hai phần cung kính, vẫn có ý niệm học theo, hết sức đáng quý! Quý vị coi trong thế gian này, nhan nhãn chúng sanh, có mấy kẻ muốn học Phật? Chúng tôi giảng kinh ở nơi này, tầng trên, tầng dưới cao ốc này có bao nhiêu là người; những kẻ ở sát vách đều chẳng đến nghe, quý vị mới hiểu là dù *"trụ trong tặc hạnh"* cũng rất đáng quý đấy nhé! Chẳng dễ gì đâu! Vì thế, Phật, Bồ Tát rất trân quý, chẳng buông bỏ chúng ta, phó chúc Di Lặc Bồ Tát bảo hộ chúng ta, phải hộ niệm chúng ta!

6.3. Chúng sanh đời mạt phỉ báng, ô nhục, chán lìa người có sư trưởng lẫn Bồ Tát trì chánh pháp.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, duy thử lục thập chư Bồ Tát đẳng, nghiệp chướng sở triền, vi phục tiện hữu dư Bồ Tát da?

爾時。彌勒菩薩白佛言。世尊。最后末世。五百歲中。唯此六十諸菩薩等。業障所纏。為復更有。余菩薩耶。

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau cùng, trong năm trăm năm, chỉ có sáu mươi Bồ Tát này bị nghiệp chướng trói buộc, hay là còn các Bồ Tát khác hay chăng?)

Di Lặc Bồ Tát hỏi câu này rất hay. Ý Ngài hỏi như sau: Vào thời Mạt Pháp, những Bồ Tát ngu si như thế thật sự chỉ có con số ít ỏi là sáu mươi người ấy? Hay là còn nhiều hơn nữa?

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Di Lặc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát đa vị nghiệp chướng chi sở triền phú. Thị chư nghiệp chướng hoặc hữu tiêu diệt, hoặc phục tăng trưởng.

佛告彌勒菩薩言。彌勒。於后末世五百歲中。有諸菩薩。多為業障。之所纏覆。是諸業障。或有消滅。或復增長。

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lặc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát bị nhiều nghiệp chướng trói buộc, che lấp. Các nghiệp chướng ấy có trường hợp sẽ tiêu diệt, có trường hợp càng tăng trưởng)

Ý của Phật là: Trong thời kỳ Mạt Pháp có nhiều Bồ Tát nghiệp chướng. Rất nhiều! Họ đều bị nghiệp chướng che phủ, trói buộc. Có những vị Bồ Tát ngu si nhưng do duyên thù thắng, gặp được chân thiện tri thức, nghe xong hiểu được minh bạch rồi bèn y giáo phụng hành, nghiệp chướng của họ cũng dần dần tiêu diệt.

Có tiêu diệt được hay chăng? Được chứ! Quả thật là được. Do đâu mà biết? Trước khi học Phật, tham - sân - si rất nặng, tu hành mấy năm tham - sân - si không còn nữa; đấy là nghiệp chướng tiêu diệt. Nếu vẫn còn tham - sân - si - nghi - mạn thì nghiệp chướng chưa tiêu diệt. Hoặc có khi còn tăng trưởng, tăng trưởng những gì? Tức là như ở phần trước đã nói: Vì hiểu lầm ý Phật nên tu trì Phật pháp, hoặc là trì giới thanh tịnh, giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng lại tăng trưởng. Vì sao người giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng lại tăng trưởng? Thấy người khác chẳng trì giới, vậy là bọn họ chẳng bằng mình, ta vượt trội họ nhiều quá, bọn họ chẳng đáng để ta qua lại, chẳng đáng chuyện trò cùng ta! Phiền não tăng trưởng đấy!

Nói theo người thế gian là bọn họ rất đáng nên kiêu ngạo! Có kẻ cậy mình tu hành giỏi hơn người khác bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ giảng kinh thuyết pháp giỏi bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ phước báo lớn bèn khởi tâm ngạo mạn. Tăng trưởng nghiệp chướng đấy! Như vậy chẳng gọi là tiêu nghiệp chướng. Tướng trạng của nghiệp chướng tiêu trừ là ngày càng khiêm tốn, ngày càng nhún nhường, ngày càng chẳng khác gì kẻ khác. Đấy là hiện tượng nghiệp chướng tiêu diệt.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ư thử ngũ bách chư Bồ Tát trung, hữu nhị thập Bồ Tát, nghiệp chướng vi thiểu, hậu ngũ bách tuế, hoàn lai sanh thử thành ấp, tụ lạc, thị hãn, sơn dã.

彌勒。於此五百諸菩薩中。有二十菩薩。業障微少。后五百歲。還來生此。城邑。聚落。市閈。山野。

(Này Di Lặc! Trong số năm trăm Bồ Tát đây, có hai mươi Bồ Tát, nghiệp chướng nhỏ ít, sau năm trăm năm, lại sanh vào trong thành ấp, tụ lạc, phố thị, đồng núi này)

Chúng ta phải chú tâm lãnh hội đoạn kinh này. Đức Phật dạy chúng ta: Vào năm trăm năm sau trong thời đại hiện tại này, các Bồ Tát trong thời đức Phật còn tại thế sẽ có những vị tái lai, đấy là vì lòng từ bi chân thật đến cùng cực. Có bao nhiêu vị? Hai mươi vị, không nhiều nhặn gì! Hai mươi vị Bồ Tát ấy nghiệp chướng ít, nghiệp chướng nhẹ mỏng, năm trăm năm sau họ trở vào thế gian này hóa độ chúng sanh. Họ sẽ ở tại những địa phương nào? *"Thành ấp"* là đô thị, *"tụ lạc"* là xóm làng, làng mạc, *"thị hãn"* nói theo bây giờ là những phố thị, *"sơn dã"* là những khu vực nằm ngoài phố thị.

Chánh kinh:

Chủng tánh tôn hào, hữu đại oai đức.

種姓尊豪。有大威德。

(Giòng họ tôn quý, giàu mạnh, có oai đức lớn)

Câu này nói về sự thị hiện nơi thành phần xuất thân của các Ngài.

Chánh kinh:

Thông minh, trí huệ, thiện xảo phương tiện, tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn, đa sở nhiêu ích, nhan mạo đoan nghiêm, biện tài thanh diệu.

聰明。智慧。善巧。方便。心意調柔。常懷慈愍。多所饒益。顏貌端嚴。辯才清妙。

(Thông minh, trí huệ, phương tiện hay khéo, tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn, làm nhiều điều lợi ích, vẻ mặt đoan nghiêm, biện tài trong trẻo, hay khéo)

Câu này diễn tả đức hạnh của các Ngài.

Chánh kinh:

Số thuật, công xảo, giai năng thiện tri.

數術。工巧。皆能善知。

(Số thuật[3], nghề khéo thảy đều biết rõ).

Hai câu này nói về tài nghệ của các Ngài. Có thể nói là các Ngài thông minh, trí huệ, chân thành, từ bi, đa tài, lắm nghề. Các vị Bồ Tát này có vị thị hiện tại gia, có vị xuất gia. Những điều các Ngài biểu hiện trong ba câu tiếp theo đây rất là trọng yếu.

Chánh kinh:

Tự ẩn kỳ đức, an trụ đầu-đà, công đức chi hạnh.

自隱其德。安住頭陀。功德之行。

(Các vị tự giấu đức mình, an trụ hạnh đầu-đà công đức).

Các Ngài chẳng tự phô trương, tuyệt đối chẳng tự tuyên truyền, các Ngài biết *"tự giấu đức mình, an trụ đầu-đà"*, nói theo cách bây giờ là sanh hoạt rất bình phàm, cũng có thể là các ngài sống rất thanh bần, cũng chẳng tỏ vẻ là rất giàu có, các Ngài tu học công đức chân thật.

Chánh kinh:

Tại tại sở sanh, xả gia vi đạo, dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp trung, tích tập A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

在在所生。舍家為道。已於無量阿僧祇俱胝劫中。積集阿耨多羅三藐三菩提。

(Sanh ở nơi đâu đều bỏ nhà tu đạo, trong vô lượng a-tăng-kỳ câu chi kiếp, tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Do đây ta biết là họ thiện căn hết sức sâu dày. Câu *"tại tại sở sanh"* trong đoạn này nghĩa là đời đời kiếp kiếp, các Ngài thị hiện xuất gia tu đạo, *"xả gia"* nghĩa là xuất gia.

Mọi người phải hiểu rõ chữ *"xuất gia";* xuất gia chẳng nhất định là quý vị phải lìa bỏ gia đình, đến chùa viện làm hòa thượng. Nếu hiểu như vậy là lầm mất rồi! *"Xả gia"* ở đây là tâm trọn chẳng vương vấn việc nhà, như thường nói: *"Tâm xuất gia, thân chẳng xuất"* đấy mới là chân xuất gia. Thân xuất gia mà tâm vẫn mơ tưởng thì có khác gì người thế gian, đấy là *"thân xuất, tâm chẳng xuất",* đâu

[3] Theo pháp sư Viên Anh, Số là những gì liên quan đến bói toán, lịch pháp, toán pháp v.v... Còn Thuật là những cách thức chữa bệnh, coi tướng, phong thủy, địa lý v.v...

phải là xuất gia, chỉ là dối người đó thôi! Bởi thế, Phật pháp chú trọng tâm xuất gia, chẳng coi trọng thân xuất gia. Vì thế, những Bồ Tát tại gia ấy đều là tâm xuất, thân chẳng xuất. Các ngài thị hiện như thế, nhưng thật sự ra tâm các Ngài tại đạo, chẳng tại gia nghiệp. Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch.

Chánh kinh:
Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng.
護持正法。不惜身命。
(Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng)

Khởi tâm động niệm, làm gì cũng nhất định tương ứng với pháp, trọn chẳng trái nghịch lời răn dạy của đức Phật.

Chánh kinh:
Trụ a-lan-nhã, không nhàn lâm trung, thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng.
住阿蘭若。空閑林中。常勤精進。不求利養。
(Ở chốn a-lan-nhã, trong rừng trống vắng, thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng)

Hoàn cảnh sanh sống và tu học của các Ngài cũng rất thanh tịnh. *"A-lan-nhã"* và *"không nhàn lâm trung"* ý nói hoàn cảnh cư trú của các Ngài rất u tịnh. Dù ở ngay chốn thành thị, trong khu vực ồn ào, náo nhiệt, chẳng khác nào ta đang ở trong căn chung cư này, dù bên ngoài rất náo nhiệt, hoàn cảnh cư trú riêng của họ cũng vẫn thanh tịnh, vẫn là chẳng nhiễm mảy trần! Đó gọi là *"trong chốn ồn náo giữ được thanh tịnh".* Các Ngài an trụ trong thanh tịnh, nhàn hạ.

Chánh kinh:
Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh.
善入一切。眾生心行。
(Khéo vào trong tâm hạnh của hết thảy chúng sanh).

Đây là giáo hóa chúng sanh nhất định phải khế cơ. Phải hiểu thật rõ, thật minh bạch ý tưởng, kiến giải, điều ưa thích của hết thảy chúng sanh thì pháp nói ra mới được đại chúng tin tưởng, ngưỡng mộ, mới tạo lợi ích chân thật cho đại chúng được. Đấy là cũng giảng pháp khế cơ.

Chánh kinh:

Chú thuật ngôn luận, tất năng liễu tri. Ư chư nghĩa lý, thiểu văn đa giải.

咒術言論。悉能了知。於諸義理。少聞多解。

(Chú thuật, ngôn luận thảy đều hiểu trọn. Với các nghĩa lý, nghe ít hiểu nhiều)

Đây là trí huệ rộng mở. Chú thuật, ngôn luận đều hiểu trọn vẹn, ý nói: Kiến thức thông thường rất phong phú, những gì người thế gian biết, các Ngài đều hiểu cả, không gì là không biết. Nghĩa lý, thế pháp, xuất thế pháp, vừa tiếp xúc một lần liền có thể hiểu rành, đó gọi là trí huệ mở mang.

Chánh kinh:

Biện tài trí huệ, giai tất cụ túc, bỉ chư Bồ Tát ư thị pháp trung, tinh cần tu tập, đắc đà-ra-ni, vô ngại biện tài.

辯才智慧。皆悉具足。彼諸菩薩。於是法中。精勤修習。得陀羅尼。無礙辯才。

(Biện tài trí huệ thảy đều đầy đủ, các vị Bồ Tát ấy ở trong pháp đó, siêng năng chuyên ròng tu tập, đắc đà-ra-ni, biện tài vô ngại).

Nếu các Ngài chẳng đầy đủ những điều kiện vừa nêu trên, các Ngài làm sao đạt đại thành tựu trong Phật pháp cho được? "Đà-ra-ni" là nắm được tổng cương lãnh của Phật pháp. Đã vậy lại còn có trí huệ biện tài nên mới có thể thuyết pháp.

Chánh kinh:

Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp.

於四眾中。宣說正法。

(Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp)

Bản thân các Ngài có đầy đủ những điều kiện như thế. Bản thân có đủ những điều kiện ấy vẫn chưa đủ, nhất định phải được Phật lực gia trì. Nếu chẳng được Phật lực gia trì, những điều kiện bản thân chẳng thể chống cự phiền não, tà kiến của chúng sanh. Vì vậy, ta mới biết là hoằng dương chánh pháp đâu phải là chuyện dễ dàng. Bởi thế, đoạn kinh văn tiếp theo nói:

Chánh kinh:

Dĩ Phật oai đức gia bị lực cố.

以佛威德。加被力故。

(Do sức gia bị từ oai đức của Phật)

Đây chính là được Phật lực gia trì. Nếu chúng ta hỏi: "Nhờ đâu các Ngài được Phật lực gia trì?" Nhờ vào những điều kiện đã nói ở trên. Những điều kiện đó lấy thiện căn trong vô lượng kiếp làm nhân, lấy đức hạnh trong một đời này làm duyên. Đã có nhân lành lại có duyên lành nên mới được Phật, Bồ Tát gia trì; được Phật lực gia trì thì trong đạo tràng Phật quang sẽ chiếu rọi vậy.

Vì sao mọi người vào đạo tràng này bèn sanh tâm hoan hỷ? Là vì họ được Phật quang tưới gội vậy. Điều ấy chẳng phải do tôi nói. Con người có năng lực gì? Không có chi cả! Quý vị ở nơi đây sanh tâm hoan hỷ là do Phật quang chiếu rọi, được chư Phật gia trì đó thôi. Người giảng được Phật lực gia trì, người nghe cũng được Phật lực gia trì. Chẳng có Phật lực gia trì thì chúng tôi nói không nổi, chẳng có Phật lực gia trì thì quý vị nghe cũng chẳng hiểu nổi ý nghĩa. Người giảng, người nghe đều được Phật gia trì.

Chánh kinh:
Ư Phật sở thuyết tu-đa-la,
於佛所說修多羅。
(Với những tu-đa-la do đức Phật nói)

Tu-đa-la (Sūtra) là Khế Kinh.

Chánh kinh:
Kỳ-dạ.
祇夜。

Kỳ-dạ (Geya) là kệ tụng.

Chánh kinh:
Thọ ký, già-đà.
受記。伽陀。

Già-đà (Gāthā) là phúng tụng, ta còn gọi là Cô Khởi Tụng.

Chánh kinh:
Ưu-đà-na.
優陀那。

Ưu-đà-na (Udāna) là vô vấn tự thuyết (không ai hỏi tự nói). Như kinh A Di Đà là thuộc về thể loại Ưu-đà-na.

Bởi lẽ mười hai câu trong đoạn này đều là dịch âm tiếng Phạn nên tôi thuật ý nghĩa của chúng.

Chánh kinh:
Ni-đà-na.
尼陀那。

Ni-đà-na (nidāna) là Nhân Duyên.

Chánh kinh:
A-ba-đà-na.
阿波陀那。

A-ba-đà-na (Avadāna) là Thí Dụ.

Chánh kinh:
Y-đế-việt-đa-già.
伊帝越多伽。

[Y-đế-việt-đa-già (Itivrttakam)] là Bổn Sự.

Chánh kinh:
Xà-đa-già.
闍多伽。

[Jātaka] là Bổn Sanh.

Chánh kinh:
Tỳ-phật-lược.
毗佛略。

[Vaipulya] là Phương Quảng.

Chánh kinh:

A-phù-đà-đạt-ma.
阿浮陀達摩。

[Adbhuta-dharma] là Vị Tằng Hữu (chưa từng có).

Chánh kinh:
Ưu-ba-đề-xá.
優波提舍。

[Upadesa] là Luận Nghị. Mười hai loại này thường gọi là "mười hai phần giáo", cũng như nếu gộp chung hết thảy Phật pháp đức Thích Ca Mâu Ni đã tuyên thuyết trong cả một đời thì xét ra chẳng ngoài mười hai loại này, chẳng ngoài mười hai phương cách này.

Chánh kinh:
Giai đắc biện tài, vô ngại tự tại.
皆得辯才。無礙自在。
(Đều được biện tài vô ngại tự tại).

Do được Phật lực gia trì nên đối với hết thảy pháp đức Thế Tôn đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm, các Ngài chẳng có chướng ngại, các Ngài được tự tại, tiếp xúc một lần liền có thể thông đạt. Đấy là do thiện căn của chính mình là nhân, được Phật lực gia trì là duyên, nên mới có thành tựu như thế. Đối với những ai phát tâm theo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, đoạn kinh văn này hết sức trọng yếu. Nếu chẳng đầy đủ những điều kiện đã nói trong phần này mà quý vị đeo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, nhất định sẽ bị chướng ngại trùng trùng. Bởi thế, nhất định phải nỗ lực để tu tập.

Chắc cũng có vị nói: Xem đến những điều được thuật trong đoạn kinh này, ta thấy các vị Bồ Tát ấy *"đã trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp"* tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sợ rằng mình chẳng có phần đâu! Quý vị bất tất phải buồn lo. Nếu quý vị chẳng có thiện căn sâu dầy như thế, nói thật ra, trong đời này quý vị chẳng được nghe đến pháp môn này, trong đời này quý vị chẳng đọc được bộ kinh này đâu nhé! Quý vị có duyên phận tiếp xúc pháp môn này, đọc đến kinh điển này, thì nói cách khác là: thiện căn quá khứ của quý vị cũng rất thâm hậu đó nghe! Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, sẽ thấy được điều này.

Vì thế, quý vị ai nấy đều có thiện căn hết sức sâu dầy, nhưng vấn đề là trong đời hiện tại chẳng có thiện duyên. Nếu gặp được thiện duyên, chắc cũng có vị sẽ

là một người trong số hai mươi vị Bồ Tát mà đức Thế Tôn đã nhắc đến. Xuất gia hay tại gia chẳng liên quan gì đến chuyện này. Tại gia Bồ Tát cũng gánh vác công tác hoằng pháp lợi sanh giống hệt như vậy. Chúng ta hãy xem tiếp đoạn sau:

Chánh kinh:

Di Lặc! Bỉ chư nhị thập thiện xảo Bồ Tát, tùng ư hòa thượng, a-xà-lê sở, đắc văn vô lượng bách thiên Khế Kinh, giai năng thọ trì, đương thuyết thị ngôn: "Ngã thử pháp môn tùng mỗ hòa thượng a-xà-lê sở, thân tự thính thọ, vô hữu nghi hoặc".

彌勒。彼諸二十善巧菩薩。從於和尚。阿闍梨所。得聞無量百千契經。皆能受持。當說是言。我此法門。從某和尚阿闍梨所。親自聽受。無有疑惑。

(Này Di Lặc! Hai mươi vị Bồ Tát thiện xảo ấy từ nơi hòa thượng a-xà-lê được nghe vô lượng trăm ngàn Khế Kinh, đều có thể thọ trì, sẽ nói như thế này: "Pháp môn này ta đích thân được nghe nhận từ vị hòa thượng a-xà-lê X..., chẳng có ngờ vực").

Hai hàng kinh văn này, nói theo lối cổ là "sư thừa". Rất trọng yếu đấy! Pháp của quý vị là do đâu mà có? Ai truyền cho quý vị? Điều này rất trọng yếu. Không có thầy mà tự thông đạt thì chẳng hề có đạo lý ấy. Đoạn kinh này nói đến việc cầu sư thừa. Trong thời hiện tại đây, việc này hết sức khó khăn. Trong thời hiện tại đây, sư đạo (đạo làm thầy) còn chẳng có; còn sư thừa thì đừng nói là chưa thấy qua, còn chưa hề nghe qua nữa đấy. Nếu như chẳng có được sư thừa, dù có thiên tánh, quý vị chẳng được chư Phật Như Lai gia trì. Điều này là thật đấy.

Nếu như quý vị cũng có thể thuyết pháp, thuyết pháp đến mức hoa trời rơi lả tả, cũng hấp dẫn được đại chúng, nói thật ra là phải có người gia trì, nếu không phải là Phật thì là ma gia trì quý vị. Năng lực của ma cũng rất lớn, vì thế đồ chúng ma rất đông đấy nhé! Đạo tràng xây dựng to lớn chừng ấy, đủ thấy thế lực của ma cũng chẳng nhỏ. Ma có tà trí huệ nên nó cũng có tà thiện xảo, phương tiện, cũng có thể nhiếp thọ quảng đại quần chúng, nhưng những thứ ấy chẳng phải là chánh pháp.

Như vậy, chúng ta học Phật nhất định phải có thầy, ta phải học theo một vị thầy nào đó. Hai danh xưng "hòa thượng", "a-xà-lê" dùng để chỉ thầy. Hòa Thượng là Thân Giáo Sư, có quan hệ mật thiết nhất đối với mình, cũng là vị thầy truyền thừa. "A-xà-lê" là vị thầy để chúng ta mô phỏng, bắt chước theo. Ngôn hạnh của Ngài có thể làm khuôn mẫu cho đại chúng.

"Nghe kinh, thọ trì" là nói đến năng lực của các Bồ Tát ấy. Năng lực này cũng phải cầu cảm ứng, cũng phải cầu Phật gia trì. *"Đương thuyết thị ngôn"* nghĩa là các vị Bồ Tát ấy thường nói như vậy. Câu *"Pháp môn này ta đích thân được nghe từ vị hòa thượng a-xà-lê X... chẳng có ngờ vực"* là lời thuyết minh về sư thừa của vị ấy.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ư bỉ thời trung, đương hữu tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, vô hữu trí huệ, thiện xảo, phương tiện.

彌勒。於彼時中。當有在家出家。諸菩薩等。無有智慧。善巧。方便。

(Này Di Lặc! Trong thời kỳ đó, sẽ có những hàng Bồ Tát tại gia hay xuất gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện).

Câu này ý nói: Có rất nhiều Bồ Tát tại gia hay xuất gia, trông thấy thiểu số Bồ Tát vừa nói ở trên có sư thừa để y giáo tu hành bèn chẳng khỏi khởi lòng ganh ghét, gây chướng ngại. Do vậy mới có những hàng Bồ Tát xuất gia, tại gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện.

Chánh kinh:

Ư thử thọ trì chánh pháp Bồ Tát sở thuyết chi pháp, khước sanh cơ tiếu, khinh hủy.

於此受持正法菩薩所說之法。卻生譏笑。輕毀。

(Do vậy bèn chê cười, khinh hủy những pháp do vị Bồ Tát thọ trì chánh pháp nói ra).

Khinh (輕) là khinh thị (coi thường), hủy (毀) là hủy báng.

Chánh kinh:

Báng ngôn: "Như thị chi pháp giai do nhữ đẳng thiện xảo ngôn từ, tùy ý chế tạo, thật phi Như Lai chi sở tuyên thuyết. Ngã đẳng ư trung, bất năng tín nhạo, phát hy hữu tâm".

謗言。如是之法。皆由汝等。善巧言詞。隨意制造。實非如來之所宣說。我等於中。不能信樂。發希有心。

(Báng rằng: "Những pháp như thế là do các ngươi [dùng] lời lẽ hay khéo tùy ý đặt ra, thật sự chẳng phải do đức Như Lai tuyên thuyết. Bọn ta đối với những pháp ấy chẳng thể tin ưa, sanh tâm hy hữu")

Trong hiện tại có những việc như thế xuất hiện hay chăng? Có! Chúng tôi ở trong nước hay ở ngoại quốc cũng thường nghe nói đến. Có người còn viết thư bảo là người này kẻ nọ (đều là những người rất có địa vị, rất có danh vọng) phủ định kinh Phật, cho rằng kinh Phật hoàn toàn là do cổ nhân bịa ra, đều chẳng phải là thật. Kinh nào mới là thật? Kinh A Hàm mới là thật. Ngay cả Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh họ cũng nói là do Bồ Tát Long Thọ giả mạo ra để gạt người. Điều này trong kinh Phật nói rất rõ: Bọn họ ỷ mình là kẻ có trí huệ, cho chúng ta là hạng mê hoặc điên đảo, không có trí huệ. Sự việc này càng ngày càng rõ rệt trong tương lai, càng ngày càng rành rành, khiến cho hết thảy những người tu học Đại Thừa tín tâm chao đảo. Đấy là ma nạn đó!

Chánh kinh:

Di Lặc! Đương nhĩ chi thời, vô lượng chúng sanh ư thị pháp sư, giai sanh phỉ báng.

彌勒。當爾之時。無量眾生。於是法師。皆生誹謗。

(Này Di Lặc! Ngay trong lúc ấy, vô lượng chúng sanh đối với pháp sư đó đều sanh phỉ báng).

Nghe những kẻ đó nói như vậy đều khởi tâm nghi.

Chánh kinh:

Xả chi nhi khứ.

舍之而去。

(Bèn bỏ đi)

Đều chẳng tu học nữa!

Chánh kinh:

Hỗ tương vị ngôn: "Thị chư tỳ-kheo, vô hữu quỹ phạm, đa chư tà thuyết, bất y Khế Kinh, bất y giới luật, do như xướng kỹ hý lộng chi pháp. Nhữ đẳng ư trung mạc sanh tín nhạo, phát hy hữu tâm, phi chánh pháp dã.

互相謂言。是諸比丘。無有軌範。多諸邪說。不依契經。不依戒律。猶如倡妓。戲弄之法。汝等於中。莫生信樂。發希有心。非正法也。

(Bảo với nhau rằng: "Các tỳ-kheo này chẳng có khuôn phép, có lắm tà thuyết, chẳng nương vào Khế Kinh, chẳng nương theo giới luật, giống hệt như

cách đào hát bỡn cợt. Các ngươi đối với các pháp ấy chớ sanh tin ưa, phát tâm hy hữu, bởi đó chẳng phải là chánh pháp vậy").

Đây là ma nạn trong đời vị lai, ma đến chướng đạo đấy! Càng thật sự tu hành, càng gặp phải những tai nạn như thế. Vì thế, ở phần trên, đức Phật đã dạy người thật sự tu hành phải *"ẩn giấu đức mình", "trụ hạnh đầu-đà"*, trọn hết khả năng tránh khỏi những phiền phức ấy. Dưới đây, đức Phật lại càng nói rõ ràng hơn.

Chánh kinh:
Di Lặc! Bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì.
彌勒。彼諸愚人。為魔所持。
(Những kẻ ngu đó bị ma nắm giữ)

Bị ma nhiếp trì tức là bị ma khống chế, bị ma làm cho tâm mê, họ chẳng thể làm chủ lấy mình được. Vì sao bị ma khống chế? Tuyệt đại đa số là do ưa thích thần thông, ham thích cảm ứng. Như trong phần trước tôi đã nói là "để ma nắm đằng chuôi!" Quý vị có tham, sân, si, mạn, hoài nghi, thì ma bèn nắm đằng chuôi, rất dễ bị ma khống chế mà chẳng hay chẳng biết chi!

Có một số ít người giác ngộ, hồi đầu, nhưng thoát ly [bè lũ ma] cũng chẳng phải là việc đơn giản, phải trải qua những vật lộn rất thống khổ mới thoát được bàn tay của ma! Có những kẻ bé gan, thiếu trí huệ, biết rõ là mình bị khống chế, nhưng vẫn chẳng biết làm sao, cả một đời chẳng thoát khỏi bàn tay ma, hạng người này đáng thương vô cùng. Trong câu *"bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì",* chữ *"trì"* nghĩa là khống chế.

Chánh kinh:
Ư thị pháp trung, bất năng giải liễu, vị: phi Như Lai chi sở diễn thuyết.
於是法中。不能解了。謂非如來之所演說。
(Đối với pháp này chẳng thể hiểu rõ, cho là chẳng phải pháp do đức Như Lai diễn nói).

Ở đây đặc biệt chỉ pháp Đại Thừa.

Chánh kinh:
Ư thị trì pháp chư tỳ-kheo sở, sanh ư phỉ báng, tác hoại pháp nghiệp.
於是持法諸比丘所。生於誹謗。作壞法業。

(Đối với các vị tỳ kheo trì pháp bèn sanh phỉ báng, gây nghiệp hoại pháp).

Chuyên môn làm chuyện phá hoại chánh pháp như thế.

Chánh kinh:

Dĩ thị nhân duyên, đương đọa ác đạo. Thị cố Di Lặc! Nhược chư trí huệ, thiện xảo Bồ Tát, dục hộ chánh pháp, đương ẩn kỳ đức.

以是因緣。當墮惡道。是故彌勒。若諸智慧。善巧菩薩。欲護正法。當隱其德。

(Do nhân duyên đó, sẽ đọa ác đạo. Vì thế, này Di Lặc! Nếu các Bồ Tát trí huệ, thiện xảo, muốn hộ trì chánh pháp thì phải nên ẩn giấu đức mình).

Quý vị xem, trong đoạn này, đức Phật dặn dò lần thứ hai, đủ thấy là việc này hết sức quan trọng vậy!

Chánh kinh:

Ư đa phân biệt chư chúng sanh sở, ưng tu hộ niệm, mạc linh ư nhữ sanh bất thiện tâm.

於多分別。諸眾生所。應須護念。莫令於汝。生不善心。

(Đối với những chúng sanh nhiều phân biệt, phải nên hộ niệm, đừng làm cho họ sanh tâm chẳng lành đối với mình).

Tự mình phải hộ trì lấy mình, mà cũng phải hộ trì cho đối phương nữa! Chẳng khiến cho người khác hoài nghi, chẳng làm cho người khác ghen ghét, chẳng để cho người khác tạo ác nghiệp. Vì thế bản thân phải tận sức hạ thấp mình để khỏi gặp phải những ma nạn đó! Địa vị càng cao, càng dễ mắc thị phi; phải hiểu rõ điều này. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã đau lòng rát miệng dạy răn chúng ta, chúng ta phải hiểu được ý ấy, phải biết nên làm thế nào!

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Ư đại chúng trung, phỉ báng chánh pháp, cập trì pháp giả.

爾時。彌勒菩薩。而白佛言。希有世尊。於后末世。五百歲中。有諸菩薩。甚為無智。於大眾中。誹謗正法。及持法者。

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

-Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát thật là vô trí, ở trong đại chúng phỉ báng chánh pháp và người trì pháp).

"Trì pháp" là người tu hành đúng pháp. Kẻ đáng gọi là "Bồ Tát ngu si, vô trí báng Phật, báng Pháp, báng Tăng" mới làm những việc [phỉ báng] như thế.

Chánh kinh:

Phục ư kỳ trung, đáng ư biện tài, cập đà-ra-ni, nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ.

復於其中。當於辯才。及陀羅尼。而於是法。不能信受。

(Trong số ấy lại sẽ có kẻ ngăn trở biện tài, đà-ra-ni, nhưng đối với những pháp này, kẻ ấy chẳng thể tin nhận).

Chữ *"đương"* (當) ở đây nên đọc lên giọng[4], đọc thành *"đáng",* có nghĩa là *"trở đáng"* (阻擋: ngăn trở). Nghĩ cách chướng phá khiến cho người khác không được biện tài, chướng ngại người khác đắc đà-ra-ni. "Đà-ra-ni" là cương lãnh Phật pháp, là nguyên tắc tu hành. Dùng các phương pháp để chướng ngại, phá hoại, cản trở. *"Nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ"* là đối với pháp môn Đại Thừa thâm diệu chẳng tiếp nhận nổi. Tiếp theo đây, Di Lặc Bồ Tát nêu một tỷ dụ tuyệt hay. Chúng ta hãy đọc qua một lượt.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, khát phạp tu thủy.

世尊。譬如有人。渴乏須水。

(Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước).

Có một người khát nước, muốn được uống nước.

Chánh kinh:

Vãng nghệ tuyền trì, nhi dục ẩm chi.

往詣泉池。而欲飲之。

(Đến bên suối, ao, toan uống nước đó).

---

[4] Nguyên văn "phá âm tự", tức là những chữ được cổ nhân dùng theo lối giả tá. Do chữ Đương (當) và Đáng (擋) vào thời Đường có âm đọc tương tự như nhau nên được dùng lẫn, phải tùy theo ngữ cảnh mà đọc khác âm và hiểu cho đúng nghĩa.

Kẻ ấy đến bên dòng suối, hoặc bên bờ ao, tính uống nước trong đó cho hết khát.

Chánh kinh:

Thị nhân tiên lai, đầu chư phẩn uế ư thử thủy trung, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy, tiện thủ xú chi, ký văn xú dĩ, bất ẩm kỳ thủy.

是人先來。投諸糞穢。於此水中。后不覺知。欲飲其水。便取嗅之。既聞臭已。不飲其水。

(Người này trước đó, ném các thứ phẩn dơ vào trong nước ấy. Sau đấy, chẳng hay biết, muốn uống nước ấy, thấy nước hôi thối. Đã nghe mùi hôi, chẳng uống nước nữa)

Quý vị hãy chú tâm xem kỹ thí dụ này. Cái ao ấy nước trong veo, kẻ kia nhằm lúc chẳng khát nước, cũng chẳng nghĩ đến uống nước đó, bèn làm bẩn nước ao. Sau khi ao bị ô nhiễm, bản thân khát nước, muốn uống nước ao, lại thấy nước ao bẩn thỉu quá đỗi, chẳng thể uống nổi. Ai phá hoại vậy? Chính mình phá hoại chứ ai! Đoạn kinh văn này tỷ dụ kẻ ấy trước đó đã phá hoại Phật pháp, sau nghĩ muốn tu học Phật pháp, nhưng Phật pháp đã bị kẻ ấy phá hoại rồi.

Chánh kinh:

Bỉ chi tự ô, cánh thuyết kỳ quá, nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai! Thử thủy thậm đại xú uế". Thị nhân quá thất, đô bất giác tri.

彼之自污。更說其過。乃至嘆言。奇哉此水。甚大臭穢。是人過失。都不覺知。

(Kẻ ấy tự làm bẩn nước, lại còn chê trách, thậm chí than thở: "Lạ thay! Nước này hôi thối quá sức". Người ấy chẳng hề hay biết lỗi lầm của mình).

Tự mình phạm lầm lỗi, tự mình phỉ báng Tam Bảo, chẳng hề hiểu biết.

Chánh kinh:

Nhi ư thị thủy, phản sanh oán cữu.

而於是水。反生怨咎。

(Ngược ngạo sanh lòng oán hờn nước ấy).

Kẻ ấy muốn học Phật pháp, mà vẫn chê trách Tam Bảo.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Như tuyền trì giả, đương tri tức thị trì pháp tỳ-kheo, do Phật thần lực, ư thử pháp nhãn, thiện năng giải thuyết.

世尊。如泉池者。當知即是。持法比丘。由佛神力。於此法眼。善能解說。

(Bạch Thế Tôn! Như suối, ao kia, nên biết đấy chính là tỳ-kheo trì pháp, do thần lực Phật, khéo có thể giải nói pháp nhãn này).

Đây là tỷ dụ. *"Nước ao"* tỷ dụ những người phụng giáo tu hành, thân tâm thanh tịnh.

Chánh kinh:

Hựu phục như bỉ ngu si chi nhân, nhược ư tuyền trì, tự đầu phẩn uế, hậu bất giác tri, dục ẩm thủy giả.

又復如彼。愚痴之人。若於泉池。自投糞穢。后不覺知。欲飲水者。

(Lại như những kẻ ngu si kia, đã tự quăng phẩn nhơ vào trong ao suối, sau đấy chẳng hay biết, muốn uống nước ấy).

Đây là nói đến những Bồ Tát ngu si, tỷ dụ bọn họ muốn học Phật pháp, hóa ra là có chướng ngại.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư vô trí chư Bồ Tát đẳng, diệc phục như thị.

世尊。最后末世。五百歲中。有諸無智諸菩薩等。亦復如是。

(Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế tối hậu, trong năm trăm năm, có các hàng Bồ Tát vô trí cũng giống như thế).

Điều này có cùng một ý nghĩa như trong tỷ dụ đã nói: Tự mình làm bẩn nước, đến lúc sau cùng, chính mình khát nước nhưng chẳng thể uống được. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn tiếp theo đây, kinh nhắc lại sự việc ấy một lần nữa: những người ấy...

Chánh kinh:

Ư bỉ chánh pháp, cập trì pháp giả, sanh phỉ báng dĩ, phục ư thị nhân, thính thọ pháp vị.

於彼正法。及持法者。生誹謗已。復於是人。聽受法味。

(Đối với chánh pháp và người trì pháp, đã sanh phỉ báng rồi, lại ở nơi người ấy, nghe nhận pháp vị).

Họ phỉ báng. Phỉ báng như thế nào? Họ vẫn lén lút học tập, vẫn nghĩ cách để nghe được kinh pháp này. Họ nghe có thật sự hiểu nổi hay chăng? Nghe chẳng hiểu! Vì sao nghe chẳng hiểu được? Tâm họ dua vạy, trong tâm họ có phiền não, tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, giống như chúng tôi vừa mới nói, họ chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì. Chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì thì chẳng những nghe trộm chẳng hiểu, mà còn hiểu lầm ý nghĩa nữa, có mặt ngay nơi đó nghe cũng chẳng hiểu. Vì thế, chúng ta nghe pháp mà có thể lý giải, sanh tâm hoan hỷ đều là được Phật lực gia trì đấy nhé! Hy hữu hết sức khó được! Phải biết quý trọng, tiếc nuối nhân duyên của chính mình.

Chánh kinh:
Bỉ nhân tự thất, đô bất giác tri.
彼人自失。都不覺知。
(Kẻ ấy tự để lỡ mất mà trọn chẳng hay biết)

"Tự thất" là hiểu lệch lạc ý nghĩa, nghe lầm.

Chánh kinh:
Dĩ nghi hoặc quá, ô nhiễm ý căn.
以疑惑過。污染意根。
(Do lỗi nghi hoặc ô nhiễm ý căn)

Đoạn kinh này nói rõ vì sao kẻ ấy đọc kinh, nghe pháp bèn hiểu lầm ý nghĩa. Ấy là vì kẻ đó có nghi hoặc, đối với Phật pháp đã có thành kiến; là vì trong quá khứ nghe người khác nói bèn nghĩ pháp đó chẳng phải do đức Phật nói. Cái thành kiến ấy đã có rất sớm, tức là quan niệm Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói. Đặc biệt là tại Trung Quốc, như kinh Lăng Nghiêm chẳng hạn, rất nhiều người chẳng tin tưởng kinh Lăng Nghiêm, cho kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng là ngụy tạo! Hai bộ kinh luận này gây ra thật nhiều tranh luận. Không chỉ tranh cãi xuông, bao nhiêu người còn viết thành sách, phán quyết hai bộ ấy là giả, chẳng phải là thật.

Những chuyện như vậy, lúc chúng ta đọc bộ kinh này sẽ thấy đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Đấy là những hiện tượng kỳ quái trong thời kỳ Mạt Pháp. Nguyên nhân là do những kẻ ấy có chướng ngại. Trong quá khứ họ đã có

thành kiến ấy, ý căn đã bị ô nhiễm; bởi thế đọc kinh, nghe pháp bèn sanh ra lắm tri kiến lầm lạc, chẳng thể hiểu nổi ý nghĩa chân thật của đức Như Lai!

Chánh kinh:

Bỉ trì pháp giả, đương bị hý lộng, hoặc thọ cơ tiếu.

彼持法者。當被戲弄。或受譏笑。

(Những người trì pháp kia sẽ bị bỡn cợt, hoặc bị chê cười)

Những người tu hành đúng pháp đâm ra bị những kẻ đó chê cười, bỡn cợt, lăng nhục.

Chánh kinh:

Nãi chí thán ngôn: "Kỳ tai, thử pháp vị chư quá thất chi sở nhiễm ô". Bỉ vô trí nhân ư thử chánh pháp, cập thị pháp sư, bất năng thính thọ, ty cầu kỳ đoản, báng ngôn ô nhục, sanh yếm ly tâm, xả chi nhi khứ.

乃至嘆言。奇哉此法。為諸過失。之所染污。彼無智人。於此正法。及是法師。不能聽受。伺求其短。謗言。污辱。生厭離心。舍之而去。

(Đến nỗi than rằng: "Lạ thay! Pháp này bị các lầm lỗi ấy nhiễm ô". Những kẻ vô trí kia đối với chánh pháp và vị pháp sư này, chẳng thể nghe nhận, bới tìm khuyết điểm, báng bổ, ô nhục, [khiến vị pháp sư ấy] sanh tâm nhàm chán, bèn bỏ đi)

Đây là điều chúng ta thường gặp trong xã hội hiện tại, nghe nói đến rất nhiều. Bộ kinh này đã được lưu truyền rất lâu, trọn chẳng phải do người hiện tại ngụy tạo! Kinh này sao chép từ trong Đại Tạng Kinh: Kinh Đại Bảo Tích hội thứ hai mươi lăm, người phiên dịch cũng thật rõ rệt: Ngài Bồ Đề Lưu Chí đời Đường phiên dịch, thì làm sao còn lầm được? Ngài Bồ Đề Lưu Chí cách thời chúng ta, nói chẳng sai mấy là gần một ngàn bốn trăm năm. Niên đại Phật giảng kinh còn xa hơn nữa; ngay từ đầu, đối với những hiện tượng như vậy phát sanh trong xã hội hiện tại của chúng ta, đức Phật đều nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Tôi nghĩ: Đối với những điều đức Thế Tôn đã nói, những người đầu óc sáng suốt chẳng thể không bội phục vậy.

6.4. Có bốn loại biện tài, hết thảy chư Phật đều tuyên nói.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn tán Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- Thiện tai! Thiện tai! Di Lặc! Thiện năng diễn thuyết như thị thí dụ, vô năng ty cầu thuyết kỳ đoản giả.

爾時世尊。贊彌勒菩薩言。善哉善哉。彌勒。善能演說。如是譬喻。無能伺求。說其短者。

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Khéo có thể diễn nói thí dụ như thế, chẳng ai có thể tìm bới chỗ dở được!)

Mấy câu này dùng để tổng kết đoạn kinh văn ở phần trước. Đức Thế Tôn tán thán Di Lặc Bồ Tát nói rất hay. Tiếp đó, đức Thế Tôn lại bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

Chánh kinh:

Di Lặc! Dĩ thị nhân duyên, nhữ ưng đương tri: hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết. Hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ.

彌勒。以是因緣。汝應當知。有四辯才。一切諸佛。之所宣說。有四辯才。一切諸佛。之所遮止。

(Này Di Lặc! Do nhân duyên đó, ông nên biết rằng, có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói. Có bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm)

Đoạn này khai thị hết sức trọng yếu, khiến cho chúng ta biết rõ cách phân biệt đâu là Phật pháp, đâu chẳng phải là Phật pháp. *"Biện tài":* Phật có biện tài, ma cũng có biện tài. Nếu ma chẳng có biện tài, làm sao nó có thể khiến nhiều người tin tưởng, sùng phụng đến thế? Ma cũng có vô ngại biện tài. Vì thế, ở đây, đức Phật nói rõ có bốn loại biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, đó là Phật pháp. Ngoài ra có bốn thứ biện tài, cũng là vô ngại biện tài, nhưng bị hết thảy chư Phật cấm chỉ, quyết định chẳng chấp nhận. Nếu thật sự là đệ tử Phật - là tỳ-kheo hoặc là Bồ Tát - mà thuyết pháp chẳng tương ứng với lời Phật dạy, ta biết rõ kẻ ấy chẳng như pháp.

Chánh kinh:

Vân hà danh vi, hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết?

云何名為。有四辯才。一切諸佛。之所宣說。

(Thế nào gọi là có bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói?)

Đây là những biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, được chư Phật Như Lai tuyên nói. Thứ nhất là:

Chánh kinh:

Sở vị: lợi ích tương ứng, phi bất lợi ích tương ứng.

所謂利益相應。非不利益相應。

(Chính là: Ứng với lợi ích, chẳng ứng với không lợi ích).

Phật, Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh thuyết pháp, mục đích là làm cho hết thảy chúng sanh được lợi ích chân thật. Nếu nói hiện tại Phật làm cho ta được lợi ích, đời sau chẳng được lợi ích, hậu thế chẳng được lợi ích, thì đó chẳng phải là lời Phật nói. Lợi ích chân thật của lời Phật dạy là khiến cho chúng ta đời sau, hậu thế, đời đời kiếp kiếp đều được lợi ích; cho nên *"chẳng ứng với không lợi ích"* chính là chẳng tương ứng với bất cứ điều gì không có lợi ích.

Ý Phật nói rất sâu, rất rộng. Tầm nhìn của người đời nhìn thường rất thiển cận, chỉ thấy được những mối lợi nhỏ nhặt trước mắt, chẳng hề chú tâm quan sát kỹ, được một điều lợi nhỏ mà phải trả giá bao nhiêu? Nếu như lắng lòng quan sát sẽ biết rõ: Mối lợi nhỏ nhặt ấy thật sự chẳng bõ công. Nếu tâm địa chẳng thanh tịnh, đời sau sẽ vì đó mà đọa tam đồ, tổn hại rất lớn! Đấy nhất định chẳng phải là điều Phật nói.

Về cái lợi trước mắt, chúng tôi nói đến một chuyện đơn giản nhất: Phật pháp khiến cho con người thường sanh tâm hoan hỷ, nhất định Phật pháp chẳng tạo áp lực cho con người. Nếu như trong cuộc sống cảm thấy có áp lực, có áp lực tinh thần, có áp lực vật chất, thì nhất định chẳng phải là Phật pháp, Phật chẳng tạo áp lực lên con người. Nói ra lời này, chỉ sợ có một số ít các vị đồng tu nghe không hiểu.

Thế nào là "áp lực"? Tôi nêu một thí dụ cho quý vị hiểu nhé. Quý vị đến Phật đường có cần phải bố thí, cúng dường hay không? Ít nhiều gì cũng phải bố thí một chút, cúng dường một chút; có người e ngại điều này. Lúc tài lực của mình chẳng đủ, bèn vay lãi nặng để cúng dường, phải trả lợi tức rất nặng. Đấy chẳng phải là áp lực ư? Nhất định đức Phật chẳng chấp thuận điều này. Quý vị vào cửa Phật có cần phải cúng dường hay chăng? Nói thật ra, Phật chẳng cần quý vị phải cúng dường vật chất. Ngài muốn quý vị làm gì? Ngài dạy quý vị cúng dường bằng cách phụng hành.

Quý vị xem trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm có nói đến việc *"rộng tu cúng dường",* hết thảy tài cúng dường đều chẳng bằng pháp cúng dường. Trong pháp cúng dường, bậc nhất là *"như thuyết tu hành"* (tu hành đúng theo lời dạy). Trong kinh đức Phật dạy làm sao, ta cứ theo đúng như thế ấy mà làm, đấy mới là chân cúng dường vậy!

Chúng ta vừa đọc qua bộ kinh này, đức Phật dạy chúng ta trong thời hiện tại phải tu học ra sao để tránh được hết thảy chướng ngại, được thành tựu. Đức Phật dạy chúng ta bốn pháp, pháp đầu tiên là *"chẳng cầu lỗi người khác"*, chúng ta có làm được hay không? (Chẳng phải là ta lúc nào cũng trách móc người khác, luôn thấy khuyết điểm người khác đó sao?) Nếu quý vị làm được một điều này là đã thật sự cúng dường rồi! Như vậy có tạo áp lực cho quý vị hay không? Đấy gọi là *"tương ứng", "ứng với lợi ích"*. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:
Dữ pháp tương ứng, phi bất dữ pháp tương ứng.
與法相應。非不與法相應。
(Tương ứng với pháp, chẳng phải không tương ứng với pháp).

Nhất định chẳng thể không tương ứng với pháp, nhất định phải tương ứng với pháp. Chữ "pháp" chỉ điều gì? Là hết thảy kinh điển do chư Phật Như Lai đã nói. Nhất định phải tương ứng với những đạo lý, phương pháp, cảnh giới dạy trong kinh điển; nếu có điều gì trái nghịch thì biện tài đó chẳng phải là biện tài được chư Phật, Bồ Tát khen ngợi. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:
Phiền não diệt tận tương ứng, phi dữ phiền não tăng trưởng tương ứng.
煩惱滅盡相應。非與煩惱增長相應。
(Tương ứng với diệt sạch phiền não, chẳng tương ứng với tăng trưởng phiền não).

Điểm này tất cả các vị học Phật phải nhớ kỹ. Đặc biệt là câu thứ nhất *"tương ứng với lợi ích"*. Nếu quý vị học Phật công phu đắc lực, cũng như nói quý vị học rất khá, tu rất tốt, là căn cứ vào đâu? Phiền não ít đi. Xem trong một giai đoạn dài, phiền não nhất định mỗi năm một ít đi. Phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, thân tâm thanh tịnh. Đấy là đạo lý nhất định! Nếu công phu càng giỏi, ắt mỗi tháng mỗi khác. Nếu quý vị quan sát kỹ sẽ thấy tháng nào cũng có tiến bộ. Tiến bộ là phiền não nhẹ lần, tháng này so ra nhẹ hơn tháng trước. Tham, sân, si, mạn đều giảm dần đến khi không còn nữa, thân tâm khang kiện, trí huệ tăng trưởng, quý vị niệm Phật chắc chắn được vãng sanh, thật sự có chỗ để nương cậy. Bởi thế, Phật pháp nhất định dạy quý vị đoạn phiền não, khai trí huệ.

Nếu như quý vị học Phật, học kiểu gì mà mỗi năm phiền não càng nhiều hơn là hỏng rồi, quý vị đâu có học Phật, quý vị học ma đấy! Ma rất tương phản với

Phật, ma dạy quý vị tăng trưởng phiền não, mỗi năm mỗi thêm nhiều; Phật dạy cho quý vị ít phiền não, mỗi năm một ít hơn. Đấy là sự tương phản rất rõ rệt giữa ma và Phật. Từ thành quả mà kiểm điểm, quan sát, chúng ta sẽ rốt ráo biết là mình học Phật hay học ma! Điều thứ tư là:

Chánh kinh:
Niết Bàn công đức tương ứng, phi dữ sanh tử quá lậu tương ứng.
涅槃功德相應。非與生死過漏相應。
(Tương ứng với công đức Niết Bàn, chẳng tương ứng với sanh tử quá lậu).

Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, có nghĩa là bất sanh bất diệt. Cầu bất sanh bất diệt được không? Cầu được chứ! Đấy là mục đích tối hậu của việc tu học Phật pháp - nhập cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn là cảnh giới không có sanh diệt. Phật dạy chúng ta: Lục đạo có sanh tử luân hồi, mười pháp giới có biến dịch sanh tử, như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có biến dịch sanh tử. Nơi Phật quả, hai thứ sanh tử đều chẳng có: Phần đoạn sanh tử diệt sạch, biến dịch sanh tử cũng diệt hết. Đó gọi là Đại Niết Bàn. Hết thảy pháp do đức Phật giảng nhất định phải theo phương hướng này, nhất định phải hướng đến mục tiêu này.

Nếu là ma thuyết pháp sẽ khác hẳn. Ma dạy quý vị đời đời kiếp kiếp chẳng lìa sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chuyển dịch trong lục đạo, thuộc quyền khống chế của ma! Đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, trong kinh thường nói vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là cửa ngõ. Phương pháp, đường lối rất nhiều, nhưng mục tiêu - phương hướng chỉ là một: Đại Niết Bàn. Bởi vậy trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: *"Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp".* Tất cả các pháp môn đều bình đẳng, đều có thể giúp quý vị chứng đắc cảnh giới Đại Niết Bàn.

Vậy tại sao trong nhiều pháp môn như thế, ta phải chọn lựa? Pháp môn là bình đẳng, nhưng căn tánh ta chẳng bình đẳng. Nếu pháp môn không phù hợp căn tánh của chính mình, ta tu học khó thể thành tựu. Đời người rất ngắn, trong thời gian ngắn ngủi như thế, nếu ta tu chẳng thành công là phí mất đời này rồi. Bởi vậy, chọn lựa pháp môn hết sức trọng yếu!

Trong nhiều pháp môn như thế, rốt cuộc ta nên chọn pháp môn nào mới là tốt? Nói thật ra, chúng ta phiền não rất nặng, tập khí rất sâu, cũng chẳng có thiện căn, phước đức, lại chẳng có trí huệ, trong nhiều pháp môn như thế, chọn bằng cách nào đây? Điều này đức Phật khi còn tại thế đã từng nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch, Ngài thật sự là bậc từ bi đến cùng cực. Trong kinh Đại Tập có một

đoạn khai thị; nếu như bản thân quý vị không có năng lực để tuyển chọn pháp môn, quý vị cứ theo đúng lời Phật khai thị.

Phật dạy: *"Trong thời kỳ Chánh Pháp* (một ngàn năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ), *giới luật thành tựu",* quý vị nghiêm trì giới luật bèn có thể chứng quả. Chứng quả ấy chẳng cần phải là rất sâu, thông thường là quả A La Hán, tức là tự có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi. Dù chẳng chứng được quả A La Hán, nếu như chứng được quả Tu Đà Hoàn cũng là rất khả quan. Tu Đà Hoàn nhập lưu, tức là dự vào dòng thánh. Sau khi chứng được Tu Đà Hoàn, bảy lượt sanh trong cõi trời, cõi người, bèn vượt thoát luân hồi, mới kể là thành tựu.

Đức Phật nói: *"Trong thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu".* Nghĩa là một ngàn năm thứ hai sau khi Phật diệt độ, trong thời kỳ ấy, Phật pháp truyền từ Ấn Độ sang Trung Quốc, cho nên Thiền tông Trung Quốc đặc biệt hưng thịnh, bởi đó là pháp môn thành tựu trong giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba là thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật đã diệt độ hơn hai ngàn năm rồi, căn tánh con người mỗi đời càng tệ đi, phiền não tập khí càng đặc biệt nặng nề, trì giới chẳng thể thành tựu, tham thiền chẳng đắc định nổi. Đức Phật dạy chúng ta trong thời kỳ này "Tịnh Độ thành tựu".

Nếu quý vị thật thà niệm Phật, đới nghiệp vãng sanh, sẽ thành tựu vượt trội hơn hai loại trên. Hai loại trên chỉ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, chứ vẫn chưa ra khỏi mười pháp giới. Tịnh Độ vãng sanh đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là siêu việt mười pháp giới; bởi thế, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bản thân chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực chọn lựa, nghe lời đức Phật, Phật thay ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, ta cứ y giáo phụng hành là được. Đấy chính là tương ứng với Đại Niết Bàn, tuyệt đối chẳng tương ứng với sanh tử luân hồi.

Chánh kinh:

Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết tứ chủng biện tài.

彌勒。是為一切諸佛之所宣說四種辯才。

(Đấy là bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói).

Bốn thứ biện tài vừa nói trên đây là chánh pháp được hết thảy chư Phật tuyên nói.

Chánh kinh:

Di Lặc! Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà di.

彌勒。若比丘。比丘尼。優婆塞。優婆夷。

(Này Di Lặc! Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ)

Hai hạng Bồ Tát xuất gia và tại gia đều được nhắc đến.

Chánh kinh:
Dục thuyết pháp giả.
欲說法者。
(Muốn thuyết pháp)

Quý vị tính phát nguyện hoằng pháp lợi sanh, vì người khác giảng kinh thuyết pháp, đem Phật pháp giới thiệu cho quảng đại quần chúng, ở đây, đức Phật đặc biệt dặn dò:

Chánh kinh:
Ưng đương an trụ như thị biện tài.
應當安住如是辯才。
(Hãy nên an trụ trong những biện tài như thế).

Quý vị phải nhớ thật kỹ bốn nguyên tắc này đức Phật đã nói, nhất định phải tuân thủ.

Chánh kinh:
Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hữu tín nguyện tâm, đương ư thị nhân, nhi sanh Phật tưởng, tác giáo sư tưởng, diệc ư thị nhân, thính thọ kỳ pháp.
若善男子。善女人等。有信順心。當於是人。而生佛想。作教師想。亦於是人。聽受其法。
(Nếu hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín nguyện thì đối với những người ấy hãy tưởng như đức Phật, tưởng như thầy dạy, và cũng nghe nhận pháp từ những người ấy).

Ở đây nói về thính chúng. Thính chúng phải có thái độ như thế nào? Người giảng kinh thuyết pháp phải theo đúng bốn nguyên tắc nói trên, thì ở đây, đức Phật dạy người nghe pháp phải tin tưởng, phải tùy thuận, đối với người thuyết pháp phải tôn kính, coi người thuyết pháp ấy như Phật, bởi lẽ người ấy thăng tòa thuyết pháp chính là thay đức Phật giảng kinh. Tâm cung kính một phần, được lợi ích một phần. Cung kính mười phần, được lợi ích mười phần!

Bởi thế cung kính, nói thật ra chẳng phải là để cung kính người giảng kinh ấy, mà là nhằm đem lòng cung kính của chính mình biểu hiện ra. Cung kính là tánh đức, là lương tri lương năng nơi Chân Như bản tánh, dùng cách này đó để dẫn khởi [những tánh đức ấy] mà thôi! *"Tác giáo sư tưởng"* là coi người thuyết pháp như vị thầy dạy. *"Cũng nghe nhận pháp từ những người ấy"* là học tập theo.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Thị nhân sở thuyết, đương tri giai thị nhất thiết Như Lai chi sở tuyên thuyết, nhất thiết chư Phật thành thật chi ngữ.

何以故。是人所說。當知皆是。一切如來。之所宣說。一切諸佛。誠實之語。

(Vì sao vậy? Nên biết là những điều người ấy nói đều do hết thảy chư Phật tuyên nói, đều giống như lời thành thật của hết thảy chư Phật)

Những người ấy y chiếu kinh giáo để tuyên thuyết, chẳng nói sai lầm. Câu nào cũng đều chẳng lìa khỏi ý kinh. Ý nghĩa kinh văn là lời thành thật của Như Lai, họ cũng chẳng giảng sai. Trong đoạn kinh này, đức Phật dạy chúng ta tâm tư và thái độ nghe pháp trong lúc người khác thuyết pháp. Nếu chúng ta tu học đúng pháp, chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

Chánh kinh:

Di Lặc! Nhược hữu phỉ báng thử tứ biện tài.

彌勒。若有誹謗。此四辯才。

(Này Di Lặc! Nếu có kẻ phỉ báng bốn thứ biện tài này).

Đây là nói tương phản. Đích xác là trong thời đại này thường phát sanh những sự việc như sau: Có kẻ phỉ báng bốn thứ thuyết pháp "*tương ứng lợi ích, tương ứng với pháp, tương ứng với diệt sạch phiền não, tương ứng với công đức Niết Bàn"* ấy. Kẻ nào phỉ báng vậy? Đương nhiên là ma rồi! Chúng nói bốn nguyên tắc ấy chẳng phải do Phật nói.

Chánh kinh:

Ngôn phi Phật thuyết, bất sanh tôn trọng, cung kính chi tâm. Thị nhân dĩ oán tắng cố.

言非佛說。不生尊重。恭敬之心。是人以怨憎故。

(Nói những pháp đó chẳng phải do Phật nói, chẳng sanh tâm tôn trọng cung kính. Người ấy do vì oán ghét)

"Oán" (怨) là ôm lòng hờn, "tắng" (憎) là ghét hận.

Chánh kinh:

Ư bỉ nhất thiết chư Phật Như Lai sở thuyết biện tài, giai sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp dĩ, tác hoại pháp nghiệp.

於彼一切諸佛如來。所說辯才。皆生誹謗。誹謗法已。作壞法業。

(Đối với những biện tài được hết thảy chư Phật Như Lai nói ra đó đều sanh phỉ báng. Phỉ báng pháp xong bèn gây nghiệp hoại pháp).

"Hoại pháp nghiệp" là phá hoại Phật pháp.

Chánh kinh:

Tác hoại pháp dĩ, đương đọa ác đạo.

作壞法已。當墮惡道。

(Phá hoại pháp rồi sẽ đọa ác đạo).

Ở đây kinh giảng rất rõ rệt, nhất định phải đọa địa ngục A Tỳ. Điều này so với chuyện đức Phật nói ở phần đầu kinh này chẳng khác gì.

Chánh kinh:

Thị cố Di Lặc! Nhược hữu tịnh tín, chư thiện nam tử, vị dục giải thoát phỉ báng chánh pháp nghiệp nhân duyên giả, bất dĩ tắng tật nhân cố, nhi tắng tật ư pháp, bất dĩ nhân quá thất cố, nhi ư pháp sanh quá, bất dĩ ư nhân oán cố, nhi ư pháp diệc oán.

是故彌勒。若有淨信。諸善男子。為欲解脫。誹謗正法業因緣者。不以憎嫉人故。而憎嫉於法。不以人過失故。而於法生過。不以於人怨故。而於法亦怨。

(Bởi thế nên Di Lặc! Nếu những kẻ thiện nam tử lòng tin trong sạch, vì muốn được thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phỉ báng chánh pháp thì chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp, chẳng vì người ta có lầm lỗi mà tạo lỗi với pháp, chẳng vì oán người mà oán lây cả pháp).

Đoạn khai thị này rất hay. Trước kia, chúng ta chưa được nghe chánh pháp, đã tạo tội nghiệp phỉ báng Tam Bảo, hãy suy nghĩ xem bản thân chúng ta có làm như vậy hay là không? Nếu là có, hôm nay đọc đến bộ kinh này, nghe đến Phật pháp này, bản thân tỉnh ngộ rồi, muốn sám hối nghiệp chướng của chính mình thì

có cách nào hay không? Những điều Phật dạy ở đây chính là dạy chúng ta phương cách ấy. Nếu chúng ta đã từng hữu ý hoặc vô ý phỉ báng Phật pháp (tội nghiệp báng pháp rất nặng nề!) mà biết giác ngộ, hồi đầu thì vẫn là thiện nam tử, vẫn là thiện nữ nhân vậy! Rốt cuộc quý vị vẫn là người có thiện căn sâu dầy, cho nên mới nói *"vì muốn thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phỉ báng chánh pháp"*.

Trong quá khứ đã từng phỉ báng chánh pháp, hiện tại muốn giải thoát, giải trừ tội nghiệp ấy để khỏi đọa vào địa ngục, thì ở đây Phật dạy chúng ta hãy *"chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp"*. Không riêng gì đức Phật dạy chúng ta như vậy, vào thời xa xưa ở Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng dạy chúng ta như vậy, tức là "chẳng giận lây"! Ở đây Phật dạy chúng ta đừng giận lây đấy nhé! Đừng phạm lỗi lần nữa! Chúng ta chán ghét người nào, nếu như pháp người ấy nói là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, thì chẳng vì ta ghét kẻ ấy mà cũng ghét lây luôn pháp ấy. Chẳng vì kẻ ấy có lỗi lầm, ta bèn cho rằng pháp của họ cũng có lỗi lầm. Hành động như vậy là sai rồi.

Vì thế người nào ta ghét, dù hắn có lầm lỗi, có khuyết điểm, ta cũng vẫn chú tâm nghe pháp để xem hắn giảng có lầm lỗi hay không. Nếu pháp kẻ ấy thuyết đúng là chánh pháp, chúng ta có thể học theo, chẳng cần phải học theo cách kẻ ấy cư xử. Nghe kẻ ấy thuyết pháp, ta học theo pháp của kẻ ấy mà thôi! Vì thế, *"chẳng vì oán người khác mà oán lây cả pháp"*. Vì oán ghét kẻ ấy bèn phỉ báng pháp thì chính là lầm lẫn vô cùng lớn. Phật dạy chúng ta nếu quá khứ từng hữu ý hoặc vô ý phỉ báng Tam Bảo, chúng ta bèn thay đổi quan niệm này thì đó là bước thứ nhất để sám hối vậy!

6.5. Có bốn biện tài (thế trí biện tài) bị hết thảy chư Phật ngăn cấm.

Chánh kinh:

Di Lặc! Vân hà danh vi tứ chủng biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ?

彌勒。云何名為。四種辯才。一切諸佛。之所遮止。

(Này Di Lặc! Thế nào gọi là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm?)

Đây là bốn thứ biện tài Phật chẳng hứa khả (chấp nhận), Phật quyết định chẳng tán thành. Bốn thứ biện tài này chẳng được chư Phật, Bồ Tát dùng đến, bốn thứ biện tài này tương phản khít khao với bốn thứ biện tài ở phần trước.

Chánh kinh:

Sở vị: phi lợi ích tương ứng, bất dữ lợi ích tương ứng.
所謂非利益相應。不與利益相應。
(Chính là: Tương ứng với không lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích).

Điều thứ nhất, những điều kẻ ấy nói ra tuyệt đối chẳng có lợi ích gì. Chẳng có lợi ích gì mà sao lắm người tin tưởng đến thế? Vì sao có lắm người học theo kẻ ấy? Như tôi vừa mới nói đó, lợi ích đó rất nông cạn, rất ngắn ngủi (nói trên phương diện thời gian thì rất ngắn ngủi, tạm bợ), là lợi ích rất nhỏ, nhưng phải trả giá rất nhiều, đời sau quyết định chẳng được lợi ích, những đời sau đấy chẳng cần phải nói đến nữa. Đây là tương ứng với chẳng lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:
Phi pháp tương ứng, bất dữ pháp tương ứng.
非法相應。不與法相應。
(Tương ứng phi pháp, chẳng tương ứng với pháp)

Nhất định mâu thuẫn với lý luận, phương pháp, cảnh giới đức Phật đã nói, chẳng giống với điều đức Phật dạy. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:
Phiền não tương ưng, bất dữ phiền não diệt tận tương ưng.
煩惱相應。不與煩惱滅盡相應。
(Tương ứng phiền não, chẳng tương ứng với diệt sạch phiền não)

Nếu quý vị chẳng nghiên cứu Phật pháp sâu xa, quý vị sẽ chẳng biết là kẻ ấy có giảng đúng pháp hay không. Ở đây, ta có thể kiểm nghiệm điều này rất dễ dàng. Quý vị tu học theo kẻ ấy thấy nhiều phiền não hơn thì là *"phiền não tương ứng"*. Những điều kẻ ấy đề xướng là tăng trưởng tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng phải là đoạn trừ tham, sân, si, mạn, nghi. Dẫu cho kẻ ấy nói nghe rất hay là: "Chúng ta sẽ ở trong phiền não mà đoạn được phiền não", quý vị có đoạn được phiền não hay không? Trong phần sau, Di Lặc Bồ Tát có nêu câu hỏi về vấn đề này. Bởi lẽ, khi đức Phật dạy các Pháp Thân đại sĩ đại Bồ Tát những lời nào đều bị những kẻ ấy đều học theo, học xong rồi bèn giả mạo Phật pháp, dối gạt chúng sanh, quý vị học theo kẻ ấy thì phiền não ngày càng tăng trưởng, tâm quý vị chẳng thể thanh tịnh nổi! Cho nên, kẻ ấy *"chẳng tương ứng với diệt hết phiền não"* vậy! Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Sanh tử tương ứng, bất dữ Niết Bàn công đức tương ứng.

生死相應。不與涅槃功德相應。

(Tương ứng với sanh tử, chẳng tương ứng với công đức Niết Bàn).

Kẻ ấy cùng quý vị tương ứng với sanh tử, đời sau vẫn phải tiếp tục luân hồi chẳng dứt. Đấy chẳng phải là điều Phật nói. Phải nhớ kỹ điều này nhé! Có pháp sư chẳng những dạy tín đồ như thế, mà chính pháp sư ấy cũng phát nguyện như thế này: Chẳng cầu liễu sanh tử, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ cầu điều gì? Họ muốn đời đời kiếp kiếp làm pháp sư. Họ đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn mà! Chúng sanh trong thế gian này quá khổ nên họ chuyển sanh sang đời sau vẫn muốn sẽ là pháp sư.

Nói nghe rất hay, nhưng đời sau quý vị có làm nổi thân người hay không? Nếu chẳng được thân người cũng tốt thôi, cứ cho là quý vị vẫn làm pháp sư đi! Sẽ làm pháp sư trong đường súc sanh, làm pháp sư trong đường ngạ quỷ, trong địa ngục không có pháp sư, rốt cuộc quý vị vào đường nào đây? Nhất định đó chẳng phải là điều đức Phật nói. Khởi tâm động niệm như vậy, quyết định chẳng phải là đệ tử Phật, hoàn toàn trái nghịch lời Phật răn dạy.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ tứ chủng biện tài.

彌勒。是為一切諸佛。之所遮止。四種辯才。

(Này Di Lặc! Đấy là bốn thứ biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm)

Bốn thứ biện tài vừa nói trên hoàn toàn bị Phật cấm chỉ, tuyệt đối chẳng phải là pháp Phật nói, cũng tuyệt đối chẳng phải là điều đệ tử Phật nói. Dưới đây, Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta nêu lên một nghi vấn, chúng ta phải chú ý lắng nghe.

Chánh kinh:

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, nhược hữu biện tài tăng trưởng sanh tử, phi chư Như Lai chi sở tuyên thuyết.

爾時彌勒菩薩。白佛言。世尊。如佛所說。若有辯才增長生死。非諸如來之所宣說。

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đã nói: Nếu có biện tài nào tăng trưởng sanh tử thì nó chẳng phải là điều được các Như Lai tuyên nói)

Quý vị xem đó: Đức Phật dạy bốn câu, mà Di Lặc Bồ Tát chỉ lấy một câu để hỏi là vì câu này rõ rệt, dễ kiểm nghiệm nhất.

Chánh kinh:

Vân hà Thế Tôn thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự? Hựu phục xưng tán nhiếp thủ sanh tử, nhi năng viên mãn Bồ Đề phần pháp?Như thị đẳng biện, khởi phi Như Lai chi sở tuyên thuyết da?

云何世尊。說諸煩惱。能為菩薩利益之事。又復稱贊攝取生死。而能圓滿菩提分法。如是等辯。豈非如來之所說耶。

(Vì sao đức Thế Tôn nói các phiền não có thể biến thành những điều lợi ích cho Bồ Tát? Vì sao lại khen ngợi "nhiếp thủ sanh tử bèn có thể viên mãn pháp Bồ Đề phần?" Những câu nói như vậy há có phải là do đức Như Lai tuyên thuyết hay chăng?)

Câu hỏi này rất hay, tựa hồ những điều đức Phật vừa giảng ở trên hoàn toàn tự mâu thuẫn! Ý nghĩa của câu hỏi này là: Chúng ta thường nghe nói *"phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn"*. Do phiền não tức là Bồ Đề nên chẳng cần phải đoạn phiền não, vì phiền não đã là Bồ Đề rồi mà! Sanh tử tức là Niết Bàn nên đâu cần phải liễu sanh tử. Những câu nói ấy có phải do đức Phật nói ra hay không? Đích thật đức Phật đã nói như thế! Nhưng quý vị phải hiểu: Đức Phật chẳng nói những điều ấy với kẻ sơ học! Đức Phật nói những điều ấy với ai? Nói với hàng Pháp Thân đại sĩ.

Quý vị hãy thử hỏi mình có phải là Pháp Thân đại sĩ hay không? Pháp Thân đại sĩ là bậc đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Với người như vậy, đức Phật mới dạy *"phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn"*. Có lẽ quý vị đã từng nghe nói *"nhập bất nhị pháp môn"*. Đấy chẳng phải là cảnh giới của hàng sơ học, mà là cảnh giới của ai? Tối thiểu phải là hạng như Lục Tổ Huệ Năng đại sư bên Thiền tông, đức Phật mới nói pháp như thế, đó gọi là "pháp bất nhị".

Nếu quý vị dùng cách thức này để nhận định lời đối đáp giữa Lục Tổ và Ấn Tông trong Pháp Bảo Đàn Kinh, quý vị sẽ thấy rất rõ. Hai người họ gặp nhau lần đầu ở chỗ hiện nay là chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu, vừa nêu lên chuyện gió động hay phan động, ngài Ấn Tông liền biết Tổ là truyền nhân của Ngũ Tổ đại sư, đối với Tổ bèn hết sức cung kính, lễ độ, thỉnh giáo Tổ:

- Ngài ở Hoàng Mai thường nghe Ngũ Tổ khai thị, Ngũ Tổ có giảng Thiền Định, giải thoát hay chăng? Ngài giảng như thế nào?

Huệ Năng đại sư chẳng đáp trực tiếp, Ngài chỉ nói:

- Thiền Định, giải thoát là hai pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, vậy thì thầy muốn gì?

Sanh tử và Niết Bàn là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Phiền não và Bồ Đề cũng là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Đấy là nói với Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải nói với những người bình phàm. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, phiền não sâu nặng, làm sao có thể học đòi các vị ấy cho được? Phật chẳng hề nói sai, chỉ vì chúng ta chẳng hiểu ý Phật, chẳng rõ ý Phật. Ở đây, Di Lặc Bồ Tát nêu lên một câu hỏi hết sức quan trọng để chúng ta chẳng bị mê hoặc bởi những tà sư trong thời kỳ Mạt Pháp.

Lúc tôi còn đang học Phật, xuất gia hai năm rồi mới thọ giới. Thọ giới xong, tôi ở tại chùa Hương Vân tại Đại Khê. Lúc ấy, chùa Hương Vân hoang tàn đổ nát, chẳng giống như bây giờ, hiện thời chùa rất đẹp đẽ. Không ai quản lý ngôi chùa hư nát, tôi bèn trụ tại đó, cuộc sống vô cùng gian khổ! Tôi giảng kinh tại miếu Quan Đế ở Đại Khê. Mỗi tuần giảng hai lượt, nhận lấy chút cúng dường để duy trì cuộc sống. Lúc ấy, trong chùa có năm người sống. Ở Đại Khê có chùa Trai Minh, Khuyết Thượng Sư truyền Mật Pháp ở đây, phái người tới báo tin với chúng tôi, hy vọng năm người bọn tôi sẽ đến lễ ông ta làm thầy, theo ông ta học Mật. Ông ta đề ra một điều kiện: Chu cấp mỗi người trong bọn tôi ba trăm đồng tiền chi dụng hằng tháng. Lúc ấy, Trụ Trì lão hòa thượng (ngài đã mất rồi) nghe nói vậy rất mừng: "Chúng ta mỗi tháng có một ngàn năm trăm đồng thu nhập". Lúc đó, một ngàn năm trăm đồng có giá lắm nghe!

Sự việc này xảy ra chừng ba mươi năm trước. Hòa Thượng bèn gọi mấy người chúng tôi lại, nói Thượng Sư có hảo ý như thế đó, muốn thâu thập bọn tôi. Tôi nghe xong, trước đây vốn rất tôn kính vị Thượng Sư ấy, nay vì cử chỉ này, tâm tôi hết còn tôn kính Thượng Sư nữa. Vì thế, tôi nói với mấy người trong miếu rằng: *"Nếu như chúng ta đến bái ông ấy làm thầy, muốn theo ông ấy học pháp, ổng chỉ dùng một chân đá chúng ta văng ra, tôi sẽ phục lắm, ông ta thật sự là Thượng Sư. Nay tụi mình chẳng đến cầu ổng, ổng lại đem lợi nhử tụi mình, dụ dỗ tụi mình tới, mỗi người bọn ta chỉ đáng ba trăm đồng ư? Ba trăm đồng là tiền bán thân khuất mình đấy!"* Từ đấy về sau mấy người đó chẳng dám nói gì nữa. Quý vị phải biết: Mật giáo là Phật pháp tối thượng thừa, chúng ta có tư cách để học Mật hay chăng? Chúng tôi đã tự vấn, mình chẳng hề có tư cách!

Vị thầy dạy tôi học Phật đầu tiên là Chương Gia đại sư. Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông; bởi thế tình hình trong Mật giáo tôi được biết khá nhiều. Phật

giáo giống như nhà trường, Mật là viện nghiên cứu, là phân ban tiến sĩ. Chúng tôi thuộc trình độ nào? Chưa đạt trình độ tiểu học. Khuyết Thượng Sư cứ kêu chúng tôi học lớp tiến sĩ, đem học vị tiến sĩ cấp cho chúng tôi, thì đương nhiên là giả, chẳng phải thật rồi! Ông ta lừa dối ai còn được, chứ lừa dối tôi thì đừng hòng!

Đoạn kinh trên đây là nói đến sự việc ấy. Trong xã hội ngày nay, có quá nhiều sự việc mê hoặc con người, chẳng hạn như *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này). Quý vị có thành Phật được hay chăng? Nói thật ra, tức thân đọa địa ngục thì có, chứ đâu có tức thân thành Phật! Cần phải biết Mật là gì? Mật là có thể thực hiện được tiêu chuẩn *"vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"* đã dạy trong kinh Kim Cang thì mới có tư cách học. Phải như vậy mới có thể chẳng cần đoạn phiền não. Vì sao chẳng đoạn phiền não? Chẳng có phiền não ư? Vì sao chẳng cần? Bồ Đề cũng chẳng có chăng? Phiền não, Bồ Đề đều chẳng thể được! Nhập vào cảnh giới ấy, đâu có phải là cảnh giới của phàm phu bọn ta! Bởi thế, xác thực là quý vị đều phải đoạn trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị mới có tư cách học Mật. Nếu quý vị vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị còn chẳng đạt được lợi ích nơi Hiển Giáo, đối với Mật Giáo bất tất phải nói đến nữa!

Mật Tông hay nói: "Chẳng học Mật chẳng thể thành Phật". Câu nói này đúng hay sai? Đúng, chẳng sai tí nào! Mỗi cá nhân đều phải học Mật thì quý vị mới có thể thành Phật. Lúc nào mới học Mật được? Khi quý vị đã là Bát Địa Bồ Tát. Trong tương lai, khi quý vị chứng Bát Địa rồi, đức Phật bèn dạy quý vị pháp môn ấy, còn hiện tại quý vị là Bồ Tát thuộc địa nào? Bát Địa Bồ Tát gọi là Bất Động Địa, cho nên ngàn vạn phần đừng bị người khác lừa dối. Thầy tôi là Chương Gia Đại Sư rất tốt! Tôi theo học với Ngài ba năm, Ngài chẳng truyền Mật giáo cho tôi vì tôi chẳng có tư cách. Tôi là kẻ mới bắt đầu học. Ngài dạy tôi những gì? Ngài dạy tôi lấy Giới Luật làm nền tảng, Mật pháp kiến lập trên nền tảng Hiển Giáo. Hiển Giáo kiến lập trên nền tảng Giới Luật. Bởi thế, Ngài là một vị thầy giỏi thật sự, Ngài dạy cho tôi cơ sở. Hiện tại những kẻ vô trí bị lừa dối, bị mê hoặc chẳng biết là bao nhiêu? Vì thế, đoạn kinh văn này đặt ở đây thật là hay. Di Lặc Bồ Tát nêu ra câu hỏi rồi, quý vị hãy xem tiếp đức Thế Tôn dạy chúng ta như thế nào.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:

- Di Lặc! Ngã kim vấn nhữ, tùy nhữ ý đáp.

佛告彌勒菩薩摩訶薩言。彌勒。我今問汝。隨汝意答。

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Này Di Lặc! Nay ta hỏi ông, ông tùy ý đáp).

Phật hỏi ngược lại Di Lặc Bồ Tát, bảo rằng: "Ông cứ tùy ý mà trả lời".

Chánh kinh:

Nhược hữu thuyết ngôn: Bồ Tát vị dục viên mãn thành tựu Bồ Đề phần cố, nhiếp thủ sanh tử, hựu phục thuyết ngôn: Dĩ chư phiền não vi lợi ích sự.

若有說言。菩薩為欲圓滿成就菩提分故。攝取生死。又復說言。以諸煩惱為利益事。

(Nếu có kẻ nói rằng: Bồ Tát vì muốn viên mãn thành tựu Bồ Đề phần nên nhiếp thủ sanh tử, lại có kẻ nói rằng: Lấy các phiền não để làm chuyện lợi ích).

Trong Phật pháp xác thực là có dạy như vậy, nhưng câu tiếp theo đây mới là trọng yếu.

Chánh kinh:

Như thị thuyết giả, vi dữ lợi ích tương ứng? Phi lợi ích tương ứng? Vi dữ pháp tương ứng? Phi pháp tương ứng?

如是說者。為與利益相應。非利益相應。為與法相應。非法相應。

(Thì kẻ nói như vậy là tương ứng với lợi ích hay chẳng tương ứng với lợi ích? Là tương ứng với pháp hay chẳng tương ứng với pháp?)

Hai câu hỏi này của đức Phật rất hay. Hai câu hỏi ấy như sau:

- Tương ứng với lợi ích hay không?
- Tương ứng với pháp hay không?

Nếu tương ứng thì là Phật nói, nếu không tương ứng, sẽ chẳng phải là đức Phật nói.

Chánh kinh:

Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Nhược chánh thuyết giả, tắc dữ nghĩa lợi tương ứng.

彌勒菩薩。白佛言。世尊。若正說者。則與義利相應。

(Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu là chánh thuyết thì sẽ tương ứng với nghĩa lợi)

Tức là tương ứng với lợi ích. *"Nghĩa lợi"* là lợi ích chánh đáng. Tương ứng với pháp thì có thể khiến cho pháp Bồ Đề phần được viên mãn. Điều này không sai! Đó là Pháp Thân đại sĩ đấy! Nói với họ như vậy thì là chánh thuyết.

Chánh kinh:

Phật ngôn: "Di Lặc! Nhược thuyết Bồ Tát vị dục viên mãn Bồ Đề phần, cố nhiếp thủ sanh tử".

佛言彌勒。若說菩薩為欲圓滿菩提分故攝取生死。

(Phật nói: "Này Di Lặc! Nếu nói Bồ Tát vì muốn viên mãn Bồ Đề phần mà nhiếp thủ sanh tử")

Giống như trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát nói: *"Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục"*. Địa Tạng Bồ Tát làm được! Ta nghe nói vậy cũng phát khởi tâm đại từ đại bi, theo gót Địa Tạng Bồ Tát vào địa ngục là xong rồi, hoàn toàn lầm mất rồi! Bởi lẽ, đấy là những việc thuộc quả địa của chư Phật Như Lai, phàm phu chúng ta chẳng có năng lực ấy.

Chánh kinh:

Thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự, như thị biện tài, chư Phật Như Lai chi sở tuyên thuyết. Hà dĩ cố? Di Lặc! Thử chư Bồ Tát đắc pháp tự tại.

說諸煩惱能為菩薩利益之事。如是辯才。諸佛如來之所宣說。何以故。彌勒。此諸菩薩得法自在。

(Nói các phiền não có thể tạo thành sự lợi ích cho Bồ Tát thì biện tài như vậy được chư Phật Như Lai tuyên nói. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát ấy được tự tại nơi pháp).

Quý vị xem đó: Phật nói những pháp ấy là nói với những vị Bồ Tát được tự tại nơi pháp. Nếu ai đối với pháp vẫn chưa được tự tại thì Phật quyết định chẳng nói những pháp ấy. Những Bồ Tát nào được tự tại nơi pháp? Là Pháp Thân đại sĩ, cũng như tôi vừa mới đó, họ nhập Bất Nhị pháp môn. Những vị này, mức độ thấp nhất là đã phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Những điều đức Phật dạy họ chẳng giống với những điều Phật dạy cho hạng sơ học chúng ta. Quý vị xem nhé:

Chánh kinh:

Sở khởi phiền não, vô hữu quá thất.

所起煩惱。無有過失。

(Khởi lên phiền não, chẳng có lầm lỗi)

Các vị ấy tỏ vẻ phiền não, nhưng phiền não ấy chẳng có lầm lỗi, là vì sao? Tâm các Ngài thanh tịnh, tâm rất tự tại! Nói cách khác, đối với các vị Pháp Thân đại sĩ ấy, phiền não tức Bồ Đề, các vị dùng phiền não làm phương cách độ sanh. Chúng ta xem trong kinh Hoa Nghiêm, phần năm mươi ba lần tham học, thấy Cam Lộ Hỏa Vương dùng nóng giận để độ chúng sanh; nóng giận là đại phiền não đấy nhé! Ngài hiện vẻ nóng giận, nhưng tâm Ngài thanh lương tự tại, một dạ từ bi. Điều này chúng ta rất khó thấu hiểu nổi!

Quý vị nghĩ xem: Cha mẹ giáo huấn con cái mình, có lúc đánh, có lúc chửi, có lúc mặt mũi rất khó coi, là vì sao? Là vì yêu thương, che chở con mình đấy chứ! Là để dạy con thành người đấy chứ! Chứ nào phải là giận dữ thật sự đâu! Cha mẹ dùng phương cách ấy đối với con cái mình, sao không dùng phương cách ấy đối với con cái người khác? Là vì yêu thương, gìn giữ vậy! Con cái người khác chẳng liên quan gì đến mình, cho nên thường tươi cười đó mà! Quý vị đối chiếu những điều được nói trong đoạn kinh này với kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy rất thú vị! Bởi lẽ đó, các Ngài khởi lên phiền não, nhưng không có lầm lỗi!

Chánh kinh:

Thị vi Bồ Tát thiện xảo phương tiện, phi chư Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới.

是為菩薩善巧方便。非諸聲聞緣覺境界。

(Đấy là phương tiện hay khéo của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh Văn, Duyên Giác).

Chẳng phải là cảnh giới của Thanh Văn, A La Hán, Bích Chi Phật, các vị ấy chẳng làm được! Các vị ấy còn chẳng làm được thì phàm phu chúng ta làm sao nổi? Nhất định phải biết điều này. Chúng ta phải biết, phải hiểu rõ Phật pháp ở mức độ cao, nhưng quyết định chẳng học đòi các Ngài ấy được, đó chẳng phải là cảnh giới ta làm được!

Chánh kinh:

Di Lặc! Nhược hữu phiền não, bất năng vị tha tác lợi ích sự, diệc bất năng viên mãn Bồ Đề phần pháp, nhi phát khởi giả, bất dữ nghĩa lợi tương ứng, bất dữ pháp tương ứng, đản vi hạ liệt thiện căn nhân giả, Bồ Tát ư trung ninh xả thân mạng, diệc bất tùy bỉ phiền não nhi hành.

彌勒。若有煩惱。不能為他作利益事。亦不能滿菩提分法。而發起者。不與義利相應。不與法相應。但為下劣善根因者。菩薩於中寧舍身命。亦不隨彼煩惱而行。

(Này Di Lặc! Nếu có phiền não, chẳng thể vì người khác làm điều lợi ích, cũng chẳng thể viên mãn pháp Bồ Đề phần, mà phát khởi, chẳng tương ứng với nghĩa lợi, chẳng tương ứng với pháp, chỉ tại thành cái nhân cho thiện căn hèn kém, thì Bồ Tát thà xả thân mạng chứ chẳng hành theo những phiền não đó).

Đoạn khai thị này vô cùng yếu khẩn. Nếu bây giờ có ai nói với ta những điều [chẳng tương ứng với lợi ích, chẳng tương ứng với pháp] như thế đó, ta chớ nên tùy thuận theo. Nếu quý vị tùy thuận theo lời ấy, nói cách khác là quý vị tùy thuận làm ác, quý vị sẽ đọa tam đồ đấy! Nếu là bị ép buộc, bất đắc dĩ, trong tâm mình phải hiểu rõ, phải chân chánh sám hối, thiện thì ta tùy thuận theo, còn ác thì chẳng tùy thuận. Lúc quý vị tùy thuận sẽ *"chẳng tạo thành cái nhân cho thiện căn hèn kém",* "hạ liệt" (hèn kém) là tam đồ ác đạo! Một đệ tử Phật chân chánh, một Bồ Tát chân chánh tu hành bèn thà xả thân mạng, chứ chẳng thể tùy thuận phiền não mà hành!

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Di Lặc! Hữu dị Bồ Tát đắc trí lực cố, ư chư phiền não hiện hữu phan duyên.

何以故。彌勒。有異菩薩得智力故。於諸煩惱現有攀緣。

(Vì sao thế? Này Di Lặc! Có Bồ Tát khác do đắc trí lực nên đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm).

Đây là nói về các Pháp Thân đại sĩ, các Ngài thị hiện. Các vị *"Bồ Tát khác"* ấy là những vị Bồ Tát tâm đã thanh tịnh, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ nói là *"thanh tịnh bình đẳng giác",* tâm các Ngài thật sự đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, trong hết thảy cảnh duyên chỉ giác chứ không mê. Các vị Bồ Tát ấy có trí huệ, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. *"Đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm"* là vì lợi ích chúng sanh, các Ngài bèn dùng thủ đoạn ấy, cho nên chẳng có lỗi lầm gì! Các Ngài làm được, ta không làm được đâu!

Trong lịch sử, cũng như trong phim ảnh hiện thời, các vị đã từng xem truyện Tế Công, Tế Công ưa uống rượu, Ngài có vì rượu mà làm bậy hay không? Ngài có uống đến say khướt hay chăng? Chẳng hề có! Cận đại, chúng ta biết đến vị Phật sống chùa Kim Sơn: Năm Dân Quốc thứ nhất (1911), pháp sư Diệu Thiện ở chùa Kim Sơn, Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, hành vi cũng chẳng khác Tế Công mấy tí, chẳng khác gì nhau, cũng lôi thôi nhếch nhác. Ngài ăn uống, sanh hoạt đi đứng vô cùng tùy tiện, chẳng có chút câu thúc nào, nhưng người học Phật chúng ta chẳng học theo được. Quý vị xem Ngài ăn cơm, ăn hai, ba mươi chén không

hề chi, mấy ngày chẳng ăn cơm cũng chẳng việc gì. Tại Đài Loan có một vị pháp sư theo dõi Ngài rất kỹ, theo dõi những việc Ngài đã làm, đó là pháp sư Lạc Quán. Sư viết thành sách Kim Sơn Hoạt Phật Truyện Ký. Có một bữa, Ngài ép pháp sư Lạc Quán ăn cơm, cứ từng chén, từng chén ép ăn, pháp sư Lạc Quán vô tình ăn hết mười chén cơm, đó là do sức gia trì của Ngài vậy.

Pháp sư Lạc Quan từng hỏi Ngài: *"Ăn nhiều vậy sao chẳng bị no căng bụng?"* Ngài đáp: *"Ông chưa nghe nói trong Phật pháp chẳng tăng chẳng giảm ư?"* Bất tăng bất giảm là chuyện của người ta, ta chẳng học được, ta bắt chước Ngài chắc chắn sẽ sanh bệnh. Ngài làm được chuyện chẳng tăng chẳng giảm: Ăn nhiều đến mấy vẫn chẳng tăng, không ăn vẫn chẳng giảm. Ngài có năng lực ấy, những người tầm thường chúng ta chẳng học đòi được đâu! Câu tiếp theo là:

Chánh kinh:
Hữu dị Bồ Tát, vô trí lực cố.
有異菩薩。無智力故。
(Có Bồ Tát khác, vì không có trí lực)

Không có trí huệ, không có thần thông đạo lực, đây cũng là nói có một hạng Bồ Tát có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Chánh kinh:
Ư chư phiền não, tăng thượng chấp trước.
於諸煩惱。增上執著。
(Đối với các phiền não, chấp trước tăng mạnh mẽ thêm).

Lúc quý vị muốn học theo như thế, phiền não sẽ càng tăng thêm. Điều khai thị trong đoạn này cực trọng yếu, trong xã hội hiện tại của chúng ta, ở bất cứ địa phương nào cũng đều thấy có hiện tượng này. Chính mình phải minh bạch, phải hiểu rõ ràng.

Hết Phần 2